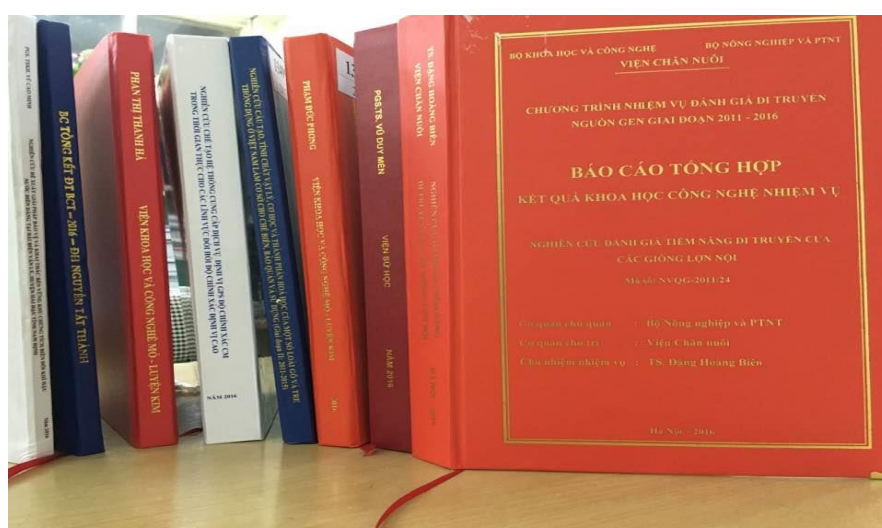


# THÔNG BÁO

## KẾT QUẢ THỰC HIỆN

### NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ



**SỐ 10**  
**2021**



**THÔNG BÁO**  
**KẾT QUẢ THỰC HIỆN**  
**NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**  
**(Định kỳ 1 số/tháng)**

**BAN BIÊN TẬP**

|                        |   |
|------------------------|---|
| <i>Trưởng ban:</i>     | THS. VŨ ANH TUẤN  |
| <i>Phó Trưởng ban:</i> | ThS. Võ Thị Thu Hà<br>ThS. Trần Thị Hoàng Hạnh                        |
| <i>Ủy viên thư ký:</i> | ThS. Nguyễn Thị Thưa<br>CN. Nguyễn Thị Thúy Diệu<br>CN. Nguyễn Thu Hà |

**MỤC LỤC**

|  | <i>Trang</i> |
|--|--------------|
| Lời giới thiệu   | ii           |
| Giải thích các yếu tố mô tả kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký/giao nộp       | 3            |
| Bảng tra kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký/giao nộp theo lĩnh vực nghiên cứu | 4            |
| Thông tin thư mục kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký/giao nộp                 | 9            |
| <u>Phụ lục</u> : Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN                      | 83           |

## LỜI GIỚI THIỆU

Triển khai thực hiện việc thông tin về kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được quy định trong Luật Khoa học và Công nghệ; Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/02/2014 của Thủ tướng Chính phủ về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ; Thông tư số 14/2014/TT-BKHHCN ngày 11/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ, Cục Thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia là cơ quan nhà nước có thẩm quyền về đăng ký, lưu giữ, phổ biến thông tin KQNC, biên soạn và phát hành xuất bản phẩm: ***“Thông báo kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ”***.

Xuất bản phẩm ***“Thông báo kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ”*** được xuất bản nhằm giới thiệu với bạn đọc thông tin thư mục cơ bản về kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp từ cấp quốc gia (cấp nhà nước), cấp bộ/ngành, cấp tỉnh/thành và cấp cơ sở trên cả nước, thuộc tất cả các lĩnh vực khoa học và công nghệ được đăng ký và giao nộp tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia. Thông tin trong xuất bản phẩm này được rút ra từ Hệ thống Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia do Cục Thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia xây dựng và có thể tra cứu trực tuyến theo địa chỉ: <http://sti.vista.gov.vn>. Định kỳ xuất bản xuất bản phẩm là 1 số/tháng nhằm thông báo kịp thời thông tin các kết quả nghiên cứu các cấp đã đăng ký và giao nộp tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

Trân trọng giới thiệu.

Mọi thông tin phản hồi về Xuất bản phẩm, xin liên hệ theo địa chỉ:

**CỤC THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA**

***Số 24-26 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội***

**ĐT: (024) 39349116- Fax: (024) 39349127- E-mail: [quanly@vista.gov.vn](mailto:quanly@vista.gov.vn)**

Website: <http://www.vista.gov.vn/>

**GIẢI THÍCH CÁC YẾU TỐ MÔ TẢ  
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

① 74479.1-2020. ② Nghiên cứu đề xuất một số khu vực có thể phục hồi và tái tạo hệ sinh thái rạn san hô phục vụ du lịch sinh thái biển Khánh Hòa/ Võ Sĩ Tuấn, TS. Nguyễn Văn Long; CN. Phan Kim Hoàng; ThS. Thái Minh Quang; ThS. Phan Thị Kim Hồng; ThS. Mai Xuân Đạt; ThS. Phạm Sĩ Hoàn; ThS. Phạm Bá Trung; CN. Hứa Thái Tuyên; TS. Hoàng Xuân Bền - Khánh Hòa - Viện Hải dương học Nha Trang, 2018 - 01/2015 - 08/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

③

⑥

⑦

⑧

⑨

⑩—Tổng quan về các điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội, đa dạng sinh học ở vùng biển Khánh Hoà. Đánh giá hiện trạng hệ sinh thái rạn san hô ở các khu vực có tiềm năng sử dụng cho mục tiêu du lịch sinh thái biển. Điều tra hiện trạng sử dụng và quản lý tài nguyên tại các khu vực tiềm năng. Phân tích các yếu tố tích cực và hạn chế liên quan đến phục hồi rạn san hô và phát triển du lịch sinh thái và đề xuất các khu vực có thể phục hồi và tái tạo rạn san hô nhằm sử dụng cho du lịch sinh thái. Xây dựng mô hình phục hồi, tái tạo rạn san hô với sự tham gia quản lý của doanh nghiệp.

Số hồ sơ lưu: KHA-2019-002

|   |  |
|---|--|
| ① | Mã tra cứu                                       |
| ② | Số xuất bản phẩm - Năm xuất bản                  |
| ③ | Tên nhiệm vụ                                     |
| ④ | Chủ nhiệm nhiệm vụ và cán bộ tham gia nghiên cứu |
| ⑤ | Thời gian thực hiện nhiệm vụ                     |
| ⑥ | Cấp nhiệm vụ                                     |
| ⑦ | Nơi viết báo cáo                                 |
| ⑧ | Cơ quan chủ trì nhiệm vụ                         |
| ⑨ | Năm viết báo cáo                                 |
| ⑩ | Tóm tắt nội dung nghiên cứu                      |

**BẢNG TRA KẾT QUẢ THỰC HIỆN  
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐÃ ĐĂNG KÝ/ GIAO NỘP  
THEO LĨNH VỰC NGHIÊN CỨU**

|   |           |
|---|-----------|
| <b>1. Khoa học tự nhiên .....</b>                                     | <b>9</b>  |
| <b>101. Toán học và thống kê.....</b>                                 | <b>9</b>  |
| 10102. Toán học ứng dụng.....   | 9         |
| <b>102. Khoa học máy tính và thông tin .....</b>                      | <b>9</b>  |
| 10201. Khoa học máy tính .....  | 10        |
| 10202. Khoa học thông tin .....                                       | 10        |
| 10203. Sinh tin học.....  | 11        |
| <b>103. Vật lý .....</b>  | <b>11</b> |
| 10301. Vật lý nguyên tử; vật lý phân tử và vật lý hóa học .....       | 11        |
| 10302. Vật lý các chất cô đặc.....                                    | 11        |
| 10399. Khoa học vật lý khác .....                                     | 12        |
| <b>105. Các khoa học trái đất và môi trường liên quan .....</b>       | <b>12</b> |
| 10502. Khoáng vật học.....  | 12        |
| 10509. Các khoa học môi trường .....                                  | 13        |
| 10513. Thủy văn; Tài nguyên nước .....                                | 14        |
| <b>106. Sinh học.....</b>   | <b>14</b> |
| 10615. Đa dạng sinh học .....   | 14        |
| <b>2. Khoa học kỹ thuật và công nghệ.....</b>                         | <b>15</b> |
| <b>201. Kỹ thuật dân dụng .....</b>                                   | <b>17</b> |
| 20102. Kỹ thuật xây dựng .....  | 17        |
| 20104. Kỹ thuật giao thông vận tải .....                              | 18        |
| 20105. Kỹ thuật thủy lợi.....   | 19        |
| <b>202. Kỹ thuật điện, kỹ thuật điện tử, kỹ thuật thông tin .....</b> | <b>19</b> |

|   |           |
|---|-----------|
| 20203. Tự động hoá (CAD/CAM, v.v..) và các hệ thống điều khiển, giám sát; công nghệ điều khiển số bằng máy tính (CNC),..                  | 20        |
| 20204. Các hệ thống và kỹ thuật truyền thông  | 21        |
| 20299. Kỹ thuật điện, kỹ thuật điện tử, kỹ thuật thông tin không xếp vào mục nào khác.....  | 21        |
| <b>203. Kỹ thuật cơ khí.....</b>  | <b>21</b> |
| 20302. Chế tạo máy nói chung.....   | 22        |
| 20303. Chế tạo máy công cụ .....  | 22        |
| 20305. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo máy nông nghiệp.....  | 22        |
| 20308. Kỹ thuật và công nghệ hàng không, vũ trụ .....   | 24        |
| <b>204. Kỹ thuật hóa học .....</b>  | <b>24</b> |
| 20401. Sản xuất hóa học công nghiệp nói chung (nhà máy, sản phẩm).....  | 24        |
| <b>205. Kỹ thuật vật liệu và luyện kim.....</b>   | <b>24</b> |
| 20502. Kỹ thuật và công nghệ sản xuất kim loại và hợp kim đen .....   | 24        |
| 20507. Vật liệu xây dựng .....  | 25        |
| 20511. Màng mỏng, vật liệu sơn, vật liệu phủ.....   | 25        |
| 20512. Vật liệu composite (bao gồm cả plastic gia cường, gốm kim loại (cermet), các vật liệu sợi tổng hợp và tự nhiên phối hợp;...) ..... | 26        |
| 20514. Vải, gồm cả sợi, màu và thuốc nhuộm tổng hợp.....  | 26        |
| <b>207. Kỹ thuật môi trường.....</b>  | <b>27</b> |
| 20701. Kỹ thuật môi trường và địa chất, địa kỹ thuật.....   | 27        |
| 20705. Khai thác mỏ và xử lý khoáng chất.....   | 28        |
| 20706. Kỹ thuật hàng hải, đóng tàu biển .....   | 28        |
| <b>208. Công nghệ sinh học môi trường .....</b>   | <b>29</b> |
| 20802. Xử lý môi trường bằng phương pháp sinh học; các công nghệ sinh học chẩn đoán (chip ADN và thiết bị cảm biến sinh học) .....        | 29        |

|  |           |
|--|-----------|
| 20899. Công nghệ sinh học môi trường khác .....  | 29        |
| <b>209. Công nghệ sinh học công nghiệp .....</b>   | <b>30</b> |
| 20902. Các công nghệ sản phẩm sinh học (các sản phẩm được chế tạo sử dụng vật liệu sinh học làm nguyên liệu), vật liệu sinh học, chất dẻo sinh học, nhiên liệu sinh học, các hóa chất được chiết tách từ sinh học, các vật liệu mới có nguồn gốc sinh học..... | 30        |
| <b>210. Công nghệ nano.....</b>  | <b>30</b> |
| 21001. Các vật liệu nano (sản xuất và các tính chất).....  | 30        |
| <b>211. Kỹ thuật thực phẩm và đồ uống.....</b>   | <b>31</b> |
| 21101. Kỹ thuật thực phẩm .....  | 31        |
| 21102. Kỹ thuật đồ uống.....   | 32        |
| <b>299. Khoa học kỹ thuật và công nghệ khác .....</b>  | <b>32</b> |
| <b>3. Khoa học y, dược .....</b>   | <b>33</b> |
| <b>302. Y học lâm sàng .....</b>   | <b>35</b> |
| 30212. Y học hạt nhân và phóng xạ; chụp ảnh y học .....  | 36        |
| <b>304. Dược học .....</b>   | <b>36</b> |
| 30401. Dược lý học .....   | 36        |
| 30402. Dược học lâm sàng và điều trị.....  | 37        |
| 30403. Dược liệu học; cây thuốc; con thuốc; thuốc Nam, thuốc dân tộc ....  | 37        |
| <b>305. Công nghệ sinh học trong y học.....</b>  | <b>39</b> |
| 30501. Công nghệ sinh học liên quan đến y học, y tế.....   | 39        |
| <b>4. Khoa học nông nghiệp .....</b>   | <b>39</b> |
| <b>401. Trồng trọt .....</b>   | <b>44</b> |
| 40103. Cây lương thực và cây thực phẩm.....  | 45        |
| 40104. Cây rau, cây hoa và cây ăn quả .....  | 47        |
| 40105. Cây công nghiệp và cây thuốc .....  | 47        |
| <b>402. Chăn nuôi.....</b>   | <b>48</b> |

|  |           |
|--|-----------|
| 40202. Di truyền và nhân giống động vật nuôi.....  | 49        |
| 40203. Thức ăn và dinh dưỡng cho động vật nuôi.....  | 50        |
| 40204. Nuôi dưỡng động vật nuôi.....   | 50        |
| 40299. Khoa học công nghệ chăn nuôi khác.....  | 51        |
| <b>404. Lâm nghiệp .....</b>   | <b>51</b> |
| 40404. Sinh thái và môi trường rừng .....  | 52        |
| 40405. Giống cây rừng.....   | 52        |
| <b>405. Thủy sản.....</b>  | <b>52</b> |
| 40503. Bệnh học thủy sản .....   | 52        |
| 40504. Nuôi trồng thủy sản .....   | 53        |
| <b>406. Công nghệ sinh học trong nông nghiệp .....</b>   | <b>55</b> |
| 40601. Công nghệ gen (cây trồng và động vật nuôi); nhân dòng vật nuôi; ..  | 55        |
| <b>499. Khoa học nông nghiệp khác.....</b>   | <b>56</b> |
| <b>5. Khoa học xã hội .....</b>  | <b>56</b> |
| <b>502. Kinh tế và kinh doanh .....</b>  | <b>56</b> |
| 50201. Kinh tế học; Trắc lượng kinh tế học; Quan hệ sản xuất kinh doanh  | 59        |
| 50202. Kinh doanh và quản lý .....   | 62        |
| <b>503. Khoa học giáo dục.....</b>   | <b>68</b> |
| 50301. Khoa học giáo dục học nói chung, bao gồm cả đào tạo, sư phạm học, lý luận giáo dục,..                                   | 68        |
| <b>504. Xã hội học .....</b>   | <b>69</b> |
| 50401. Xã hội học nói chung .....  | 69        |
| 50405. Xã hội học chuyên đề; Khoa học về giới và phụ nữ; Các vấn đề xã hội Nghiên cứu gia đình và xã hội; Công tác xã hội..... | 69        |
| 50499. Xã hội học khác .....   | 71        |
| <b>505. Pháp luật.....</b>   | <b>71</b> |



|   |           |
|---|-----------|
| 50501. Luật học .....   | 71        |
| <b>506. Khoa học chính trị .....</b>                              | <b>76</b> |
| 50601. Khoa học chính trị .....                                   | 76        |
| 50602. Hành chính công và quản lý hành chính .....                | 77        |
| 50603. Lý thuyết tổ chức; Hệ thống chính trị; Đảng chính trị..... | 78        |
| <b>507. Địa lý kinh tế và xã hội .....</b>                        | <b>78</b> |
| 50702. Địa lý kinh tế và văn hoá.....                             | 78        |
| 50703. Nghiên cứu quy hoạch, phát triển đô thị .....              | 78        |
| <b>508. Thông tin đại chúng và truyền thông.....</b>              | <b>79</b> |
| 50802. Thông tin học .....  | 79        |
| 50804. Thông tin đại chúng và truyền thông văn hoá - xã hội ..... | 79        |
| <b>599. Khoa học xã hội khác.....</b>                             | <b>80</b> |
| <b>6. Khoa học nhân văn.....</b>                                  | <b>80</b> |
| <b>602. Ngôn ngữ học và văn học .....</b>                         | <b>80</b> |
| 60207. Lý luận văn hoá; Nghiên cứu văn hoá nói chung .....        | 80        |
| <b>603. Triết học, đạo đức học và tôn giáo .....</b>              | <b>81</b> |
| 60301. Triết học .....  | 81        |
| 60302. Lịch sử và triết học của khoa học và công nghệ .....       | 82        |

## THÔNG TIN THƯ MỤC KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐÃ ĐĂNG KÝ/ GIAO NỘP

### 1. Khoa học tự nhiên

#### 101. Toán học và thống kê

##### 10102. Toán học ứng dụng

74120. 10-2021. **Các bài toán hyperbolic và ứng dụng trong các dòng chảy chất lưu phức hợp/** PGS. TS. Mai Đức Thành, TS. Đào Huy Cường; ThS. Nguyễn Hữu Hiệp - Hồ Chí Minh - Trường Đại học Quốc tế, 2019 - 04/2017 - 04/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu các tính chất cơ bản của các mô hình dòng chảy chất lưu phức hợp như: tính phi bảo toàn, tính phi hyperbolic ngặt, tính elliptic-hyperbolic, tính chất các trường đặc trưng, các sóng cơ sở, sốc chấp nhận được, hiện tượng cộng hưởng, sự chuyển pha, bài toán Mã số hồ sơ Ngày nhận báo cáo (Do Cơ quan điều hành Quỹ ghi) 3 Riemann,... Nghiên cứu sự tồn tại sóng lưu động ứng với một sốc chấp nhận được cho trước khi có các hệ số nhớt, mao dẫn và sự truyền nhiệt; Nghiên cứu đề xuất các phương pháp số mới chính xác hơn, hữu hiệu hơn các phương pháp số đã biết và có các tính chất vượt trội để tính nghiệm xấp xỉ cho các mô hình hyperbolic và ứng dụng cho các dòng chảy chất lưu phức hợp.

Số hồ sơ lưu: 16323

#### 102. Khoa học máy tính và thông tin

75399. 10-2021. **Xây dựng hệ thống thông tin hội thi, cuộc thi**

**sáng tạo trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp/** KS. Nguyễn Hồng Ly, ThS. Lê Minh Hùng; KS. Trần Phước Dư; KS. Nguyễn Phi Tân; KS. Nguyễn Ngọc Duy - - Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật, 2019 - 06/2018 - 06/2019. (Đề tài cấp Cơ sở)

Khảo sát các nguyên nhân dẫn đến những hạn chế trong quá trình xây dựng và mở rộng hệ thống thông tin hội thi, cuộc thi sáng tạo trên địa bàn tỉnh. Trong đó chủ yếu xuất phát từ việc chưa số hóa thông tin các sản phẩm dự thi và xây dựng cơ sở dữ liệu các cuộc thi sáng tạo thuận tiện cho việc quản lý, khai thác ứng dụng. Mặt khác, các nghiệp vụ tổ chức quản lý các cuộc thi sáng tạo chưa được tin học hóa (các khâu tiếp nhận, phân loại, lưu trữ hồ sơ...phần lớn đều được thực hiện trực tiếp thủ công, dẫn đến những khó khăn trong công tác tổ chức quản lý, chia sẻ dữ liệu...). Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin nhằm giải quyết những hạn chế bất cập và nâng cao hiệu quả công tác tổ chức quản lý các cuộc thi sáng tạo.

Với mong muốn kết quả Đề tài góp phần chuyên nghiệp hóa công tác tổ chức quản lý các cuộc thi sáng tạo, cũng như tạo điều kiện thuận lợi để nhân dân tiếp cận tham gia dự thi, nắm bắt thông tin các giải pháp sáng kiến để nghiên cứu phát triển, ứng dụng vào đời sống sản xuất.

Số hồ sơ lưu: DTP-2019-019

**10201. Khoa học máy tính**

74086. 10-2021. **Tối ưu hóa các kỹ thuật lập chỉ mục trong đối sánh mẫu/** TS. Phạm Thế Anh, PGS. TS. Đỗ Năng Toàn; TS. Roman Raveaux; ThS. Lê Văn Hào; ThS. Lê Đình Nghiệp - Hà Nội - Trường Đại học Hồng Đức, 2019 - 04/2017 - 04/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tìm hiểu tổng quan các kỹ thuật và phương pháp lập chỉ mục vector đặc trưng trong và ngoài nước. Tập trung vào các kỹ thuật thuộc các nhóm giải pháp: các kỹ thuật băm, phân cụm, lượng tử hóa và phân hoạch không gian. Phát triển và mở rộng các ưu điểm (code nhỏ, thời gian đối sánh nhanh) của giải pháp lượng tử hóa (ví dụ: PQ, ck-means); đồng thời khai thác các thế mạnh của các kỹ thuật phân hoạch không gian để thiết kế một chiến lược phân hoạch vừa nhỏ gọn, vừa chính xác, có tính đặc trưng cao. Nghiên cứu và xây dựng các kỹ thuật bảng tra (lookups) nhằm cải tiến quá trình tính toán khoảng cách từ một truy vấn đến một vector đã được lập chỉ mục trong cơ sở dữ liệu. Đây là một vấn đề khá quan trọng vì nó được áp dụng trong bước đối sánh (online). Vì vậy, việc tính toán các độ đo và khoảng cách cần được thực hiện một cách hiệu quả và thuận tiện. Đề xuất một kỹ thuật hiệu quả nhằm xấp xỉ khoảng cách Euclidean giữa các vector đặc trưng gốc. Nghiên cứu và phát triển một kỹ thuật thiết lập tự động các tham số của bộ chỉ mục một cách tối ưu và hiệu quả, thích hợp cho từng loại đặc trưng (trên một cơ sở dữ liệu cụ thể). Cài đặt các thuật giải đề xuất, tiến hành các thử nghiệm cần thiết và

đánh giá hiệu năng của các giải thuật đề xuất; so sánh với các kỹ thuật tiên tiến khác hiện tại.

Số hồ sơ lưu: 16318

**10202. Khoa học thông tin**

78510. 10-2021. **Nghiên cứu giải pháp kỹ thuật lưu trữ, quản lý và phân tích dữ liệu lớn (Big Data) - Thử nghiệm đối với dữ liệu khí tượng thủy văn/** CN. Vũ Anh Tú, CN. Đàm Thị Hương Liên; KS. Đinh Hải Dương; CN. Trịnh Hùng Quang; KS. Dương Đức Tới; KS. Đỗ Thị Ngọc Yến; KS. Dương Kim Đông; KS. Nguyễn Tuấn Anh; KS. Lê Huy Toàn; CN. Vũ Hải Vân; CN. Trần Thu Trang; ThS. Nguyễn Thị Ngọc Linh; KS. Đoàn Minh Đức; KS. Đỗ Quang Huy; KS. Vũ Duy Tiến; ThS. Ngô Văn Mạnh; KS. Hoàng Hồng Nghĩa; KS. Võ Lan Anh - Hà Nội - Trung tâm Kiểm định sản phẩm công nghệ thông tin, 2020 - 02/2017 - 06/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan giải pháp dữ liệu lớn. Một số kỹ thuật cơ bản đối với giải pháp dữ liệu lớn. Nghiên cứu giải pháp và yếu tố đảm bảo vận hành của hệ thống dữ liệu lớn. Đề xuất một số giải pháp công nghệ dữ liệu lớn phục vụ lưu trữ, phân tích và cung cấp dữ liệu vệ tinh himawari 8/9. Xây dựng phần mềm thử nghiệm giải pháp dữ liệu lớn trong lưu trữ, phân tích và cung cấp dữ liệu vệ tinh himawari 8/9 (Phần mềm thử nghiệm khai thác tập trung dữ liệu vệ tinh himawari 8/9).

Số hồ sơ lưu: 18033

**10203. Sinh tin học**

73228. 10-2021. **Ứng dụng và triển khai hệ thống phần mềm tích hợp và kết nối các thiết bị điện tử y sinh và mạng truyền thông hỗ trợ theo dõi sức khỏe và dịch tễ cộng đồng khu vực Tây Bắc/ PGS. TS. Nguyễn Thanh Tùng, PGS. TS. Nguyễn Thị Trang; KS. Bùi Ngọc Minh; PGS. TS. Phan Công Vinh; KS. Hà Đắc Biên; KS. Cao Thị Vân Điềm; TS. Nguyễn Hữu Thắng; PGS. TS. Lê Hoàng Sơn; TS. Nguyễn Hữu Đức; KS. Nguyễn Xuân Bình - Hà Nội - Trường Đại học Nguyễn Tất Thành, 2019 - 12/2015 - 12/2018. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Nghiên cứu đặc tính đời sống kinh tế, văn hóa, cộng đồng, xã hội và thực trạng chăm sóc sức khỏe và dịch tễ cộng đồng của cư dân tỉnh Sơn La (vùng Tây Bắc). Khảo sát các thông số liên quan đến 4 nhóm bệnh phổ biến ở Tây Bắc liên quan đến chăm sóc sức khỏe và dịch tễ cộng đồng. Phân tích và thiết kế hệ thống tích hợp và kết nối các thiết bị điện tử y sinh. Nghiên cứu và thiết kế hệ thống cơ sở dữ liệu; giải pháp truyền thông; giải pháp điện toán đám mây. Nghiên cứu và đề xuất các mô hình phân tích, dự báo dịch tễ cộng đồng. Tích hợp định dạng dữ liệu huyết áp, điện tim, nhiệt độ và nồng độ bão hòa oxy; dữ liệu đường huyết; dữ liệu Xquang; dữ liệu siêu âm. Ghép các module và hiển thị các thông số liên quan đến 4 nhóm bệnh phổ biến trên nền web. Xây dựng phần mềm phân tích và dự báo dịch tễ cộng đồng. Đóng gói thiết bị trong phòng thí nghiệm. Khai thác thử nghiệm tại 1 tỉnh gồm tối thiểu 1 bệnh

viện tỉnh, 5 bệnh viện huyện và bệnh viện trung tâm tại Hà Nội.

Số hồ sơ lưu: 16028

**103. Vật lý****10301. Vật lý nguyên tử; vật lý phân tử và vật lý hóa học**

74083. 10-2021. **Động lực học và hành xử pha của các polymer sinh học trong các mô hình đơn giản/ PGS. TS. Trịnh Xuân Hoàng, TS. Lê Duy Mạnh; ThS. Phan Đức Anh; ThS. Bùi Phương Thúy; ThS. Nguyễn Thị Thùy Nhung; ThS. Nguyễn Bá Hưng; CN. Phạm Văn Hoàng - Hà Nội - Viện Vật lý, 2019 - 04/2017 - 05/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Xây dựng các mô hình lý thuyết đơn giản và sử dụng các phương pháp tính toán, mô phỏng máy tính, nghiên cứu các polymer sinh học và các hệ sinh học phân tử, nhằm giải thích các tính chất động lực học, khả năng hình thành pha của các phân tử sinh học cũng như tìm ra các tính chất, các quy luật và các hiệu ứng vật lý mới trong một số vấn đề nghiên cứu cụ thể liên quan tới các phân tử sinh học.

Số hồ sơ lưu: 16312

**10302. Vật lý các chất cô đặc**

74024. 10-2021. **Nghiên cứu cấu trúc, tính chất và chế tạo vật liệu perovskite nhằm ứng dụng cho pin nhiên liệu rắn/ TS. Nguyễn Việt Tuyên, PGS. TS. Nguyễn Hoàng Nam; TS. Phạm Nguyên Hải; GS. TS. Bạch Thành Công; ThS. Nguyễn Quang Hòa; ThS. Sái Công Doanh - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học**

Tự nhiên, 2019 - 02/2017 - 02/2019.  
(Đề tài cấp Bộ)

Chế tạo một số màng mỏng nano tinh thể từ vật liệu perovskite và perovskite pha tạp  $ABO_3$  ( $A = La, Sr, B = Ti, Cr, Mn, Co, Fe...$ ) định hướng ứng dụng trong chế tạo pin nhiên liệu rắn. Trong đó, đề tài trước hết tập trung nghiên cứu họ vật liệu  $LaMnO_3, LaFeO_3, BaTiO_3$  và các vật liệu pha tạp định hướng ứng dụng làm điện cực cho pin nhiên liệu. Màng mỏng nano tinh thể có độ xốp trong khoảng 5-40%, có độ dẫn cao ( $>10^{-2} S cm^{-1}$ ) để làm điện cực hoặc lớp chất điện phân trong pin nhiên liệu rắn. Tìm ra mối liên hệ giữa quá trình pha tạp và các thông số công nghệ lên tính chất vật lý của các vật liệu đã chế tạo qua đó để đạt mục đích là có độ dẫn lớn. Các yếu tố khác như độ xốp, độ bền và độ tương thích về mặt hóa học và cơ nhiệt của các vật liệu cũng sẽ được nghiên cứu để tối ưu hóa.

Số hồ sơ lưu: 16309

### **10399. Khoa học vật lý khác**

74152. 10-2021. **Phát triển một số loại vật liệu xúc tác mới định hướng ứng dụng để sản xuất  $H_2$  từ nước và năng lượng mặt trời/** Trần Đình Phong, GS. TS. Nguyễn Quang Liêm; PGS. TS. Ứng Thị Diệu Thúy; TS. Trần Thị Kim Chi; ThS. Lê Văn Hoàng - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội, 2019 - 05/2016 - 05/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu tổng hợp mới các vật liệu sulfide đơn kim loại ( $MS_x$ ), lưỡng kim loại ( $M_1M_2S_x$ ). Các kim

loại được lựa chọn sẽ là các kim loại chuyển tiếp thuộc các dãy đầu của bảng hệ thống tuần hoàn các nguyên tố hóa học như: Cu, Co, Fe, Ni, Cr, Mn, Mo và W. Các phương pháp tổng hợp vật liệu khác nhau như tổng hợp dung dịch hóa học, thủy nhiệt, tổng hợp điện hóa vv sẽ được nghiên cứu nhằm tìm ra phương pháp phù hợp cho tổng hợp lượng lớn vật liệu. Nghiên cứu cấu trúc hóa học và cơ chế hoạt động của các vật liệu xúc tác này trong quá trình xúc tác khử proton thành  $H_2$  trong nước. Kết hợp các xúc tác sulfide mới tổng hợp với các chất bán dẫn cấu trúc nano hoạt động trong vùng ánh sáng khả kiến như Si,  $Cu_2O$  để chế tạo các chất xúc tác quang điện hóa định hướng sản xuất  $H_2$ . Các phương pháp tổng hợp điện hóa, tổng hợp quang điện hóa hay các phương pháp đơn giản như drop-casting sẽ được nghiên cứu để mang các xúc tác trên lên trên bề mặt chất bán dẫn nano. Cơ chế hoạt động của các xúc tác quang điện hóa này sẽ được nghiên cứu chi tiết, làm cơ sở để tối ưu quá trình chế tạo chúng.

Số hồ sơ lưu: 16337

### **105. Các khoa học trái đất và môi trường liên quan**

#### **10502. Khoáng vật học**

73170. 10-2021. **Nghiên cứu nâng cấp chất lượng nhóm đá quý aquamarine (mỏ Thường Xuân, Thanh Hóa), spinel và tourmaline (mỏ Lục Yên, Yên Bái)/** TS. Lê Thị Thu Hương, TS. Nguyễn Đức Trung Kiên; PGS. TS. Phùng Quốc Thanh; ThS. Nguyễn Thế Nghĩa - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên,

2019 - 03/2014 - 05/2018. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thử nghiệm các điều kiện nhiệt độ, các điều kiện xúc tác và môi trường nung (oxy hóa hay khử). Xác định đặc điểm hóa/lý/quang phổ/ngọc học của aquamarine, spinel và tourmaline sau khi xử lý nhiệt và nguyên nhân thay đổi chất lượng (thay đổi hóa học/tâm màu, thay đổi bao thể...). Thử nghiệm các điều kiện nồng độ xử lý phóng xạ. Xác định đặc điểm hóa/lý/quang phổ/ngọc học của aquamarine, spinel và tourmaline sau khi xử lý xạ. Xác định nguyên nhân thay đổi chất lượng sau xử lý xạ. Thử nghiệm các điều kiện xử lý khác và nguyên nhân thay đổi chất lượng

Số hồ sơ lưu: 16029

### **10509. Các khoa học môi trường**

75500. 10-2021. **Nghiên cứu đánh giá tác động của hoạt động khai thác cát đến môi trường vùng cửa sông ven biển Hải Phòng/** TS. Vũ Duy Vĩnh, PGS.TS Trần Đình Lân; GS.TS Trần Đức Thạnh; ThS. Đỗ Gia Khánh; ThS. Nguyễn Minh Hải; ThS. Đỗ Thị Thu Hương ; TS. Trần Anh Tú; TS. Cao Thị Thu Trang; CN. Hoàng Thị Chiến - Hải Phòng - Viện Tài nguyên và Môi trường biển, 2019 - 07/2017 - 08/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Thu thập, hệ thống hóa tài liệu đã có liên quan đến các nội dung và mục tiêu nghiên cứu, bao gồm các nhóm tài liệu thu thập và tài liệu khảo sát bổ sung về đặc điểm hải văn, môi trường trầm tích liên quan đến hoạt động khai thác cát ở vùng cửa sông

ven biển Hải Phòng. Nghiên cứu đánh giá hiện trạng môi trường và khai thác cát ven biển Hải Phòng. Nghiên cứu đánh giá tác động của các hoạt động khai thác cát đến môi trường ở khu vực nghiên cứu. Nghiên cứu xây dựng các kịch bản, dự báo khả năng khai thác cát và những tác động của hoạt động này ở vùng cửa sông ven biển Hải Phòng. Nghiên cứu đề xuất giải pháp quản lý, khai thác phù hợp nhằm bảo vệ các nguồn tài nguyên và môi trường vùng ven biển Hải Phòng.

Số hồ sơ lưu: HPG.2019.013

76956. 10-2021. **Nghiên cứu xây dựng Bảo tàng thiên nhiên công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn, Hà Giang/** PGS. TS. Vũ Văn Liên, TS. Nguyễn Thanh Tuấn; PGS. TS. Nguyễn Trung Minh; PGS. TS. Phan Kế Long; KS. Lê Phương Thảo; TS. Nguyễn Quốc Bình; TS. Nguyễn Thiên Tạo; KTS. Mai Nguyên Thành; TS. Âu Văn Hợp; Phùng Quốc Khánh - Hà Giang - Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam, 2019 - 12/2016 - 12/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu xây dựng kịch bản trưng bày một số mẫu vật (về địa chất và sinh vật) cho Bảo tàng Thiên nhiên CVĐC toàn cầu CNĐ Đồng Văn, Hà Giang. Thu thập, xây dựng bộ mẫu vật về địa chất và sinh vật phục vụ trưng bày tại Bảo tàng Thiên nhiên CVĐC toàn cầu CNĐ Đồng Văn, Hà Giang. Trưng bày được phòng trưng bày Bảo tàng Thiên nhiên CVĐC toàn cầu CNĐ Đồng Văn.

Số hồ sơ lưu: HGG-008-2020

**10513. Thủy văn; Tài nguyên nước**

76606. 10-2021. **Nghiên cứu đánh giá an ninh nguồn nước phục vụ xây dựng quy hoạch tài nguyên nước: áp dụng thử nghiệm trên lưu vực sông Đồng Nai/** PGS. TS. Nguyễn Trúc Lê, PGS. TS. Nguyễn An Thịnh; GS. TS. Trần Đình Hợi; TS. Nguyễn Trung Kiên; ThS. Châu Trần Vĩnh; ThS. Hoàng Văn Đại; ThS. Nguyễn Tất Tuấn; ThS. Trần Thị Thanh Hải - Hà Nội - Trường Đại học Kinh tế, 2019 - 12/2016 - 12/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng quan nghiên cứu an ninh nguồn nước, kinh tế nước và an ninh nguồn nước các lưu vực sông chính ở Việt Nam. Điều tra khảo sát và thu thập, xử lý, tổng hợp tài liệu về an ninh nguồn nước và hiệu quả kinh tế sử dụng nước tại lưu vực sông Đồng Nai. Xây dựng cơ sở khoa học về đánh giá an ninh nguồn nước cho các lưu vực sông chính ở Việt Nam. Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả kinh tế sử dụng nước lưu vực sông đảm bảo an ninh nguồn nước nội địa. Đề xuất các giải pháp đảm bảo an ninh nguồn nước, quản lý, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả trong điều kiện biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Áp dụng thử nghiệm đánh giá an ninh nguồn nước phục vụ xây dựng quy hoạch tài nguyên nước lưu vực sông Đồng Nai.

Số hồ sơ lưu: 17300

**106. Sinh học****10615. Đa dạng sinh học**

73388. 10-2021. **Đa dạng thành phần loài và hoạt tính sinh học của một số loài trong chi Kim**

**tuyến (Anoetochilus Blume) ở Việt Nam/** PGS.TS. Trần Minh Hợi, TS. Chu Thị Thu Hà; ThS. Nguyễn Thị Hiền; ThS. Hà Thị Vân Anh; CN. Trần Thị Thanh An; CN. Phạm Thanh Bình; ThS. Phan Xuân Bình Minh - Hà Nội - Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, 2019 - 04/2014 - 04/2018. (Đề tài cấp Quốc gia)

Điều tra thực địa, thu thập tiêu bản để giám định tên khoa học; thu thập vật mẫu để tạo dịch chiết; phân tích tính đa dạng loài, phân bố của các loài trong chi Kim tuyến (Anoetochilus Blume) ở các địa điểm khác nhau ở Việt Nam. Tạo dịch chiết thô, phân lớp với một số dung môi phân cực dần để thăm dò hoạt tính sinh học của chúng. Phân tích thành phần hóa học và xác định cấu trúc các chất phân lập được của các chất có hoạt tính sinh học ở một số loài trong chi Kim tuyến (Anoetochilus Blume) có triển vọng. Phân tích thành phần hóa học tinh dầu loài Kim tuyến tơ (Anoetochilus setaceus Blume).

Số hồ sơ lưu: 15756

76957. 10-2021. **Nghiên cứu bảo tồn và phát triển một số loài lan rừng thu thập tại Hà Giang/** ThS. Bùi Hữu Chung, - Hà Giang - Trung tâm NC&PT Hoa, Cây cảnh, 2019 - - . (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu thu thập bảo tồn một số loài lan tại Hà Giang nhằm lưu giữ nguồn nguyên liệu gốc để nhân giống và phát triển các loài lan quý hiếm, có giá trị kinh tế, góp phần bảo vệ môi trường, phục vụ phát triển du lịch Hà Giang. Điều tra thu thập được nguồn

gen hoa lan tại Hà Giang với số lượng 20 loài, mỗi loại 20 giò. Đánh giá sinh trưởng, phát triển và mô tả đặc điểm nông sinh học của các loài lan thu thập, tuyển chọn được từ 1 - 2 giống có triển vọng. Hoàn thiện được quy trình trồng, chăm sóc cho 1 giống hoa lan có giá trị kinh tế cao. Xây dựng vườn lưu giữ mẫu giống hoa lan thu thập được tại Quyết Tiên, Quán Bạ, Hà Giang, diện tích 500 m<sup>2</sup>, số lượng 400 giò.

Số hồ sơ lưu: HGG-006-2020

## 2. Khoa học kỹ thuật và công nghệ

75484. 10-2021. **Nghiên cứu cải tiến máy se chỉ/** Cử nhân Nguyễn Thanh Vũ, CN Nguyễn Thanh Vũ; ThS Ngô Thế Huy; ThS Ngô Quang Thanh; CN Võ Văn Thắng; Nguyễn Ngọc Sơn - Bến Tre - Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Mỏ Cày Bắc, 2019 - 04/2018 - 09/2019. (Đề tài cấp Cơ sở)

Nghiên cứu cải tiến dây chuyền sản xuất máy se chỉ xơ dừa không qua công đoạn rải chỉ. Năng suất hoạt động máy tăng 1.5 lần so với máy se chỉ ngoài thị trường (máy se chỉ từ 04-08 trục), chất lượng chỉ mịn, bóng ít bị xù xì, năng suất đạt 18 -20kg/giờ. Tỷ lệ phế phẩm giảm từ 30% còn 20% so với máy hoạt động bình thường.

Số hồ sơ lưu: BTE-122-2019

75527. 10-2021. **Nghiên cứu phát triển và chuẩn hóa hệ thống quan trắc sinh học cho mạng lưới sông ngòi tỉnh Bến Tre phục vụ công tác quản lý môi trường nước/** Phó Giáo sư Tiến Sĩ Ngô Xuân

Quảng, PGS TS Ngô Xuân Quảng; TS Phạm Thanh Lưu; TS Thái Ngọc Trí; ThS Nguyễn Xuân Đồng; TS Nguyễn Thọ; TS Trần Ngọc Diễm My; ThS Trương Trinh Từ Tri; TS Ngô Thị Thu Trang; ThS Trần Thành Thái; ThS Nguyễn Thị Mỹ Yên; CN Thái Thị Minh Trang; TS Trần Thị Sao Mai; ThS Đặng Văn Tặng; CN Nguyễn Lê Quế Lâm; TS Nguyễn Minh Tuấn - TP Hồ Chí Minh - Viện sinh học Nhiệt đới, 2019 - 08/2017 - 11/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu phát triển và chuẩn hóa hệ thống quan trắc môi trường nước bằng các chỉ tiêu sinh học trong toàn hệ thống sông ngòi tỉnh Bến Tre phục vụ công tác quản lý môi trường nước trong tương lai.

Số hồ sơ lưu: BTE-127-2020

75665. 10-2021. **Nghiên cứu “Cải tiến lò xông mũ tở Nhà máy chế biến Suối Kè – Công ty TNHH MTV Cao su Bình Thuận”/** KS. Bùi Đình Minh, KS. Bùi Đình Minh - Công ty TNHH Cơ nhiệt Ánh Bình Minh, 2019 - 07/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Cơ sở)

Nghiên cứu cải tiến lò xông mũ tở Nhà máy chế biến Suối Kè - Công ty TNHH MTV Cao Su Bình Thuận giúp: Giảm chi phí sản xuất; Nâng cao chất lượng sản phẩm; Cải thiện điều kiện làm việc cho người vận hành.

Số hồ sơ lưu: BTN-2020-003

76924. 10-2021. **Giải pháp tổ chức cơ sở dữ liệu hybrid cho hạ tầng kỹ thuật các công trình giao**



**thông trên địa bàn thành phố Đà Nẵng./** Ngô Văn Quý, Nguyễn Phạm Nguyên - - Công ty Quản lý cầu đường Đà Nẵng, 2019 - 05/2018 - 04/2019. (Đề tài cấp Cơ sở)

Đề tài nghiên cứu tính đặc thù của mỗi loại dữ liệu trong toàn bộ hệ thống dữ liệu về giao thông hiện tại. Mỗi loại dữ liệu sẽ có hướng tiếp cận cụ thể để tổ chức. Nghiên cứu khả năng tích hợp các loại dữ liệu với nhau. Thực tế là mỗi loại dữ liệu vốn được tổ chức thành một khối độc lập, tuy nhiên có mối liên hệ với nhau. Do đó, chúng ta cần tổ chức các loại dữ liệu này thành một khối thống nhất đủ mềm dẻo để dễ quản lý và thích nghi khi có sự thay đổi. Thiết kế mô hình cơ sở dữ liệu hybrid cho hạ tầng kỹ thuật các công trình giao thông, gồm các thông số kỹ thuật các công trình đường bộ (các nút, các tuyến giao thông), các cầu cống và xây dựng bản đồ mạng lưới giao thông. Quản lý và khai thác hiệu quả thông tin về hạ tầng giao thông để hỗ trợ trong quy hoạch, quản lý giao thông của thành phố.

Số hồ sơ lưu: DNG-2019-CS107

76928. 10-2021. **Nghiên cứu thiết kế hệ thống dự đoán tốc độ gió phục vụ công tác cảnh báo tàu thuyền du lịch trên sông Hàn hoặc phương tiện qua cầu Thuận Phước./** Th.S. Bùi Hồng Trung, Th.s Lê Văn Trung; Th.s Doãn Đạt Phước; Ts. Võ Duy Hùng; Th.s Nguyễn Huỳnh Nhật Thương; Th.s. Ngô Văn Thọ; Ks. Nguyễn Anh Tuấn - - Sở Giao thông Vận tải thành phố Đà Nẵng, 2019 - 06/2018 - 06/2019. (Đề tài cấp Cơ sở)

Thiết kế và lắp đặt hệ thống quan trắc gió tự động tại khu vực cảng sông Hàn và cầu Thuận Phước, cầu Sông Hàn. Nghiên cứu, thiết kế phần mềm mô phỏng ước lượng (dự đoán) phân bố sức gió tại những vị trí khác vị trí bố trí thiết bị đo gió tốc độ gió cố định. Hệ thống cảnh báo bằng quang báo lắp đặt ngay tại khu vực điều hành cảng Sông Hàn và cầu Thuận Phước, kết nối với phần mềm thông báo trực quan ngay cho du khách cũng như chủ tàu du lịch và người tham gia giao thông qua cầu Thuận Phước.

Số hồ sơ lưu: DNG-2019-CS109

76929. 10-2021. **Ứng dụng phần mềm mã nguồn mở QUANTUM GIS (QGIS) phục vụ công tác giao khu vực biển trên địa bàn thành phố Đà Nẵng/** CN. Phạm Thị Chín, ThS Trương Công Hải; ThS Dương Thị Kim; KS Nguyễn Văn Hải - - Chi cục Biển và Hải đảo thành phố Đà Nẵng, 2018 - 12/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Cơ sở)

Đề tài thu thập, tổng hợp các thông tin, số liệu, dữ liệu trong phạm vi nghiên cứu phục vụ cho việc giao khu vực biển; Phân tích đánh giá, đề xuất khung cơ sở dữ liệu phục vụ công tác giao khu vực biển; Nghiên cứu, phân tích đánh giá phần mềm QGIS, xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu giao khu vực biển; Xây dựng cơ sở dữ liệu mẫu phục vụ giao khu vực biển; Xây dựng các biểu mẫu phục vụ công tác giao khu vực biển.

Số hồ sơ lưu: DNG-2019-CS111

78511. 10-2021. **Nghiên cứu hoàn thiện thiết kế và đổi mới công**

nghệ chế tạo một số bộ phận của các loại cầu trục, công trục cảng biển/ KS. Trần Văn Tuấn, KS. Bùi Đình Thành; ThS. Vũ Khắc Điệp; KS. Đoàn Kim Tiến; KS. Bùi Đình Lâm; KS. Nguyễn Việt Bảy; CN. Đinh Văn Toàn; KS. Nguyễn Hữu Trang; KS. Nguyễn Đức Hương; KS. Nguyễn Đình Dũng; KS. Lê Văn Mạnh; KS. Nguyễn Văn Diễn; KS. Phạm Ngọc Tùng; CN. Nguyễn Minh Hải; CN. Đặng Xuân Trường; KS. Trần Hải Long; CN. Trần Quang Sáng; CN. Lê quốc Khánh; CN. Vũ Duy Khanh - Hải Dương - Công ty cổ phần kết cấu thép và thiết bị nâng Việt Nam, 2020 - 10/2017 - 07/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng quan các cụm chính của cầu trục, công trục cảng biển. Cơ sở tính toán thiết kế và hoàn thiện công nghệ chế tạo các cụm chính của công trục. Nghiên cứu giải pháp nâng cao năng lực và hoàn thiện công nghệ chế tạo công trục tại Việt Nam. Xây dựng quy trình lắp đặt nhóm sản phẩm với cầu trục, công trục 200 tấn. Đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội và hiệu quả khoa học công nghệ của dự án.

Số hồ sơ lưu: 18036

## **201. Kỹ thuật dân dụng**

### **20102. Kỹ thuật xây dựng**

77041. 10-2021. **Nghiên cứu chế tạo và ứng dụng hạt cốt liệu nhẹ từ phế thải phá dỡ công trình xây dựng dân dụng (PTXD) ở Việt Nam/** PGS. TS. Nguyễn Hùng Phong, TS. Tống Tôn Kiên; PGS. TS. Nguyễn Văn Tuấn; CN. Đào Thị Hương Lan; PGS. TS. Trần Vĩnh Hoàng; PGS. TS. Nguyễn Trường

Thắng; ThS. Phạm Thị Vinh Lan; ThS. Lê Ngọc Lan; PGS. TS. Lê Việt Dũng; PGS. TS. Nguyễn Việt Phương; ThS. Dương Văn Hai; ThS. Đoàn Thị Quỳnh Mai; TS. Nguyễn Minh Thu; ThS. Lưu Văn Sáng; CN. Lê Ngọc Yên; TS. Nguyễn Tuấn Trung; TS. Nguyễn Công Thắng; TS. Nguyễn Đăng Nguyên; ThS. Phan Minh Tuấn; ThS. Đinh Văn Tùng - Hà Nội - Trường Đại học Xây dựng, 2020 - 10/2016 - 01/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu khả năng sử dụng phế thải xây dựng ở Việt Nam để chế tạo hạt cốt liệu nhẹ. Từ đó xây dựng được quy trình công nghệ chế tạo hạt nhẹ từ phế thải xây dựng ở Việt Nam; Ứng dụng được hạt cốt liệu nhẹ chế tạo từ phế thải xây dựng trong chế tạo bê tông nhẹ. Nghiên cứu và ứng dụng một số phế thải công nghiệp ở Việt Nam trong lĩnh vực vật liệu xây dựng.

Số hồ sơ lưu: 17346

78590. 10-2021. **Nghiên cứu đánh giá trạng thái ứng suất hiện có nhằm đánh giá tình trạng cấp dự ứng lực trong dầm cầu bê tông cốt thép ứng suất trước đang khai thác ở Việt Nam/** TS. Đỗ Hữu Thắng, TS. Nguyễn Việt Khoa; TS. Ngô Văn Minh; ThS. Nguyễn Thái Khanh; ThS. Lê Văn Hùng; ThS. Kiều Như Cường; TS. Hồ Xuân Nam; TS. Nguyễn Quang Huy; ThS. Nguyễn Trung Hà; ThS. Trần Mạnh Thường - Hà Nội - Viện Khoa học và Công nghệ GTVT, 2020 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan tình hình nghiên cứu, xác định ứng suất (US) hiện có trong kết cấu công trình. Các phương pháp xác định Ứng suất - biến dạng (US-BD) hiện có trong kết cấu bê tông cốt thép (BTCT) và bê tông cốt thép ứng suất trước (BTCT UST). Một số yếu tố ảnh hưởng kết quả thí nghiệm đo đặc trạng thái US-BD hiện có trong KCBTCT và BTCT UST. Thiết kế, chế tạo mẫu thí nghiệm, tiến hành thí nghiệm, phân tích PTHH mẫu đầm BTCT UST bằng phương pháp khoan lỗ và đo bằng đầu đo biến dạng, so sánh đánh giá kết quả. Xây dựng dự thảo chỉ dẫn phân tích đánh giá tình trạng cấp dự ứng lực và thí nghiệm xác định US hiện có trong đầm cầu cũ BTCT UST.

Số hồ sơ lưu: 18078

#### **20104. Kỹ thuật giao thông vận tải**

78452. 10-2021. **Nghiên cứu lựa chọn các tham số kỹ thuật cho các kết cấu cầu bê tông cốt thép nhịp nhỏ và vừa áp dụng cho cầu đường sắt cao tốc ở Việt Nam/** TS. Trần Việt Hùng, TS. Vũ Thái Sơn; TS. Cù Việt Hưng; ThS. Nguyễn Hùng Sơn; TS. Nguyễn Ngọc Tuấn; TS. Nguyễn Văn Hậu; ThS. Nguyễn Thái Khanh; ThS. Nguyễn Hương Dương; Trần Minh Phúc; Lưu Trung Dũng - Hà Nội - Trường Đại học Xây dựng, 2020 - 01/2018 - 03/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về việc áp dụng các loại kết cấu công trình cầu cho đường sắt nói chung và đường sắt cao tốc nói riêng. Xác định các yêu cầu trong tính toán và các thiết kế cầu bê tông cốt thép giản đơn nhịp nhỏ và vừa sử

dụng cho cầu đường sắt cao tốc. Đánh giá cứu ảnh hưởng của các tham số đặc trưng đến kết cấu cầu bê tông cốt thép giản đơn nhịp nhỏ và vừa sử dụng cho đường sắt cao tốc. Tìm hiểu và đánh giá các biện pháp thi công cơ bản cầu nhịp giản đơn đã và đang được áp dụng trên thế giới.

Số hồ sơ lưu: 18030

78579. 10-2021. **Nghiên cứu các giải pháp công nghệ mới trong sửa chữa, tăng cường kết cấu nhịp cầu thép cầu đường sắt ở Việt Nam/** TS. Nguyễn Việt Khoa, ThS. Nguyễn Trung Hà; ThS. Lê Văn Hùng; ThS. Kiều Như Cường; ThS. Nguyễn Như Quỳnh; ThS. Hoàng Văn Sinh; TS. Nguyễn Hữu Hưng; TS. Nguyễn Quang Huy; Kỹ sư. Lưu Quốc Vượng; Kỹ sư. Nguyễn Thị Thanh Hà - Hà Nội - Viện Khoa học và Công nghệ Giao thông Vận tải, 2020 - 04/2019 - 05/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tổng quan, khảo sát hiện trạng công trình cầu thép đường sắt đang khai thác. Phương pháp đánh giá khả năng chịu lực kết cấu nhịp cầu thép đường sắt. Nghiên cứu các giải pháp và vật liệu mới trong sửa chữa, tăng cường kết cấu nhịp cầu thép đường sắt. Nghiên cứu về công nghệ thi công mới trong sửa chữa, tăng cường kết cấu nhịp cầu thép đường sắt. Áp dụng đánh giá khả năng chịu lực kết cấu nhịp cầu thép đường sắt đang khai thác.

Số hồ sơ lưu: 18069

78588. 10-2021. **Nghiên cứu lựa chọn công nghệ, tiêu chí đánh giá và đề xuất áp dụng mặt đường bền vững (Sustainable Pavement)**

trong xây dựng đường bộ tại Việt Nam/ TS. Bùi Ngọc Hưng, PGS.TS. Nguyễn Quang Phúc; ThS. Trần Đăng Ninh; ThS. Nguyễn Mậu Hoàng Vũ; ThS. Đào Duy Phúc; ThS. Lưu Ngọc Lâm; ThS. Mạnh Đức Huy; Kỹ sư. Hoàng Quý Phúc; ThS. Nguyễn Như Hạnh; Kỹ sư. Phan Văn Chương - Hà Nội - Viện Khoa học và Công nghệ GTVT, 2020 - 03/2019 - 07/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tổng quan, nghiên cứu lý thuyết về mặt đường bền vững trên thế giới, từ đó có những đánh giá, lựa chọn công nghệ, tiêu chí đánh giá phù hợp với điều kiện Việt Nam; thu thập các kết quả nghiên cứu, thử nghiệm, xây dựng thực tế để đánh giá, minh chứng, tính toán và đề xuất áp dụng mặt đường bền vững tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 18077

### **20105. Kỹ thuật thủy lợi**

74371. 10-2021. **Xây dựng hệ thống đường ống áp lực cho Modul cấp nước không dùng điện theo công nghệ mới (PAT) tại huyện Đông Văn, tỉnh Hà Giang/ TS. Trần Tân Văn, ThS. Hồ Tiến Chung; TS. Trịnh Quốc Công; ThS. Đoàn Thế Anh; TS. Phạm Đức Nghĩa; ThS. Trần Điệp Anh; ThS. Nguyễn Văn Đông; ThS. Hồ Thị Dung - Hà Nội - Viện khoa học địa chất và khoáng sản, 2019 - 11/2016 - 01/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Triển khai nghiên cứu đặc điểm địa hình, đặc điểm địa chất đặc biệt là địa chất công trình bố trí tuyến ống dựa trên kết quả nghiên cứu cơ sở đặc điểm địa hình, địa chất, tại biên địa

chất, đặc điểm giao thông và tập tục canh tác của người dân địa phương. Nghiên cứu lựa chọn giải pháp và thiết kế công nghệ ống áp lực cao. Lắp đặt thi công tuyến ống triển khai đầu thầu lựa chọn đơn vị thi công tuyến ống, giá trị thực hiện của hạng mục tập trung chủ yếu vào phần vật liệu và thi công lắp đặt tuyến ống lượng công. Tập trung nghiên cứu các giải pháp và đánh giá kết quả xây dựng thử nghiệm, thử áp cũng như chất lượng sản phẩm, tổn thất áp lực nhằm so sánh kết quả tính toán và kết quả thực tiễn của giải pháp.

Số hồ sơ lưu: 16435

### **202. Kỹ thuật điện, kỹ thuật điện tử, kỹ thuật thông tin**

77840. 10-2021. **Kỹ thuật thiết kế vi mạch số công suất thấp, công nghệ và ứng dụng/ TS. Lê Đức Hùng, GS.TS. Phạm Công Kha; GS.TS. Koichiro Ishibashi; ThS. Hoàng Trọng Thức - Hồ Chí Minh - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên Tp. Hồ Chí Minh, 2019 - 09/2016 - 03/2018. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Nghiên cứu quy trình, công nghệ linh kiện và kỹ thuật thiết kế vi mạch số công suất thấp. Xây dựng quy trình thiết kế vi mạch số công suất thấp “Made in Vietnam”. Phương pháp thiết kế công suất thấp sẽ được thực hiện bằng chạy script tự động cùng với công cụ thiết kế để tăng hiệu quả, tính tiện lợi, và tính dễ sử dụng. Tạo mạng lưới kết nối chuyên gia giỏi trong nước và chuyên gia giỏi ở nước ngoài trong lĩnh vực thiết kế vi mạch. Có thể áp dụng cho các đơn vị thiết kế vi mạch trong nước – một trong

những mũi nhọn đang được nhà nước ưu tiên phát triển. Thúc đẩy nghiên cứu đổi mới sáng tạo thông qua nghiên cứu, ứng dụng quy trình thiết kế vi mạch số công suất thấp trong việc thiết kế ra các con chip trong nước có khả năng tiêu thụ công suất thấp dùng các kỹ thuật thiết kế công suất thấp làm tăng hiệu quả sử dụng, tiết kiệm năng lượng và có tác động tích cực gián tiếp đến môi trường.

Số hồ sơ lưu: 17782

**20203. Tự động hoá (CAD/CAM, v.v.) và các hệ thống điều khiển, giám sát; công nghệ điều khiển số bằng máy tính (CNC),..**

74085. 10-2021. **Xây dựng hệ thống thông minh hiểu biết môi trường xung quanh ứng dụng cho xe tự hành ngoài trời/** TS. Hoàng Văn Dũng, TS. Lê Mỹ Hà; TS. Trần Thanh Trúc; TS. Ngô Văn Thuyên; ThS. Võ Hoàng Thành; GS. TS. Jo Kang-Hyun - Quảng Bình - Trường Đại học Quảng Bình, 2019 - 05/2016 - 11/2018. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu bài toán lập lịch và ước lượng chuyển động của xe trong quá trình chuyển động: Nghiên cứu và đề xuất giải pháp ước lượng chuyển động và xác định vị trí xe trong lộ trình bằng cách sử dụng tín hiệu từ các thiết bị phổ biến như camera, Laser LRF. Nghiên cứu đề xuất các giải pháp nhận dạng biển báo giao thông bằng kỹ thuật phân tích hình ảnh và trí tuệ nhân tạo hỗ trợ trong việc hiểu biết ý nghĩa của các loại giao thông trong hệ thống ra quyết định điều hướng phù hợp với các chỉ dẫn, quy định theo biển báo

giao thông trên các tuyến đường. Nghiên cứu các các giải pháp nhận dạng và dự đoán hành động con người nhằm điều hướng tránh các va chạm trong quá trình điều khiển xe. Nghiên cứu đề xuất giải pháp nhận dạng và phân loại xe và các đối tượng khác theo hướng phân tích ngữ nghĩa trong hệ thống giao thông nhằm giúp hiểu được các tình huống giao thông hỗ trợ ra quyết định điều hướng phù hợp.

Số hồ sơ lưu: 16313

76893. 10-2021. **Nghiên cứu đề xuất giải pháp chia sẻ, khai thác thông tin, dữ liệu quản lý nhà nước trên cổng thông tin điện tử Bộ Tài nguyên và Môi trường/** ThS. Vũ Hoàng Hải, ThS. Phạm Ngọc Anh; CN. Nguyễn Hồng Hưng Nam; CN. Nguyễn Thị Thanh; CN. Nguyễn Thanh Hoa; KS. Nguyễn Lệnh Vượng; KS. Nguyễn Hồng Quân; KS. Phạm Duy Khôi; KS. Hoàng Bá Khải; KS. Trần Đức Thanh - Hà Nội - Trung tâm cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, 2020 - 06/2017 - 11/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Đề xuất và xây dựng giải pháp kết nối, chia sẻ và khai thác thông tin, dữ liệu quản lý nhà nước giữa Bộ, các đơn vị trực thuộc Bộ với các Sở Tài nguyên và Môi trường phục vụ các yêu cầu quản lý nhà nước của ngành tài nguyên và môi trường, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong toàn ngành tài nguyên và môi trường.

Số hồ sơ lưu: 17348

**20204. Các hệ thống và kỹ thuật truyền thông**

78577. 10-2021. Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn để thành lập các quy định phục vụ việc xây dựng, quản lý và khai thác mạng lưới trạm định vị vệ tinh toàn cầu trên lãnh thổ Việt Nam/ TS. Nguyễn Hải Ninh, Cử nhân. Trương Thị Thùy Nga; TS. Nguyễn Chiến Thắng; TS. Lương Ngọc Dũng; TS. Trần Đình Trọng; TS. Nguyễn Cẩm Chi; ThS. Phạm Tuyết Minh; ThS. Lê Thị Thu Giang; TS. Lê Văn Tình - Hà Nội - Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam, 2020 - 07/2017 - 08/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tổng hợp, phân tích, đánh giá quá trình xây dựng, quản lý vận hành và khai thác dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ và ứng dụng của các mạng lưới trạm định vị vệ tinh trên thế giới và tại Việt Nam. Nghiên cứu hệ thống các tài liệu, văn bản quy định kỹ thuật và pháp lý hiện hành phục vụ việc xây dựng, quản lý vận hành và khai thác hệ thống các MLTĐVVT trên thế giới và tại Việt Nam nêu trên. Nghiên cứu, đề xuất các quy định kỹ thuật về xây dựng trạm và thiết bị lắp đặt tại trạm, cơ sở toán học và độ chính xác của hệ thống mạng lưới trạm ĐVVT quốc gia phù hợp với điều kiện thực tế của Việt Nam và tương đồng với thế giới.

Số hồ sơ lưu: 18070

**20299. Kỹ thuật điện, kỹ thuật điện tử, kỹ thuật thông tin không xếp vào mục nào khác**

75511. 10-2021. Xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ mạng

điện mặt trời cục bộ trong đánh bắt thủy hải sản tại phường Hải Thành, quận Dương Kinh/ KS. Trần Anh Tuấn, CN. Trịnh Văn Cương - Hải Phòng - UBND phường Hải Thành, 2019 - 10/2018 - 07/2019. (Đề tài cấp Cơ sở)

Tiếp nhận công nghệ và xây dựng mô hình ứng dụng hệ thống mạng điện mặt trời, ứng dụng đèn led chiếu sáng khai thác thủy sản tại phường Hải Thành, quận Dương Kinh. Thực nghiệm mô hình ứng dụng hệ thống điện mặt trời trên 10 tàu thuyền khai thác thủy sản, vận hành thử nghiệm trực tiếp vào các chuyến ra khơi khai thác thủy sản. Hoàn thiện mô hình ứng dụng thiết bị điện mặt trời, ứng dụng đèn LED trong chiếu sáng khai thác thủy sản.

Số hồ sơ lưu: HPG.2019.017

**203. Kỹ thuật cơ khí**

75401. 10-2021. Cải tiến máy xới đa năng phục vụ làm đất trồng rau màu tỉnh Đồng Tháp/ ThS. Lê Trung Kiên, NCS.ThS. La Ngọc Giàu; ThS. Nguyễn Đức Thông; ThS. Dương Đăng Danh; SV. Nguyễn Phạm Anh Duy - - Trường cao đẳng cộng đồng Đồng Tháp, 2019 - 06/2018 - 06/2019. (Đề tài cấp Cơ sở)

Xuất phát từ nhu cầu cơ giới hóa khâu làm đất, lên luống chăm sóc cho cây màu...của tỉnh Đồng Tháp và sự thiếu hụt nhân lực lao động nông nghiệp ngày càng nghiêm trọng trong năm 2019, tỉnh Đồng Tháp và Khoa Cơ khí - Xây dựng, Trường Cao đẳng Cộng đồng Đồng Tháp đã tiến hành khảo sát vùng trồng cây màu, tập trung tại huyện Thanh Bình và nhận

thấy nhu cầu cần một mẫu máy xới để phục vụ cho chăm sóc cây ớt và một số cây màu khác như dưa hấu là rất thiết thực và bức xúc của sản xuất tại địa phương.

Nghiên cứu thiết kế, cải tiến chế tạo máy lên luống liên hợp với máy kéo 2 bánh phục vụ trồng ớt và một số rau màu trên vùng đất phù sa ven sông tỉnh Đồng Tháp nhằm giải quyết sự thiếu hụt nhân công lao động nông nghiệp, đáp ứng yêu cầu nông học cây trồng và nâng cao hiệu quả kinh tế.

Số hồ sơ lưu: DTP-2019-20

### **20302. Chế tạo máy nói chung**

78509. 10-2021. **Hoàn thiện thiết kế và công nghệ chế tạo, chế tạo thử nghiệm lọc bụi tĩnh điện công suất 1.000.000 Nm<sup>3</sup>/h/** TS. Dương Văn Long, PGS.TS. Nguyễn Chí Sáng; ThS. Đinh Gia Nghiêm; ThS. Đinh Quốc Cường; ThS. Lê Huy; ThS. Nguyễn Quang Hưng; KS. Nguyễn Đình Sao; KS. Phạm Văn Thắng; ThS. Nguyễn Thành Trung; ThS. Trần Hồng Lam - Hà Nội - Viện nghiên cứu cơ khí, 2020 - 12/2012 - 12/2016. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu hoàn thiện thiết kế thiết bị lọc bụi tĩnh điện công suất 1.000.000 nm<sup>3</sup> /h. Nghiên cứu hoàn thiện công nghệ chế tạo thiết bị lọc bụi tĩnh điện công suất 1.000.000 nm<sup>3</sup> /h. Nghiên cứu hoàn thiện quy trình lắp đặt, chạy thử, nghiệm thu thiết bị lọc bụi tĩnh điện. Trình bày biện pháp đảm bảo chất lượng thiết kế, chế tạo và lắp đặt thiết bị lọc bụi tĩnh điện công suất 1.000.000 nm<sup>3</sup> /h.

Tổng hợp và đánh giá kết quả thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm.

Số hồ sơ lưu: 18032

### **20303. Chế tạo máy công cụ**

78586. 10-2021. **Nghiên cứu thiết kế máy kéo 4 bánh công suất đến 50HP mang thương hiệu Việt Nam/** PGS.TS. Phạm Xuân Mai, PGS.TS. Phạm Xuân Mai; PGS.TS. Nguyễn Ngọc Quế; TS. Nguyễn Xuân Thiện; Kỹ sư. Nguyễn Quang Thái; Kỹ sư. Trương Thanh Hải; Kỹ sư. Lê Chí Huy; Kỹ sư. Ngô Ngọc Lĩnh; Kỹ sư. Đinh Việt Nam; Kỹ sư. Nguyễn Tấn Tín; Kỹ sư. Võ Hùng Tráng; Cử nhân. Trần Thị Hồng Hạnh - Đồng Nai - Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải, 2019 - 08/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác định yêu cầu, điều kiện sử dụng và lựa chọn máy kéo 4 bánh phù hợp với điều kiện đặc thù của Việt Nam, Nghiên cứu thiết kế sơ bộ máy kéo 4 bánh công suất đến 50HP. Nghiên cứu thiết kế kỹ thuật máy kéo 4 bánh công suất đến 50HP. Làm chủ thiết kế máy kéo nông nghiệp 4 bánh, công suất đến 50HP mang thương hiệu Việt Nam. Góp phần đào tạo và nâng cao trình độ cán bộ chuyên môn trong việc thiết kế máy kéo ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 18071

### **20305. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo máy nông nghiệp**

73221. 10-2021. **Hoàn thiện công nghệ và thiết bị chế biến rơm, rạ làm thức ăn cho trâu, bò và phân hữu cơ vi sinh quy mô tập trung/** TS. Nguyễn Năng Nhượng, TS.

Nguyễn Năng Nhượng; TS. Nguyễn Thị Minh Nguyệt; ThS. Trần Văn Đạt; KS. Cù Thị Hằng; ThS. Trần Bằng Sơn; KS. Trần Thanh Tuấn; ThS. Phạm Ngọc Tuyên; KS. Đỗ Thị Thu Trang; KS. Vũ Ngọc Dũng; ThS. Lê Văn Huyền - Hà Nội - Viện cơ điện nông nghiệp và công nghệ sau thu hoạch, 2019 - 12/2015 - 11/2018. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu hoàn thiện quy trình công nghệ chế biến thức ăn, cho trâu bò và phân hữu cơ vi sinh từ rơm, rạ quy mô tập trung. Hoàn thiện thiết kế, chế tạo và lắp ráp các thiết bị chính và dây chuyền thiết bị chế biến thức ăn cho trâu, bò từ rơm, rạ. Chế tạo và lắp ráp hệ thống thiết bị sản xuất phân hữu cơ vi sinh từ rơm, rạ và các phế phụ phẩm nông nghiệp quy mô 8-10 tấn sản phẩm/ngày. Sản xuất thử nghiệm và hoàn thiện công nghệ và thiết bị.

Số hồ sơ lưu: 16037

73341. 10-2021. **Nghiên cứu, thiết kế hệ thống cấp liệu từ kho bãi bằng thiết bị cánh xoắn thay thế công nghệ bốc dỡ truyền thống/** ThS. Đỗ Ngọc Minh, TS. Phạm Minh Phúc; KS. Nguyễn Nhất Linh; ThS. Dương Tiến Thành; ThS. Nguyễn Duy Trung; CN. Trần Hà Thương - Hà Nội - Viện Cơ khí Năng lượng và Mỏ - Vinacomin, 2019 - 11/2017 - 06/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về tình trạng sử dụng hiện nay của hệ thống cấp liệu từ kho bãi sử dụng thiết bị cánh xoắn thay thế cho công nghệ bốc dỡ truyền thống. Khảo sát đánh giá thiết bị, thu thập tài liệu về hệ thống cấp liệu từ

kho bãi sử dụng thiết bị cánh xoắn thay thế cho công nghệ bốc dỡ truyền thống. Nghiên cứu tổng quan về nguyên lý hoạt động, cấu tạo và ứng dụng của thiết bị. Nghiên cứu, xây dựng bộ tài liệu tính toán thiết kế sản phẩm. Nghiên cứu lập bản vẽ thiết kế chế tạo sản phẩm theo các TCVN hiện hành. Nghiên cứu lập quy trình công nghệ chế tạo một số chi tiết điển hình phù hợp với công nghệ hiện có tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 15823

76842. 10-2021. **Nghiên cứu hoàn thiện gói kỹ thuật xử lý, sơ chế, bảo quản một số loại quả chủ lực (chuối, sầu riêng, bơ) phục vụ nội tiêu và xuất khẩu/** ThS. Nguyễn Thị Tú Quỳnh, KS. Lê Thị Hiền; ThS. Nguyễn Mạnh Hiếu; KS. Đỗ Thu Trang; KS. Vũ Ngọc Dũng; ThS. Tạ Phương Thảo; PGS. TS. Nguyễn Thị Bích Thủy; ThS. Nguyễn Đức Hạnh; ThS. Nguyễn Thị Diệu Thúy; ThS. Hoàng Thị Tuyết Mai - Hà Nội - Viện cơ điện nông nghiệp và công nghệ sau thu hoạch, 2020 - 04/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Ứng dụng được các giải pháp ỹ thuật tiên tiến trong xử lý, sơ chế, bảo quản một số loại quả (chuối, sầu riêng, bơ) nhằm kiểm soát và nâng cao được chất lượng thương mại, dinh dưỡng, cảm quan và vệ sinh an toàn thực phẩm. Kéo dài thời gian bảo quản, nâng cao tính cạnh tranh, tăng hiệu quả kinh tế tối thiểu 15% của chuối cung ứng phục vụ nội tiêu và xuất khẩu.

Số hồ sơ lưu: 17331



**20308. Kỹ thuật và công nghệ hàng không, vũ trụ**

78517. 10-2021. **Thiết kế chế tạo khí cầu bay (AIRSHIP) có xuồng kéo phục vụ du lịch/GS.TSKH.** Nguyễn Đức Cường, PGS.TS. Thái Doãn Tường; KS. Đoàn Trần Dương; KS. Vũ Anh Tuấn; TS. Ngô Trọng Mai; KS. Mai Duy Phương; KS. Phạm Văn Hiệp; ThS. Nguyễn Khánh Chính; KS. Nguyễn Sỹ Hiếu - Hà Nội - Hội Hàng không - Vũ trụ Việt Nam, 2020 - 05/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu động lực học cơ hệ “khí cầu bay-ca nô kéo” trong điều kiện có gió và không có gió. Lựa chọn hình dạng thân chứa khí heli với tiêu chuẩn dễ chế tạo và ít bị ảnh hưởng gió. Thiết kế chế tạo khung vỏ, đo lực nổi và tiêu hao khí heli trong thực tế, đảm bảo độ kín khí. Lựa chọn multicopter và phương án ghép nối multicopter với thân khí cầu, đảm bảo cất hạ cánh thẳng đứng trong điều kiện gió nhẹ (<10 km/h) và duy trì độ cao bay ổn định. Thiết kế chế tạo hệ thống kéo có biện pháp chống “dật cục”. Tiến hành bay thử nghiệm ở Viện Công nghệ Không gian (gần Hoà Lạc) và hoàn thiện các giải pháp thiết kế.

Số hồ sơ lưu: 18039

**204. Kỹ thuật hóa học****20401. Sản xuất hóa học công nghiệp nói chung (nhà máy, sản phẩm)**

75517. 10-2021. **Nghiên cứu thiết kế cải tiến hệ thống dây chuyền sản xuất nước rửa tay 1000 lít tại Công ty Cổ phần Vilaco/ ThS.**

Nguyễn Thị Thanh Hương, Trần Ngọc Long; CN. Trần Văn Phú; CN. Nguyễn Văn Khiêm; CN. Nguyễn Cao Cường; CN. Trần Viết Nguyên; Trần Đình Long; Đỗ Quốc Huy; Phạm Anh Đức; KS. Ngô Tiên Đường; KS. Hoàng Huy Toán; KS. Nguyễn Hoàng Việt - Hải Phòng - Công ty Cổ phần Vilaco, 2019 - 12/2018 - 10/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Chế tạo thành công hệ thống dây chuyền sản xuất nước rửa tay 1000 lít tự động, công suất tối đa đáp ứng 10 tấn/ngày (trung bình 2 giờ 1 mẻ sản xuất). Các chỉ tiêu về công suất, năng suất và chất lượng sản phẩm đều đạt và vượt mức mục tiêu đề ra. Dây chuyền có thể đáp ứng nhu cầu về công nghệ cho việc chạy các sản phẩm mỹ phẩm như dầu gội, sữa tắm... hệ nhũ nóng và lạnh khác nhau.

Số hồ sơ lưu: HPG.2019.022

**205. Kỹ thuật vật liệu và luyện kim****20502. Kỹ thuật và công nghệ sản xuất kim loại và hợp kim đen**

76195. 10-2021. **Nghiên cứu công nghệ chế tạo thép đúc hợp kim mangan CA15 để làm vỏ lót trực tiếp clinker trong sản xuất xi măng/ KS.** Phạm Thị Minh Phương, ThS. Nguyễn Thị Hằng; KTV. Nguyễn Thanh Hải; KTV. Nguyễn Thành Xuân; KS. Trần Đình Cường; KS. Nguyễn Thu Trang; KS. Bùi Thị Mơ - Hà Nội - Viện luyện kim đen, 2020 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tổng quan về công nghệ sản xuất thép không gỉ

mactenxit; Nghiên cứu công nghệ sản xuất thép mác CA15 bao gồm: Công nghệ nấu luyện, công nghệ đúc và công nghệ nhiệt luyện. Nghiên cứu đánh giá chất lượng sản phẩm thép mác CA15 chế tạo được (thành phần hóa học, cơ tính và tổ chức tế vi); 4. Chế tạo vỏ lót trục nghiền clinkertừ thép mác CA15 và sử dụng thử để đánh giá chất lượng sản phẩm. Vỏ lót trục nghiền clinker được lắp đặt chạy thử tại Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long để đánh giá chất lượng sản phẩm.

Số hồ sơ lưu: 17054

### **20507. Vật liệu xây dựng**

78593. 10-2021. **Nghiên cứu hoàn thiện công nghệ sử dụng tro bay thay thế đất sét trong sản xuất clanhke xi măng/ PGS.TS. Lương Đức Long, ThS. Hà Văn Lân; ThS. Lê Đức Thịnh; TS. Lưu Thị Hồng; ThS. Tạ Văn Luân; Kỹ sư. Trần Thanh Bình; ThS. Đỗ Tiến Trung; Kỹ sư. Nguyễn Đức Thuận; Kỹ sư. Nguyễn Xuân Kiên; Kỹ sư. Trần Ngọc Tân - Hà Nội - Viện Vật Liệu Xây Dựng, 2020 - 01/2018 - 06/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Làm chủ công nghệ sản xuất clanke xi măng đảm bảo chất lượng Cpc50 theo TCVN 7024:2013 có sử dụng tối thiểu 50% tro bay thay thế đất sét trên dây chuyền công nghệ có năng suất từ 2.500 tấn clanke/ngày trở lên. Triển khai hướng dẫn công nghệ cho các nhà máy xi măng gần nguồn tro bay thực hiện sản xuất clanke xi măng sử dụng tối thiểu 50% tro bay thay thế đất sét. Làm cơ sở để ngành sản xuất xi măng Việt Nam

tiêu thụ khoảng 6 triệu đến 8 triệu tấn tro bay/năm.

Số hồ sơ lưu: 18075

### **20511. Màng mỏng, vật liệu sơn, vật liệu phủ**

75498. 10-2021. **Nghiên cứu sản xuất sơn trên bề mặt thép mạ kẽm: sơn 1 thành phần độ bền 5 năm và sơn 2 thành phần độ bền từ 10 đến 15 năm, trên dây chuyền sản xuất công suất 15.000 tấn/năm/ KS. Nguyễn Văn Dũng, KS. Hoàng Thị Thu; KS. Nguyễn Thành Trung; KS. Đinh Ngọc Quý; KS. Ngô Huy Hải - Hải Phòng - Công ty cổ phần Sơn Hải Phòng, 2019 - 08/2018 - 08/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Báo cáo tổng quan về sơn trên bề mặt thép mạ kẽm, lựa chọn nguyên liệu và lập công thức chế tạo. Sản xuất thử nghiệm và đánh giá chất lượng các sản phẩm sơn đã sản xuất thử nghiệm trên dây chuyền sản xuất công suất 15.000 tấn/năm. Hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất sơn trên nền thép mạ kẽm và xây dựng quy trình sản xuất sơn tối ưu. Xây dựng quy trình thi công các hệ thống sơn.

Số hồ sơ lưu: HPG.2019.011

75512. 10-2021. **Sản xuất thử nghiệm sơn bột tĩnh điện/ KS. Nguyễn Văn Viện, KS. Phạm Thị Hương Lan; KS. Nguyễn Thành Long; KS. Vũ Duy Cường - Hải Phòng - Công ty cổ phần Sơn Hải Phòng, 2019 - 08/2005 - 08/2007. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Sản xuất thử nghiệm 400 tấn sơn bột tĩnh điện theo công nghệ của hãng Arsonsisi-Italy đạt tiêu chuẩn chất

lượng Châu Âu. Hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất sơn bột tĩnđiện sử dụng một phần nguyên liệu trong nước tại Hải phòng.

Số hồ sơ lưu: HPG.2019.018

75515. 10-2021. **Nghiên cứu sản xuất sơn bột tĩnđiện MDF trên dây chuyền hiện có của Công ty cổ phần Sơn Hải Phòng số 2/ CN.** Nguyễn Thị Lan, KS. Vũ Thanh Tuấn; CN. Nguyễn Tư Long; CN. Nguyễn Thị Thu Thủy; KS. Lê Đình Thịnh; CN. Phạm Văn Hiếu; KS. Nguyễn Thành Long; CN. Vũ Thanh Tuyền; CN. Vũ Văn Hà; CN. Bùi Thế Thuyết; CN. Phạm Tuấn Ngọc; CN. Lê Thị Hạnh; CN. Đinh Văn Quyết - Hải Phòng - Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng số 2, 2019 - 08/2018 - 10/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu sản xuất sơn bột tĩnđiện MDF trên dây chuyền sản xuất sẵn có của Công ty. Từ kinh nghiệm sản xuất sơn bột tĩnđiện và tham khảo các tài liệu kỹ thuật về sơn bột tĩnđiện MDF của các hãng sơn nước ngoài, nhóm nghiên cứu thực hiện đề tài đưa ra các chỉ tiêu chất lượng cơ bản cho 3 sản phẩm: sơn lót tĩnđiện ứng dụng trên gỗ MDF, sơn phủ tĩnđiện MDF cho ứng dụng trong nhà và sơn phủ MDF cho ứng dụng ngoài

Số hồ sơ lưu: HPG.2019.021

**20512. Vật liệu composite (bao gồm cả plastic gia cường, gốm kim loại (cermet), các vật liệu sợi tổng hợp và tự nhiên phối hợp;...)**

73224. 10-2021. **Nghiên cứu sản xuất tấm nhựa Polycarbonat**

**chống lão hóa và chống tia cực tím trong điều kiện khí hậu Việt Nam/ ThS. Vũ Hiếu Nghiêm, CN. Vũ Trần Ngọc Anh; CN. Vũ Thị Ngọc Duyên; CN. Đỗ Từ Nam; CN. Võ Quang Lương; CN. Dương Thành An; CN. Võ Quốc Oánh; CN. Dương Hoàng Nhơn; CN. Nguyễn Thị Lan Phương - TP. Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam, 2018 - 01/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)**

Nghiên cứu đánh giá hiện trạng công nghệ sản xuất và nhu cầu sử dụng tấm nhựa polycarbonat trên thế giới và Việt Nam. Nghiên cứu xác lập công nghệ sản xuất gồm: Xây dựng công nghệ sản xuất; Đánh giá lựa chọn nguyên liệu phù hợp với công nghệ; Lựa chọn thiết bị phù hợp với công nghệ. Sản xuất thử nghiệm tấm nhựa polycarbonat chống lão hóa và chống tia cực tím (UV) trong điều kiện khí hậu Việt Nam. Đánh giá sơ bộ hiệu quả kinh tế và khả năng ứng dụng triển khai trong thực tế.

Số hồ sơ lưu: 16032

**20514. Vải, gồm cả sợi, màu và thuốc nhuộm tổng hợp**

78554. 10-2021. **Nghiên cứu thử nghiệm mô hình sản xuất sợi từ cuống lá sen/ PGS.TSKH. Nguyễn Duy Chuyên, PGS.TS. Trần Lưu Vân Hiền; GS.TS. Hà Chu Chử; TS. Trần Thị Quốc Khánh; TS. Nguyễn Thị Minh Tâm; ThS. Nguyễn Huy Thắng; ThS. Vũ Cường; ThS. Hoàng Nguyễn Giáp; ThS. Trần Huy Hoàn - Hà Nội - Viện kinh tế sinh thái, 2020 - 09/2016 - 07/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Điều tra đánh giá tình hình sản xuất sợi sen ở Việt Nam, Myanmar và kỹ thuật trồng sen ở Việt Nam. Nghiên cứu kỹ thuật chế biến sợi sen và các sản phẩm từ sợi sen. Đánh giá thành phần, các chỉ tiêu kỹ thuật của sợi và sản phẩm từ sợi sen. Xây dựng mô hình trồng, sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm từ sợi sen. Đánh giá tác động môi trường, cảnh quan của các mô hình trồng và chế biến sen. Đánh giá hiệu quả kinh tế của hoạt động trồng sen lấy sợi và chế biến sợi sen.

Số hồ sơ lưu: 18052

## 207. Kỹ thuật môi trường

### 20701. Kỹ thuật môi trường và địa chất, địa kỹ thuật

76708. 10-2021. **Nghiên cứu ứng dụng công nghệ địa tin học trong việc lập quy hoạch bảo vệ môi trường cấp tỉnh ở Việt Nam/** ThS. Nguyễn Văn Hùng, CN. Phạm Anh Tuấn; ThS. Đặng Quốc Hậu; ThS. Đinh Hải Nam; ThS. Phạm Thị Làn; ThS. Nguyễn Đăng Quyết; ThS. Hoàng Thị Hương; ThS. Phạm Văn Triệu; ThS. Đào Tiến Hoạch; ThS. Trần Quang Trung - Hà Nội - Công ty Cổ phần Đo đạc và Khoáng sản, 2020 - 07/2017 - 06/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan và các yêu cầu về nội dung của quy hoạch bảo vệ môi trường. Cơ sở khoa học và phương pháp luận về ứng dụng địa tin học trong quy hoạch môi trường. Thực nghiệm ứng dụng công nghệ địa tin học trong một số nội dung quy hoạch bảo vệ môi trường tỉnh Hà Tĩnh. Xây dựng hệ thống WebGIS quy hoạch bảo vệ môi trường.

Số hồ sơ lưu: 17315

78513. 10-2021. **Nghiên cứu chế tạo cảm biến nano và hệ thiết bị giám sát các chỉ tiêu chất lượng nước sinh hoạt theo Quy chuẩn quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt QCVN02:2009/BYT/** GS.TS. Đặng Mậu Chiến, TS.TSKH. Robert Baptist; ThS. Tô Diễm Thiện; TS. Đoàn Đức Chánh Tín; TS. Đặng Thị Mỹ Dung; PGS.TS. Phan Bách Thắng; TS. Nguyễn Thọ; ThS. Trịnh Dũng Chinh; ThS. Lê Duy Đảm; ThS. Huỳnh Minh Tiến; KS. Nguyễn Văn Trường; CN. Nguyễn Duy Linh - Hồ Chí Minh - Viện Công nghệ Nano (INT), 2020 - 06/2017 - 11/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Chế tạo một số đầu dò cảm biến nano đo hàm lượng amoni, hàm lượng sắt, hàm lượng arsenic và tích hợp với các đầu dò thương mại đo một số chỉ tiêu cơ bản khác như pH, độ cứng tổng cộng, clo, độ đục thành một hệ thống cảm biến nano hoàn chỉnh ứng dụng trong kiểm soát chất lượng nước sinh hoạt. Đặc điểm hướng tới của hệ thống cảm biến này là có độ nhạy cao, thời gian đáp ứng ngắn, độ lặp lại cao, tiêu thụ năng lượng ít và giá thành rẻ. Ngoài ra, dữ liệu đo đạc từ hệ thống cảm biến nano này có thể kết nối với bộ hiển thị/lưu trữ dữ liệu và có thể truyền dữ liệu đo được qua các hệ thống mạng không dây (wifi, GSM, 3G...) để có thể theo dõi tình trạng chất lượng nước từ xa và liên tục. Hệ thống mạng không dây giúp các cơ quan chức năng cập nhật thường xuyên các chỉ tiêu chất lượng nước một cách đầy đủ để đưa ra các biện pháp xử lý điều chỉnh kịp thời

nhằm đảm bảo chất lượng nước. Bên cạnh đó, người dân có thể cập nhật thông tin chất lượng nước sinh hoạt được cung cấp ở khu vực mình ở thông qua mạng Internet, mạng điện thoại một cách liên tục.

Số hồ sơ lưu: 18035

**20705. Khai thác mỏ và xử lý khoáng chất**

74378. 10-2021. Nghiên cứu khả năng ứng dụng công nghệ CORS trong quan trắc dịch động bãi thải/ KS. Nguyễn Mạnh Cường, ThS. Nguyễn Duy Long; KS. Trần Vũ Thăng; ThS. Đỗ Kiên Cường; KS. Nguyễn Thị Mai Anh; ThS. Nguyễn Hữu Huân; ThS. Phạm Chân Chính - Hà Nội - Viện Khoa học Công nghệ Mỏ - Vinacomin, 2019 - 01/2018 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Ứng dụng công nghệ trạm tham chiếu ảo hoạt động liên tục (CORS) nhằm tăng năng suất lao động trong công tác quan trắc dịch động bãi thải của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam. Tổng quan về các phương pháp quan trắc dịch động. Nghiên cứu, đánh giá các trạm quan trắc dịch động bãi thải ở các mỏ lộ thiên thuộc TKV. Nghiên cứu công nghệ quan trắc dịch động bằng trạm tham chiếu ảo hoạt động liên tục (CORS) và khả năng ứng dụng tại các mỏ thuộc TKV. Lựa chọn trạm quan trắc dịch động thực nghiệm tại 1 bãi thải của mỏ Suối Lài Công ty than Hòn Gai-TKV. Đánh giá phân tích, so sánh kết quả quan trắc bằng phương pháp sử dụng công nghệ trạm tham chiếu ảo hoạt động liên tục (CORS)

và phương pháp đo đạc truyền thống (Sử dụng Máy toàn đạc điện tử).

Số hồ sơ lưu: 16437

**20706. Kỹ thuật hàng hải, đóng tàu biển**

75990. 10-2021. Nghiên cứu cơ sở hạ tầng, thiết bị cảng khi khai thác tàu giảm tải ra, vào các tuyến luồng hàng hải vào khu vực Hải Phòng và khu vực cảng biển nhóm 5/ PGS. TS. Nguyễn Thị Bạch Dương, ThS. Nguyễn Anh Dân; KS. Đỗ Thị Tuyết Nhung; TS. Tô Như Hòa; ThS. Nguyễn Duy Hoan; KS. Trần Huy Hoàng; PGS. TS. Nguyễn Việt Thanh; TS. Nguyễn Hữu Hưng; ThS. Lâm Phạm Thị Hải Hà - Hà Nội - Cục Hàng hải Việt Nam, 2019 - 07/2018 - 10/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu các yếu tố, đặc trưng liên quan trong thiết kế quy hoạch, quản lý, khai thác luồng, cơ sở hạ tầng kết cấu, thiết bị cảng biển khi tiếp nhận đội tàu kích thước lớn hơn khi giảm tải. Từ đó áp dụng phù hợp điều kiện tự nhiên tuyến luồng, cơ sở hạ tầng, thiết bị cảng biển đáp ứng cho đội tàu kích thước lớn giảm tải trên một số luồng hàng hải chính vào cảng Hải Phòng và Nhóm 5. Quản lý, khai thác tuyến luồng và cảng biển đáp ứng kích thước đội tàu giảm tải cho quy hoạch, quản lý và khai thác hệ thống cảng biển trên một số tuyến luồng hàng hải chính vào cảng Hải Phòng và Nhóm 5.

Số hồ sơ lưu: 17165

78553. 10-2021. Nghiên cứu xây dựng gói phần mềm tính toán định tâm hệ trục tàu thủy theo tải

**trọng gói đỡ bằng phương pháp phần tử hữu hạn/ PGS.TS. Phạm Xuân Dương, TS. Cao Đức Thiệp; TS. Phạm Đình Bá; Ths. Lê Đình Dũng; Ths. Nguyễn Anh Việt; Ths. Bùi Thị Hằng; Ths. Đỗ Thị Hiền; Ths. Trương Tiến Phát; Ths. Phạm Văn Việt; TS. Phạm Đình Bá; ThS. Lê Đình Dũng; ThS. Nguyễn Anh Việt; ThS. Bùi Thị Hằng; ThS. Đỗ Thị Hiền; ThS. Trương Tiến Phát; ThS. Phạm Văn Việt - Hải Phòng - Trường Đại học Hàng hải Việt Nam, 2020 - 01/2019 - 05/2020. (Đề tài cấp Bộ)**

Tổng quan về tính toán định tâm hệ trục tàu thủy và giới thiệu phương pháp định tâm hệ trục tàu thủy theo tiêu chí tải trọng gói đỡ. Xây dựng mô hình phần tử hữu hạn và thuật toán tính định tâm hệ trục tàu thủy theo tải trọng gói đỡ. Lập trình và chạy thử nghiệm gói phần mềm MATSHAL. Thực nghiệm quy trình định tâm hệ trục tàu thủy sử dụng phần mềm MATSHAL trên một tàu đóng mới thực tế.

Số hồ sơ lưu: 18051

## **208. Công nghệ sinh học môi trường**

### **20802. Xử lý môi trường bằng phương pháp sinh học; các công nghệ sinh học chẩn đoán (chip ADN và thiết bị cảm biến sinh học)**

78585. 10-2021. **Hoàn thiện công nghệ và hệ thống xử lý nước thải chăn nuôi sau xử lý biogas quy mô trang trại đáp ứng quy định xả thải/ PGS. TS. Bùi Thị Kim Anh, GS.TS. Đặng Đình Kim; Cử nhân. Nguyễn Văn Thành; Cử nhân.**

Nguyễn Hồng Yên; ThS. Nguyễn Hồng Chuyên; TS. Vũ Thị Nguyệt; TS. Đỗ Thị Liên; ThS. Nguyễn Hải Yên; GS.TS. Nguyễn Việt Anh; TS. Phan Đỗ Hùng; Nguyễn Bảo Trung - Hà Nội - Viện Công nghệ môi trường, 2020 - 06/2018 - 06/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu kế thừa và hoàn thiện công nghệ xử lý nước thải chăn nuôi lợn sau biogas từ đề tài KC08.04/11-15. Hoàn thiện công nghệ và hệ thống xử lý nước thải chăn nuôi lợn sau biogas hiệu quả, chi phí vận hành thấp, đáp ứng yêu cầu xả thải. Xây dựng tài liệu chuyển giao kỹ thuật nhằm nhân rộng kết quả nghiên cứu.

Số hồ sơ lưu: 18074

### **20899. Công nghệ sinh học môi trường khác**

78576. 10-2021. **Nghiên cứu đánh giá khả năng sinh tổng hợp ectoines của một số chủng vi khuẩn ưa mặn phân lập tại Việt Nam/ PGS.TS. Đoàn Văn Thược, TS. Đào Thị Hải Lý; TS. Trần Hữu Phong; PGS.TS. Lê Thị Phương Hoa; ThS. Đỗ Thị Hồng - Hà Nội - Trường Đại học sư phạm Hà Nội, 2020 - 04/2017 - 08/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Thu mẫu đất rừng ngập mặn để phân lập vi khuẩn. Đánh giá khả năng sinh trưởng của các chủng vi khuẩn phân lập được trên môi trường có nồng độ muối khác nhau từ 1-25% NaCl. Nuôi cấy các chủng vi khuẩn có khả năng phát triển ở nồng độ muối cao và đánh giá khả năng sinh trưởng và sinh tổng hợp ectoine cũng như hydroxyectoine. Tuyển chọn và

nghiên cứu đặc điểm sinh lý, hóa sinh của chủng vi khuẩn có khả năng tích lũy ectoine và hydroxyectoine cao. Tách chiết DNA tổng số, phân lập và giải trình tự đoạn gen 16S rDNA và định tên chủng vi khuẩn tuyển chọn. Nghiên cứu ảnh hưởng của điều kiện nuôi cấy và môi trường dinh dưỡng đến khả năng sinh trưởng và sinh tổng hợp ectoines của chủng tuyển chọn. Sản xuất thử nghiệm ectoines sử dụng nồi lên men 10 L.

Số hồ sơ lưu: 18066

## **209. Công nghệ sinh học công nghiệp**

**20902. Các công nghệ sản phẩm sinh học (các sản phẩm được chế tạo sử dụng vật liệu sinh học làm nguyên liệu), vật liệu sinh học, chất dẻo sinh học, nhiên liệu sinh học, các hóa chất được chiết tách từ sinh học, các vật liệu mới có nguồn gốc sinh học.**

78555. 10-2021. Nghiên cứu cải tiến công nghệ tách chiết một số chất có hoạt tính từ vỏ cây quế (*Cinnamomum cassia*), xác định chất mang và tạo chế phẩm sinh học phòng trừ hiệu quả tuyến trùng và nấm bệnh chính gây hại rễ cây cà phê và hồ tiêu tại Tây Nguyên/ TS. Nguyễn Đăng Minh Chánh, TS. Lương Thị Hoan; ThS. Đàm Hữu Trác; KS. Hồ Phúc Nguyên; CN. Nguyễn Thị Lan Anh; ThS. Nguyễn Thị Nga; TS. Nguyễn Thị Tuyết; KS. Ngân Thị Mối; KS. Nguyễn Hữu Phú; KS. Nguyễn Thị Phương; KS. Phạm Thị Mùi; TS. Nguyễn Xuân Hòa; ThS. Nguyễn Thị Tiên Sỹ; ThS. Lê Thị Thu - Hồ Chí Minh - Công ty

TNHH Thương mại và Dịch vụ Quốc tế TipTo Mã Lai, 2020 - 12/2017 - 11/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu cải tiến công nghệ tách chiết CA từ vỏ cây quế ở Việt Nam. Xác định đặc tính sinh học của hoạt chất chính trong phòng trừ tuyến trùng và nấm bệnh chính gây hại rễ cây cà phê và hồ tiêu. Nghiên cứu xác định công thức hỗn hợp phòng trừ hiệu quả tuyến trùng và nấm bệnh chính gây hại rễ cây cà phê và hồ tiêu. Nghiên cứu kỹ thuật tạo dạng chế phẩm sinh học. Đánh giá hiệu lực của chế phẩm sinh học dạng đơn và dạng hỗn hợp ngoài thực địa.

Số hồ sơ lưu: 18054

## **210. Công nghệ nano**

**21001. Các vật liệu nano (sản xuất và các tính chất)**

78587. 10-2021. **Đối xứng của các tương tác trao đổi và tính chất của một số hệ từ tính nano/ GS.TS. Bạch Thành Công, TS. Nguyễn Duy Huy; TS. Nguyễn Từ Niệm; TS. Phạm Hương Thảo; TS. Nguyễn Thùy Trang; TS. Bạch Hương Giang; TS. Lê Thị Anh Thư - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2020 - 08/2016 - 08/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Khảo sát phổ sóng spin ở nhiệt độ hữu hạn trong màng mỏng từ tính, các đối tượng nano khác khi có tương tác đối xứng và phản đối xứng (như tương tác Dzyaloshinsky Moriya) bằng phương pháp thống kê lượng tử. Nghiên cứu tính chất nhiệt động của hệ spin bằng phương pháp thống kê lượng tử và các phương pháp tính số

khác như phương pháp Monter-Carlo cổ điển. Tính toán sử dụng phương pháp DFT và kết hợp với thực nghiệm áp dụng lý thuyết để giải thích tính chất của vật liệu đa pha sắt điện sắt từ.

Số hồ sơ lưu: 18073

### **211. Kỹ thuật thực phẩm và đồ uống**

75402. 10-2021. **Nghiên cứu quy trình sản xuất bột và tinh bột khoai lang dùng cho chế biến thực phẩm.**/ PGS.TS Phạm Văn Hùng, ThS. Nguyễn Ngọc Thanh Tiến; KS. Lê Nguyễn Anh Khoa; KS. Lê Thị Kiều Phương; KS. Mai Nguyễn Trâm Anh; CN. Đặng Thị Bích Hạnh; KS. Lâm Tấn Hiệp - - Trường Đại học Quốc tế, 2017 - 05/2017 - 05/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Khoai lang tím được trồng phổ biến ở Đà Lạt và một số tỉnh miền Nam như: An Giang, Vĩnh Long, Kiên Giang cho sản lượng khá lớn đem lại thu nhập ổn định cho nông dân ở các tỉnh này. Tuy nhiên đa số người tiêu dùng hiện nay vẫn chưa có thói quen sử dụng khoai lang tím trong khẩu phần ăn hằng ngày một mặt vì nó chưa phổ biến trên thị trường và người tiêu dùng chưa biết được giá trị dinh dưỡng của khoai lang tím. Mặt khác khoai lang tím cũng chỉ có nhiều vào mùa vụ nhất định chứ không có quanh năm. Từ các kết quả nghiên cứu của các tác giả nước ngoài và trong nước thì có thể thấy rằng việc sản xuất ra một loại sản phẩm mới từ khoai lang tím là rất quan trọng nhằm giúp ổn định giá cả thị trường, tăng giá trị dinh dưỡng cao

và có các tính chất chức năng trong việc phòng chống các bệnh mãn tính của con người.

Số hồ sơ lưu: DTP-2019-22

### **21101. Kỹ thuật thực phẩm**

74345. 10-2021. **Sản xuất thử nghiệm chế phẩm axit gamma amino butyric (GABA) và thực phẩm chức năng giàu GABA từ gạo lứt, đậu tương/ TS. Trương Hương Lan, TS. Lại Quốc Phong; ThS. Nguyễn Thị Việt Hà; ThS. Nguyễn Thị Làn; ThS. Vũ Phương Nam; CN. Phạm Linh Khoa; KS. Tạ Thu Hương; ThS. Cao Anh Tài; ThS. Phạm Thị Lê Hương; CN. La Văn Định - Hà Nội - Viện Công nghiệp thực phẩm, 2019 - 10/2016 - 03/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Xây dựng tiêu chuẩn nguyên liệu cho sản xuất chế phẩm và thực phẩm chức năng giàu GABA. Đã xác định được các điều kiện nảy mầm gạo lứt thích hợp ở quy mô sản xuất công nghiệp cho gạo lứt Bắc Hương và gạo lứt Nếp Cẩm. Theo đó, nhiệt độ của quá trình ngâm là 35oC trong thời gian 4h (đối với cả 2 loại gạo), điều kiện ủ nảy mầm đối với gạo Bắc Hương là ở nhiệt độ 30oC trong thời gian 48h, điều kiện ủ nảy mầm đối với gạo Bắc Hương là ở nhiệt độ 30oC trong thời gian 36h. Đã nghiên cứu hoàn thiện và xây dựng được qui trình công nghệ sản xuất chế phẩm GABA 30% từ chủng vi khuẩn lactic có khả năng sinh tổng hợp GABA cao *Lactobacillus brevis* VN1 qui mô 50 kg/mẻ. Giới thiệu các chế phẩm và thực phẩm chức năng giàu GABA đến các công ty dược phẩm và có



được phản hồi tích cực của thị trường, thông qua các hợp đồng nguyên tắc và phân phối độc quyền các sản phẩm của dự án. Như vậy có thể nói là các sản phẩm của dự án đã bắt đầu từng bước gia nhập thị trường thực phẩm chức năng trong nước. Điều này cho thấy tiềm năng phát triển mạnh mẽ của các sản phẩm của dự án trong thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: 16426

76775. 10-2021. **Nghiên cứu công nghệ sản xuất một số thực phẩm giàu hoạt chất sinh học từ vừng đen/ PGS. TS. Lý Ngọc Trâm, PGS. TS. Bùi Quang Thuật; PGS. TS. Trương Tuyết Mai; PGS. TS. Nguyễn La Anh; TS. Bùi Thị Bích Ngọc; TS. Vũ Đức Chiến; ThS. Đỗ Thanh Hà; ThS. Nguyễn Trung Hiếu; ThS. Trịnh Như Hoa; KS. Trần Ngọc Diệp - Hà Nội - Viện Công nghiệp thực phẩm, 2018 - 07/2015 - 06/2018. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Nghiên cứu lựa chọn nguyên liệu vừng đen giàu sesame lignan và anthocyanin. Tuyển chọn chủng vi khuẩn lactic. Công nghệ lên men lactic vừng đen. Công nghệ chiết tách sesame lignin từ vừng đen lên men. Chiết tách anthocyanin từ vừng đen lên men. Xây dựng quy trình công nghệ và mô hình thiết bị sản xuất sesame lignans và anthocyanin từ vừng đen lên men ở quy mô thực nghiệm. Sản xuất thực nghiệm sesame lignan, anthocyanin và đánh giá chất lượng chế phẩm. Nghiên cứu triển khai ứng dụng sản xuất thực phẩm chức năng. Đánh giá tác dụng (chống ôxy hóa, mỡ máu, huyết áp)

của sản phẩm trên bệnh nhân mắc hội chứng rối loạn chuyển hóa.

Số hồ sơ lưu: 17316

### **21102. Kỹ thuật đồ uống**

76621. 10-2021. **Nghiên cứu công nghệ sản xuất dịch vải cô đặc và chất thơm từ nguyên liệu vải Việt Nam bằng các quá trình màng/ PGS. TS. Cung Thị Tố Quỳnh, TS. Nguyễn Minh Tân; TS. Nghiêm Xuân Sơn; ThS. Lê Thị Minh Trang; TS. Lê Thị Hội; TS. Nguyễn Thị Thảo; TS. Lê Hoàng Lâm; ThS. Đặng Thị Tuyết Ngân; TS. Tạ Hồng Đức; TS. Cao Thị Mai Duyên - Hà Nội - Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, 2020 - 06/2014 - 05/2017. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Nghiên cứu khảo sát và lựa chọn nguyên liệu vải đáp ứng các yêu cầu công nghệ sản xuất tích hợp các quá trình màng. Nghiên cứu tích hợp các quá trình màng vào dây chuyền chế biến nước quả để sản xuất đồng thời nước vải ép cô đặc và hương vải. Nghiên cứu chế biến hạt vải để sản xuất đồng thời dầu hạt vải và chất thơm từ hạt vải. Đánh giá chất lượng dinh dưỡng, an toàn thực phẩm, và chất lượng cảm quan các sản phẩm tạo ra. Nghiên cứu phát triển mô hình giá cho hệ thống chế biến vải thiều sản xuất ra sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn Châu Âu.

Số hồ sơ lưu: 17302

### **299. Khoa học kỹ thuật và công nghệ khác**

76707. 10-2021. **Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ trong xây dựng mô hình để dự báo nhu cầu sử**

**dụng đất phục vụ công tác quy hoạch đất đai/** ThS. Vũ Thị Minh Huệ, ThS. Vũ Thị Hồng; KS. Nguyễn Văn Hậu; ThS. Phạm Công Minh; ThS. Nguyễn Cảnh Toàn; KS. Bùi Duy Thành; KS. Bùi Minh Đức; ThS. Phạm Thị Hồng; ThS. Lê Thị Mỹ Bình; ThS. Nguyễn Tuấn Anh - Hà Nội - Viện nghiên cứu quản lý đất đai, 2020 - 06/2016 - 09/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tổng quan về dự báo nghiên cứu sử dụng đất và ứng dụng công nghệ trong dự báo nghiên cứu sử dụng đất phục vụ công tác quy hoạch sử dụng đất. Nghiên cứu thực trạng dự báo nghiên cứu sử dụng đất và khả năng ứng dụng công nghệ trong dự báo nghiên cứu sử dụng đất. Xây dựng mô hình dự báo nghiên cứu sử dụng đất cấp tỉnh, cấp huyện. Xây dựng phần mềm dự báo nghiên cứu sử dụng đất phục vụ công tác quy hoạch sử dụng đất. Thử nghiệm và hoàn thiện mô hình để dự báo nghiên cứu sử dụng đất phục vụ công tác quy hoạch đất đai tại huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên.

Số hồ sơ lưu: 17313

### **3. Khoa học y, dược**

75203. 10-2021. **Ứng dụng kỹ thuật giảm đau trong chuyển dạ bằng gây tê ngoài màng cứng liên tục với thuốc Levobupivacaine phối hợp Fentanyl tại Bệnh viện Đa khoa quận Thốt Nốt/** BS. CKII. Lê Văn Lóng, BS. CKI. Mai Trần Đông; BS. CKI. Phạm Hoàng Chánh; BS. CKI. Nguyễn Văn Lộc; BS. CKII. Nguyễn Ngọc Diễm Uyên; BS. Bùi Nguyễn Hồng Ngọc; BS. Nguyễn Thị

Kim Huệ; Hà Phước Hùng; CN. Phạm Văn Nhứt; CN. Nguyễn Thị Thu Thủy - Thốt Nốt - Bệnh viện Đa khoa quận Thốt Nốt, 2018 - 01/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Cơ sở)

Phương pháp giảm đau trong chuyển dạ giúp cho việc sanh nở trở nên dễ dàng, thuận lợi hơn. Ở các nước tiên tiến trên thế giới phương pháp gây tê ngoài màng cứng đã được áp dụng rộng rãi từ lâu trong chuyên ngành gây mê hồi sức. Thực hiện phương pháp gây tê ngoài màng cứng giảm đau trong chuyển dạ cũng đã có từ 50 năm về trước. Tại Việt Nam ứng dụng kỹ thuật gây tê ngoài màng cứng để giảm đau trong đẻ bằng Bupivacain phối hợp với Fentanyl đã được áp dụng ở nhiều Bệnh viện: Bệnh Viện Hùng Vương TP Hồ Chí Minh đã thực hiện đầu tiên giảm đau trong chuyển dạ từ năm 1988, Bệnh viện Từ Dũ 1995, Bệnh viện Đa khoa thành phố Cần Thơ 2008, Bệnh viện đa khoa Thốt Nốt 2012. Levobupivacain là thuốc tê thế hệ mới ra đời thuộc họ amino amid ít gây độc tính trên thần kinh và tim mạch hơn so với Bupivacain. Levobupivacain cũng tác dụng chọn lọc trên sợi thần kinh cảm giác hơn nên cũng ít gây ức chế vận động hơn. Từ kết quả dự án này làm cơ sở cho giảm đau trong chuyển dạ bằng gây tê ngoài màng cứng liên tục với thuốc Levobupivacain phối hợp với Fentanyl tại Bệnh Viện Đa Khoa Thốt Nốt trong những năm tới nhằm cải thiện một số tác dụng không mong muốn cho thai phụ và thai nhi trong chuyển dạ.

Số hồ sơ lưu: CTO-KQ2019-02/KQNC

75206. 10-2021. **Hiệu quả của phối hợp bupivacaine với sufentanil và morphine trong tê tủy sống mổ lấy thai/** BSCKII. Trần Huỳnh Đào, BSCKII. La Văn Phương; PGS.TS.BS. Nguyễn Thị Thanh; ThS.BS. Trần Thị Cẩm Nhung; TS.BS. Lê Thị Kim Đài; BSCKI. Thái Đắc Vinh; BSCKI. Phan Lê Bích Hạnh; BS. Nguyễn Hữu Nghiệm; CN. Phạm Minh Châu - Cần Thơ - Bệnh viện Đa khoa Trung ương Cần Thơ, 2016 - 07/2014 - 09/2016. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Kỹ thuật tê tủy sống phối hợp bupivacaine – sufentanil – morphine trở

thành phác đồ giảm đau trong và sau mổ lấy thai tại BV Đa Khoa Trung Ương Cần Thơ. Triển khai phối hợp bupivacaine với sufentanil và morphine trong tê tủy sống mổ lấy thai ở các bệnh viện trong Thành Phố Cần Thơ có phẫu thuật sản khoa, nhằm mang lại lợi ích giảm đau tốt nhất cho sản phụ.

Dự phòng ondansetron trong mổ lấy thai, nhằm giảm tỷ lệ buồn nôn và nôn ói thấp nhất cho sản phụ, mang lại cảm giác dễ chịu, giúp sản phụ mau

phục hồi sức khỏe và chăm sóc sơ sinh tốt hơn.

Số hồ sơ lưu: CTO-KQ2019-06/KQNC

75240. 10-2021. **Đánh giá hiệu quả ứng dụng phẫu thuật nội soi trong điều trị viêm ruột thừa và các yếu tố liên quan tại Bệnh viện Đa**

**khóa quận Thốt Nốt/** BSCK II. Trần Phước Sang, BSCK II. Lê Văn Lóng; BSCK I. Mai Trần Đông; BSCK I. Nguyễn Minh Truyền; Hà Phước Hùng; BSCK I. Giang Phước Điền; BSCK I. Hà Trường Dũng; BSCK I. Nguyễn Trọng Hiếu; CN. Phạm Văn Nhựt; Huỳnh Thanh Tuấn - Cần Thơ - Bệnh viện Đa khoa quận Thốt Nốt, 2016 - 01/2016 - 12/2016. (Đề tài cấp Cơ sở)

Viêm ruột thừa cấp là bệnh thường gặp nhất của cấp cứu bụng ngoại khoa. Vì vậy việc tiến hành nghiên cứu, điều trị bệnh viêm ruột thừa thông qua mổ nội soi là rất cần thiết trong tình hình hiện nay. Tại Bệnh viện Đa khoa quận Thốt Nốt trong 1 năm chúng tôi báo cáo 95 bệnh nhân viêm ruột thừa được phẫu thuật nội soi đưa vào nghiên cứu. Nghiên cứu tiến cứu mô tả cắt ngang. Tuổi trung bình:  $36,07 \pm 12,97$ , tỉ lệ nam: nữ là 1,56:1. Vào viện vì đau vùng thượng vị khu trú hố chậu phải chiếm (75,4%). Thời gian phẫu thuật trung bình:  $55,05 \pm 16$ , không có trường hợp tử vong và có 3 biến chứng áp xe sau mổ (3,2%). Kết luận phẫu thuật nội soi cắt ruột thừa viêm là phương pháp an toàn nên được chỉ định rộng rãi và áp dụng ở các cơ sở phẫu thuật tuyến quận, huyện. Trong điều kiện hiện nay việc trang bị phẫu thuật nội soi cho bệnh viện quận, huyện là điều kiện có thể làm để đáp ứng nhu cầu điều trị của bệnh nhân, giảm biến chứng, giảm chi phí điều trị và giảm quá tải cho bệnh viện tuyến trên. Từ kết quả dự án này làm cơ sở cho phẫu thuật nội soi cắt túi mật, khâu thủng dạ dày, thoát vị bẹn ... sẽ được thực

hiện tại Bệnh viện Đa khoa quận Thốt Nốt trong những năm tới.

Số hồ sơ lưu: CTO-KQ2017-05/KQNC

75526. 10-2021. **Điều trị gãy thân xương chày bằng đinh nội tủy có chốt kín dưới màn tăng sáng/** Bác sĩ CKII Phạm Quốc Tuấn, BS CKII Phạm Quốc Tuấn; BS CKII Phạm Văn Em; BS CKII Trình Minh Hiệp; BS CKI Võ Thanh Thơi; ThS BS Phan Văn Đức; BS CKI Nguyễn Ngọc Hiếu; BS CKI Hà Kim Long; BS Nguyễn Tiến Lộc; BS CKII Đặng Thị Nguyệt; BS Trương Văn Luật - Bến Tre - Sở Y tế Bến Tre, 2019 - 04/2017 - 04/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Đánh giá kết quả điều trị gãy thân xương chày bằng đinh nội tủy có chốt (SIGN) đóng kín dưới màn tăng sáng dựa trên sự liền xương, phục hồi chức năng của chi gãy của 37 bệnh nhân được điều trị tại bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu. Từ kết quả đạt được rút ra những nhận xét về kinh nghiệm chỉ định và kỹ thuật của phương pháp này để phổ biến cho các bệnh viện khu vực và huyện có điều kiện.

Số hồ sơ lưu: BTE-126-2019

76926. 10-2021. **Đánh giá hoạt động kê đơn thuốc và bán thuốc kê đơn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng./** BSCK2. Ngô Thị Kim Yên, DSK2. Trần Cúc; Trần Thị Thu Lan; BSCK2. Trương Văn Trình; BSCK1. Nguyễn Minh Sơn; BSCK2. Nguyễn Ngọc Thanh; DSK1. Nguyễn Đỗ Bảo Yên; ThsYTCC.

Trần Thị Hoài Vi - - Sở Y tế TP. Đà Nẵng, 2019 - 12/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Cơ sở)

Đề tài đánh giá thực trạng hoạt động kê đơn thuốc và bán thuốc kê đơn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; Tìm hiểu các yếu tố liên quan đến việc tuân thủ các quy định về hoạt động kê đơn và bán thuốc kê đơn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; Đề xuất các giải pháp can thiệp nhằm tăng hiệu quả của hoạt động kê đơn và bán thuốc kê đơn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Số hồ sơ lưu: DNG-2019-CS114

### 302. Y học lâm sàng

74637. 10-2021. **Đánh giá kết quả giảm đau sau phẫu thuật trĩ bằng phương pháp cấy chỉ Catgut vào huyết mạch cứu tại Bệnh viện y học cổ truyền Phạm Ngọc Thạch - Lâm Đồng/** BSCKI. Quách Hữu Thái, ThS. Bùi Thế Sáu; BS. Nguyễn Thị Liên; ThS. Phạm Ngọc Quý; ĐD. Trần Thị Ngọc Bích; ĐD. Vũ Đại Dương; CN. Lê Thanh Hải; KTV. Nguyễn Phúc Hòa; ThS. Nguyễn Thị Ngọc Hà - Đà Lạt - Bệnh viện Y học cổ truyền Phạm Ngọc Thạch - Lâm Đồng, 2018 - 11/2016 - 11/2018. (Đề tài cấp Cơ sở)

Theo thống kê gần đây bệnh trĩ chiếm tỷ lệ khoảng 50% dân số và đứng hàng đầu trong cơ cấu bệnh hậu môn- trực tràng. Cho đến nay, điều trị bệnh trĩ có 3 phương pháp chính là điều trị nội khoa, điều trị bằng thủ thuật và điều trị bằng phẫu thuật. Bằng cách đưa một loại chỉ tự tiêu đặc biệt vào huyết của Hệ kinh lạc để duy trì sự kích thích lâu dài qua đó tạo nên

tác dụng điều trị như châm cứu. Cây chỉ có hiệu quả như, thậm chí cao hơn châm cứu trong một số bệnh. Phẫu thuật điều trị bệnh trĩ bằng dòng điện cao tần (Máy ZZ II 500) đã được ứng dụng tại Khoa Ngoại- Bệnh viện YHCT Phạm Ngọc Thạch – Lâm Đồng từ năm 2006, phương pháp cây chỉ giảm đau cũng được áp dụng để điều trị một số bệnh từ nhiều năm nay. Để góp phần vào nghiên cứu kết hợp YHCT với YHHĐ trong chăm sóc và nâng cao sức khỏe cho nhân dân, chúng tôi tiến hành nghiên cứu đề tài “Đánh giá kết quả giảm đau sau phẫu thuật trĩ bằng phương pháp cây chỉ catgut vào huyết châm cứu tại BV YHCT PNT” với mục tiêu: Đánh giá kết quả giảm đau sau phẫu thuật trĩ của phương pháp cây chỉ catgut vào huyết châm cứu. Theo dõi tác dụng không mong muốn của phương pháp cây chỉ giảm đau sau phẫu thuật trĩ trên lâm sàng và một số chỉ số cận lâm sàng.

Số hồ sơ lưu: LDG-2019-022

### **30212. Y học hạt nhân và phóng xạ; chụp ảnh y học**

76854. 10-2021. **Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật y học hạt nhân và sinh học phân tử trong chẩn đoán và điều trị bệnh nhân ung thư tuyến giáp thể biệt hóa kháng I 131/** PGS. TS. Trần Ngọc Lương, PGS. TS. Lê Ngọc Hà; ThS. Phan Hoàng Hiệp; TS. Hoàng Quốc Trường; ThS. Ngô Thị Minh Hạnh; TS. Nguyễn Mạnh Hùng; BS. Mai Hồng Sơn; ThS. Nguyễn Thanh Hương; PGS. TS. Phan Quốc Hoàn; ThS. Trần Đoàn Kết; TS. Trần Ngọc Tuấn; ThS. Phạm Bá Tuấn - Hà Nội - Bệnh viện

Nội tiết Trung ương, 2019 - 10/2016 - 09/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, mô bệnh học và hoá mô miễn dịch của bệnh nhân ung thư biểu mô tuyến giáp thể biệt hoá kháng I-131. Xây dựng quy trình chẩn đoán bệnh nhân ung thư tuyến giáp thể biệt hoá kháng I-131. Quy trình đánh giá sự biến đổi gen ở bệnh nhân ung thư tuyến giáp thể biệt hoá kháng I-131. Quy trình điều trị bệnh nhân ung thư tuyến giáp thể biệt hoá kháng I-131. Chế tạo bộ sinh phẩm phát hiện đột biến gen, chuyên đoạn nhiễm sắc thể phục vụ chẩn đoán bệnh nhân ung thư tuyến giáp thể biệt hoá kháng I-131.

Số hồ sơ lưu: 17337

### **304. Dược học**

#### **30401. Dược lý học**

73223. 10-2021. **Nghiên cứu chế tạo các hệ dẫn thuốc cấu trúc nano đa chức năng từ - huỳnh quang dùng trong chẩn đoán và điều trị ung thư/** TS. Hà Phương Thư, TS. Hoàng Thị Mỹ Nhung; PGS. TS. Lê Mai Hương; TS. Bùi Thúc Quang; ThS. Nguyễn Hoài Nam; KTV. Đỗ Hải Đoàn; ThS. Lê Thị Thu Hương - Hà Nội - Viện Khoa Học Vật Liệu, 2019 - 08/2016 - 02/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu quy trình chế tạo hệ dẫn thuốc đa chức năng từ - huỳnh quang có cấu trúc nano: Các điều kiện tối ưu về nhiệt độ, dung môi, chất xúc tác, pH, nồng độ... để chế tạo được các hệ dẫn thuốc đa chức năng chứa Fe<sub>3</sub>O<sub>4</sub> (có tính chất từ) và curcumin hoặc Doxorubicin (vừa là thuốc có

khả năng tiêu diệt tế bào ung thư, vừa có tính chất huỳnh quang); Đặc điểm cấu trúc của hệ dẫn thuốc bằng các phương pháp nhiễu xạ tia X (XRD), các phép đo từ; Hình thái học của các hệ dẫn thuốc chế tạo được bằng các phương pháp hiển vi điện tử (FeSEM, TEM) và AFM...; Tính chất hạt, kích thước hạt, lựa chọn kích thước thích hợp; Khảo sát quá trình nhả chậm của các hệ nano dẫn thuốc đa chức năng. Khả năng tiêu diệt tế bào ung thư, khả năng tăng độ tương phản trong MRI và khả năng nhiệt từ trị (hyperthermia) của các hệ dẫn thuốc cấu trúc nano.

Số hồ sơ lưu: 16034

75226. 10-2021. **Nghiên cứu tạo phức hệ nanogel schizophyllan (SPG) mang thuốc ức chế đặc hiệu yếu tố hoại tử u (TNF- $\alpha$ ) nhằm ứng dụng trong điều trị bệnh viêm khớp dạng thấp/** TS. Phạm Thị Thu Hương, PGS. TS. Hoàng Thị Mỹ Nhung; TS. Nguyễn Đình Thắng; PGS. TS. Nguyễn Thị Vân Anh; PGS. TS. Bùi Thị Việt Hà; TS. Nguyễn Minh Núi - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2019 - 06/2016 - 06/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Tạo được phức hệ Schizophyllan (hay chính là Curdlan) mang thuốc Etanercept (ETA) ức chế đặc hiệu yếu tố hoại tử u (TNF- $\alpha$ ): (gọi tắt là phức hệ ACE). - Đánh giá được khả năng ức chế đặc hiệu TNF- $\alpha$  của phức hệ SPG (Curdlan) mang thuốc Etanercept (ACE) trên mô hình in vitro. Qua đó chứng minh tính hướng đích của ACE và khả năng trung hoà TNF- $\alpha$  của ACE trên dòng đại thực bào RAW264.7.

Số hồ sơ lưu: 16711

### **30402. Dược học lâm sàng và điều trị**

76869. 10-2021. **Nghiên cứu thực trạng và đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động báo cáo biến cố bất lợi trong thử nghiệm lâm sàng thuốc tại Việt Nam/** TS. Đỗ Xuân Thắng, ThS. Nguyễn Vĩnh Nam; ThS. Võ Thị Nhi Hà; TS. Nguyễn Ngô Quang; ThS. Lê Thu Thủy; ThS. Nguyễn Thị Phương Thúy; DS. Lương Anh Tùng; ThS. Lê Tuấn Hưng; ThS. Lê Hiếu - Hà Nội - Trường Đại học Dược Hà Nội, 2019 - 01/2017 - 07/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Mô tả thực trạng và xác định được các yếu tố ảnh hưởng đến báo cáo biến cố bất lợi nghiêm trọng (SAE) trong thử nghiệm lâm sàng thuốc tại Việt Nam. Xây dựng, đề xuất văn bản hướng dẫn, quy trình báo và chương trình đào tạo về biến cố bất lợi nghiêm trọng (SAE) trong thử nghiệm lâm sàng thuốc tại Việt Nam. Triển khai được can thiệp thử nghiệm và khuyến nghị chính sách đối với công tác báo cáo biến cố bất lợi nghiêm trọng (SAE) trong thử nghiệm lâm sàng thuốc tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 17345

### **30403. Dược liệu học; cây thuốc; con thuốc; thuốc Nam, thuốc dân tộc**

75502. 10-2021. **Sản xuất thử nghiệm viên nang tỏi đen tại Hải Phòng/** ThS. Nguyễn Thị Thu Hằng, ThS. Ngô Thị Hải Linh; ThS. Hoàng Thị Yên; CN. Nguyễn Văn Điệp; ThS. Lương Hoàn Đức; CN. Nguyễn Kim Dung - Hải Phòng - Trung tâm

Ứng dụng Tiến bộ Khoa học và Công nghệ Hải Phòng, 2019 - 06/2018 - 08/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Dự án tiến hành đào tạo, tập huấn 05 cán bộ kỹ thuật và kỹ thuật viên của Trung tâm nắm vững và thực hành thành thạo quy trình công nghệ sản xuất viên nang tỏi đen. Triển khai sản xuất thử nghiệm viên nang tỏi đen tại Hải Phòng, quy mô sản xuất trong thời gian thực hiện dự án: 150.000 viên nang tỏi đen /03 đợt sản xuất. Hạch toán hiệu quả kinh tế của mô hình sản xuất viên nang tỏi đen. Đề xuất quy trình sản xuất viên nang tỏi đen phù hợp với điều kiện tại Hải Phòng.

Số hồ sơ lưu: HPG.2019.015

76732. 10-2021. **Nghiên cứu quy trình công nghệ bào chế một số sản phẩm chất lượng cao từ sâm Ngọc Linh/ GS. TS. Nguyễn Minh Đức, TS. Vũ Duy Dũng; KS. Nguyễn Trung Kiên; TS. Nguyễn Trường Huy; ThS. Vũ Huỳnh Kim Long; TS. Nguyễn Đức Hạnh; TS. Lê Thị Hồng Vân; ThS. Huỳnh Trần Quốc Dũng; ThS. Trần Thị Thu Vân; KS. Tống Văn Anh; ThS. Phan Thế Dương; ThS. Nguyễn Thị Tú Nhi; TS. Đinh Xuân Tú; ThS. Bùi Hồng Ngọc Vân Anh; Nguyễn Minh Cang - Hà Nội - Trung tâm ương tạo và hỗ trợ doanh nghiệp khoa học và công nghệ, 2019 - 10/2016 - 09/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Nghiên cứu bào chế cao lỏng sâm Ngọc Linh định chuẩn. Nghiên cứu bào chế cao khô sâm Ngọc Linh định chuẩn nghiên cứu các qui trình

công nghệ bào chế một số sản phẩm chất lượng cao được chuẩn hóa từ sâm Ngọc Linh (SNL) qui mô phòng thí nghiệm; nghiên cứu phương pháp kiểm định chất lượng và tiêu chuẩn cơ sở (TCCS) các sản phẩm, và thiết kế bao bì đóng gói và theo dõi độ ổn định của các sản phẩm.

Số hồ sơ lưu: 17312

76779. 10-2021. **Nghiên cứu bào chế viên nang chứa phytosome của hoạt chất chiết xuất từ cúc gai, giáo cổ lam, diệp hạ châu đắng, nghệ vàng/ TS. Vũ Tuấn Anh, PGS.TS. Nguyễn Việt Lương; PGS.TS. Nguyễn Văn Long; TS. Chử Văn Mến; TS. Nguyễn Trọng Diệp; ThS. Chử Đức Thành; ThS. Bùi Thị Thu Hà; ThS. Đặng Trường Giang; TS. Trần Minh Ngọc; TS. Nguyễn Văn Thịnh - Hà Nội - Học viện Quân y, 2019 - 11/2016 - 10/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Xây dựng các qui trình chiết xuất, tinh chế hoạt chất hoặc nhóm hoạt chất từ giáo cổ lam, diệp hạ châu đắng. Xây dựng qui trình bào chế phytosome của hoạt chất hoặc nhóm hoạt chất chiết xuất từ cúc gai, giáo cổ lam, diệp hạ châu đắng và nghệ vàng. Quy trình bào chế viên nang chứa phytosome của hoạt chất hoặc nhóm hoạt chất chiết xuất từ cúc gai, giáo cổ lam, diệp hạ châu đắng, nghệ vàng. Xây dựng tiêu chuẩn cơ sở của nguyên liệu, bán thành phẩm và thành phẩm. Theo dõi được độ ổn định của thành phẩm và bán thành phẩm. Đánh giá được sinh khả dụng và tác dụng in vivo của sản phẩm trên động vật thực nghiệm.

Số hồ sơ lưu: 17325

77970. 10-2021. **Nghiên cứu, hoàn thiện quy trình công nghệ chế biến một số sản phẩm từ Giảo cổ Lam, Ấu Tẩu / KS. Lê Xuân Duy, Lê Tất Thành; Trần Quốc Toàn; Nguyễn Văn Hoan; Hoàng Thị Bích; Nguyễn Phi Hùng; Đạo Thị Kim Dung; Nguyễn Huy Tùng; Trần Thị Thu Thủy - Hà Nội - Phân viện Hóa học các hợp chất thiên nhiên, 2019 - 07/2017 - 07/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Đánh giá vùng nguyên liệu Giảo cổ lam và Ấu tẩu trên địa bàn tỉnh Hà Giang. Nghiên cứu quy trình sản xuất trà Giảo cổ lam, quy trình chế biến viên uống Giảo cổ lam. Xây dựng quy trình chiết xuất thu cao etanol toàn phần giảo cổ lam và phương pháp thu cao giảo cổ lam giàu saponin quy mô 50-100kg nguyên liệu khô/mẻ.

Số hồ sơ lưu: HGG-001-2020

### **305. Công nghệ sinh học trong y học**

#### **30501. Công nghệ sinh học liên quan đến y học, y tế**

78518. 10-2021. **Hoàn thiện quy trình sản xuất vắc-xin vô hoạt nhũ dầu quy mô công nghiệp phòng hội chứng rối loạn hô hấp và sinh sản cho lợn (PRRS)/ PGS.TS. Nguyễn Bá Hiên, TS. Lê Huỳnh Thanh Phương; PGS.TS. Nguyễn Thị Lan; PGS.TS. Nguyễn Hữu Nam; TS. Lê Văn Phan; PGS.TS. Bùi Trần Anh Đào; TS. Trịnh Đình Thâu; TS. Trương Hà Thái; TS. Bùi Tố Nga; TS. Lại Thị Lan Hương - Hà Nội - Học viện Nông nghiệp Việt Nam,**

2020 - 12/2016 - 12/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hoàn thiện quy trình sản xuất giống trên môi trường tế bào Marc-145 dùng để sản xuất vắc xin vô hoạt nhũ dầu PRRS quy mô công nghiệp. Hoàn thiện quy trình sản xuất vắc xin vô hoạt nhũ dầu thành phẩm quy mô công nghiệp và sản xuất thử nghiệm 1 triệu liều vắc xin vô hoạt nhũ dầu phòng PRRS. Nghiên cứu kiểm nghiệm vắc xin PRRS vô hoạt nhũ dầu ở quy mô công nghiệp. Xây dựng, hoàn thiện quy trình sử dụng và bảo quản vắc xin PRRS vô hoạt nhũ dầu.

Số hồ sơ lưu: 18041

### **4. Khoa học nông nghiệp**

75250. 10-2021. **Xây dựng mô hình làng hoa kiểng Thành phố Cần Thơ phục vụ du lịch/ GS.TS Lê Văn Hòa, ThS. Mai Văn Trâm; TS. Lê Bảo Long; ThS. Mai Vũ Duy; ThS. Vương Ngọc Đăng Khoa; KS. Phan Hữu Nghĩa; Lâm Văn Sơn; ThS. Nguyễn Ý Nguyên; Nguyễn Ngọc Ri; Đoàn Hữu Bón - Cần Thơ - Trường Đại Học Cần Thơ, 2017 - 03/2015 - 04/2017. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Nhằm xây dựng mô hình làng hoa cây cảnh để phục vụ du lịch và tạo điểm nhấn về văn hóa du lịch của thành phố Cần Thơ, dự án “Xây dựng mô hình làng hoa kiểng Thành phố Cần Thơ phục vụ du lịch” được thực hiện từ tháng 3 năm 2015 đến tháng 04 năm 2017. Bốn nội dung thực hiện chính bao gồm: (1) điều tra, thu thập thông tin, xử lý số liệu và đánh giá hiện trạng; (2) xây dựng mô hình làng



hoa - cây cảnh truyền thống đặc thù của TP. Cần Thơ; (3) tham quan, sưu tập các loài hoa, cây xanh, cây cảnh đặc s c và lưu giữ trong vườn mô hình; và (4) tập huấn và chuyển giao các quy trình kỹ thuật. Kết quả cho thấy đường đi khó khăn, thiếu vốn, thời tiết không thuận lợi, đầu ra không ổn định cũng như thiếu công lao động là nguyên nhân chủ yếu gây khó khăn trong sản xuất hoa kiểng tại làng hoa; đặc biệt một số hộ chưa mặn mà đối với hoa kiểng, còn ỷ lại vào nguồn vốn hỗ trợ của nhà nước. Các hộ tham gia dự án có diện tích đất sản xuất hoa kiểng, năng suất, chất lượng, và thu nhập đều cao hơn so với các hộ không tham gia; đặc biệt là lượng khách du lịch đến tham quan mua sắm, lượng khách đến tăng trung bình 22,9% (cao gấp 11 lần so với không tham gia mô hình). Có đến 87,5% hộ tham gia dự án hài lòng với kết quả đạt được từ dự án so với nội dung dự kiến ban đầu đề ra.

Số hồ sơ lưu: CTO-KQ2017-12/KQNC

75265. 10-2021. **Nghiên cứu mô hình sản xuất - phân phối - tiêu thụ rau an toàn trên địa bàn quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ/** ThS. Võ Minh Sang, ThS. Đoàn Hoài Nhân; ThS. Nguyễn Huỳnh Phước Thiện; CN. Trần Thị Kinh Như; ThS. Trần Minh Hùng; ThS. Phòng Thị Huỳnh Mai; CN. Nguyễn Tương Lai; CN. Nguyễn Lê Quốc Thi; ThS. Nguyễn Lê Phúc Khánh - Cần Thơ - Trường Đại Học Cần Thơ, 2015 - 08/2014 - 11/2015. (Đề tài cấp Cơ sở)

Nghiên cứu nhằm đề xuất mô hình sản xuất - phân phối - tiêu thụ

rau an toàn trên địa bàn quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ nhằm gia tăng giá trị sản xuất đất nông nghiệp đô thị, cải thiện thu nhập người dân địa phương, góp phần cung ứng rau an toàn đáp ứng cho nhu cầu thị trường của thành phố Cần Thơ. Đề tài: “Nghiên cứu đề xuất mô hình sản xuất - phân phối - tiêu thụ rau an toàn trên địa bàn quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ” được đề xuất thực hiện cho quận Cái Răng từ tháng 8/2014-11/2015. Đề tài được thực hiện với phương pháp luận là nền tảng kiến thức luận về sản xuất, phân phối, tiêu thụ cùng với lý thuyết về hành vi tiêu dùng, sự hài lòng tiêu dùng và xu hướng tiêu dùng và các vấn đề liên quan đến tính hiệu quả trong sản xuất trong điều kiện các yếu tố của môi trường kinh tế - xã hội của quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ. Phương pháp nghiên cứu định tính kết hợp định lượng được thực thi để phân tích dữ liệu thứ cấp và sơ cấp từ các đối tượng liên quan: hộ sản xuất rau, rau an toàn, hợp tác xã rau an toàn, thương lái, tiểu thương, siêu thị,... đến người tiêu dùng, bếp ăn tập thể, nhà hàng – quán ăn cùng với cán bộ quản lý, cơ sở đào tạo và các chuyên gia,...

Số hồ sơ lưu: CTO-KQ2016-02/KQNC

75525. 10-2021. **Nghiên cứu quy trình sản xuất phân bón hữu cơ sinh học từ nguồn protein-phế thải của quá trình chế biến thủy sản/** Tiến sĩ Nguyễn Quang Thạch, GS.TS Nguyễn Quang Thạch; TS Phạm Hữu Nhượng; TS Ngô Thị Lam Giang; ThS Trương Thanh Hưng; KS Trần

Thị Quý; KS Lê Hữu Bảo Dương; KS Phùng Nhật Phong; KS Nguyễn Thành Phước; KS Trần Hồng Oai; Đỗ Thanh Tuấn - TP Hồ Chí Minh - Trường Đại học Nguyễn Tất Thành, 2019 - 03/2017 - 03/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tận dụng nguồn phế thải của quá trình chế biến thủy sản tại tỉnh Bến Tre để tạo ra sản phẩm phân bón phục vụ sản xuất Nông nghiệp và góp phần bảo vệ môi trường, chống ô nhiễm từ phế thải từ các nhà máy chế biến.

Số hồ sơ lưu: BTE-125-2019

75662. 10-2021. **Nghiên cứu bảo tồn, tư liệu hóa và đánh giá sơ bộ nguồn gen cây mè đen 02 vỏ trên địa bàn tỉnh Bình Thuận/** Đặng Thị Ái Trinh, Đặng Thị Ái Trinh; Nguyễn Quốc Dũng; Võ Thanh Bình; ThS. Nguyễn Thị Tâm Duyên; Nguyễn Thị Ngọc Chân; Nguyễn Thị Thu Hà; Lê Thị Bích Uyển; TS. Bùi Minh Trí; TS. Nguyễn Đức Toàn; ThS. Võ Thị Thúy Huệ - Bình Thuận - Trung tâm Thông tin và Ứng dụng tiến bộ KH-CN Bình Thuận, 2019 - 07/2015 - 05/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Bảo tồn nguồn gen mè đen 02 vỏ nhằm phục vụ cho công tác lai tạo giống. Duy trì và phát triển bền vững giống mè đen 02 vỏ đặc hữu của địa phương, góp phần tăng thêm giá trị kinh tế và sử dụng giống mè trong sản xuất nông nghiệp của tỉnh. Chuyển giao 5 quy trình công nghệ bảo tồn gen cây mè đen 2 vỏ. Đánh giá và tư liệu hóa nguồn gen cây mè đen 02 vỏ Bình Thuận. Xây dựng mô hình bảo tồn cây mè đen 02 vỏ Bình Thuận

bằng phương pháp in vitro tại Trung tâm Thông tin và Ứng dụng Tiến bộ KH-CN. Xây dựng 01 mô hình bảo tồn cây mè đen 02 vỏ Bình Thuận tại đồng ruộng ở 2 huyện Bắc Bình và Hàm Thuận Bắc với tổng quy mô 2 ha. Hội thảo đầu bờ tại mô hình bảo tồn cây mè đen 02 vỏ Bình Thuận tại đồng ruộng.

Số hồ sơ lưu: BTN-2020-001

75663. 10-2021. **Xây dựng mô hình nuôi vịt trời thương phẩm trên đê mốt sinh học tại huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận/** Nguyễn Minh Thi, Nguyễn Minh Thi; Lê Mai Liên; Vũ Thế Tài; Phan Lộc Bảo Chiêu; Trần Thị Minh Thảo - Hàm Thuận Nam - Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Hàm Thuận Nam, 2019 - 12/2018 - 09/2019. (Đề tài cấp Cơ sở)

Xây dựng và hoàn thiện quy trình chăn nuôi vịt trời thương phẩm sử dụng đê mốt sinh học nhằm ngăn ngừa và hạn chế các tác nhân gây bệnh, góp phần giảm ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi; nâng cao chất lượng sản phẩm và tăng hiệu quả kinh tế cho người chăn nuôi; làm mô hình trình diễn cho người dân tham quan, học tập kinh nghiệm. Góp phần đa dạng hóa giống vật nuôi trên địa bàn huyện, nâng cao hiệu quả sử dụng đất trên cùng một đơn vị diện tích.

Số hồ sơ lưu: BTN-2020-002

76848. 10-2021. **Xây dựng mô hình trồng thử nghiệm cây bơ trên đất đồi huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng/** TS. Hồ Huy Cường, ThS. Đồng Thị Yến; ThS. Phạm Vũ Bảo; ThS. Đoàn Công Nghiêm; KS.

Nguyễn Thị Diễm Thúy; ThS. Nguyễn Thanh Nghị; KS. Nguyễn Phú Diệu; CN. Dương Thị Cúc; KS. Châu Thị Thùy Phương - - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Đà Nẵng, 2019 - 12/2013 - 12/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng mô hình trồng thử nghiệm cây bơ trên đất đồi ở huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Nghiên cứu hoàn thiện quy trình kỹ thuật canh tác cây bơ phù hợp với điều kiện tự nhiên tại huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Bình tuyển một số giống bơ đang trồng tại xã hòa phú, huyện hòa vang, thành phố đà nẵng.

Số hồ sơ lưu: DNG-2019-TP388

76849. 10-2021. **Nghiên cứu quy trình sản xuất thử nghiệm phân hữu cơ vi sinh từ bã thải được liệu của Công ty Cổ phần Dược Danapha/** CN. Trần Thị Thanh Thủy, KS. Trần Thị Thu Thủy - - Trung tâm Công nghệ Sinh học Đà Nẵng, 2019 - 12/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Cơ sở)

Đề tài nghiên cứu nhằm mục đích tái sử dụng nguồn bã thải dược liệu sau khi tách chiết tại Công ty Cổ phần dược Danapha để nghiên cứu xây dựng quy trình sản xuất thử nghiệm phân hữu cơ vi sinh ứng dụng trong nông nghiệp.

Số hồ sơ lưu: DNG-2019-CS115

76921. 10-2021. **Khảo sát hàm lượng kim loại nặng trong các loại nấm được sản xuất tại thành phố Đà Nẵng, xác định nguyên nhân và**

**đề xuất hướng khắc phục./** TS. Phạm Châu Huỳnh, KS. Lê Văn Tinh - - Trung tâm Công nghệ Sinh học Đà Nẵng, 2019 - 04/2018 - 10/2019. (Đề tài cấp Cơ sở)

Khảo sát và đánh giá tình hình nhiễm kim loại nặng (Cd và Pb) trong một số loại nấm hiện được trồng tại Tp. Đà Nẵng (nấm Bào ngư và Linh chi); Xác định được nguyên nhân gây nhiễm vượt mức an toàn đối với kim loại nặng (Cd và Pb) trong nấm Bào ngư và Linh chi (nếu có), và đề xuất giải pháp kỹ thuật để khắc phục.

Số hồ sơ lưu: DNG-2019-CS111

76922. 10-2021. **Ứng dụng kỹ thuật tưới “ướt khô xen kẽ” của Viện Lúa quốc tế IRRI cho cây lúa tại xã Hòa Bắc, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng./** Trịnh Hưng Quyền, Lê Năm; Phạm Thị Hạnh - - Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật Đà Nẵng, 2019 - 09/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Cơ sở)

Giúp nông dân nắm bắt được kỹ thuật tưới nước “ướt khô xen kẽ” của Viện lúa Quốc tế IRRI cho cây lúa phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương nhằm tăng hiệu quả kinh tế. Góp phần thay đổi tập quán sử dụng nước cho cây lúa theo cách truyền thống bằng việc ứng dụng kỹ thuật tưới nước “ướt khô xen kẽ” của Viện lúa Quốc tế IRRI để cải tiến phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương. Nâng cao trách nhiệm của người nông dân trong việc sử dụng tiết kiệm nguồn nước, tiết kiệm điện, ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng hiệu quả kinh tế. Hoàn thiện hướng dẫn kỹ thuật tưới tiết kiệm phù hợp với điều

kiện thực tế của địa phương xã Hòa Bắc trong từng mùa vụ khác nhau.

Số hồ sơ lưu: DNG-2019-CS113

76925. 10-2021. **Khôi phục giống kiệu hương Hòa Nhơn/ CN.** Trần Văn Thu, Trần Thị Bảo Nga; Bùi Thị Qua; Bùi Thị Nga - - UBND xã Hòa Nhơn, 2019 - 09/2018 - 02/2019. (Đề tài cấp Cơ sở)

Đề tài nhằm khôi phục giống kiệu hương Hòa Nhơn với những phẩm chất đặc trưng. Triển khai sản xuất và xây dựng quy trình sản xuất kiệu hương Hòa Nhơn để nâng cao năng suất và thu nhập cho người dân địa phương.

Số hồ sơ lưu: DNG-2019-CS106

76930. 10-2021. **Trồng chuối tiêu địa phương, thích ứng với điều kiện khí hậu trên địa bàn huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng/ KS.** Hồ Đăng Ninh, Trần Ngọc Anh; Võ Thị Đông; Bùi Thị Qua - - Hội Nông dân TP. Đà Nẵng, 2019 - 08/2017 - 09/2018. (Đề tài cấp Cơ sở)

Đề tài nhằm mục đích xây dựng mô hình trồng chuối tiêu địa phương thích ứng với điều kiện khí hậu đem lại hiệu quả kinh tế cho nông dân trên địa bàn thôn Diêu Phong xã Hòa Nhơn, góp phần tăng độ che phủ đất trên diện tích đồi gò, chống xói mòn. Áp dụng các công thức bón phân khác nhau để đưa ra công thức tối ưu đem lại hiệu quả kinh tế. Từ đó hoàn chỉnh quy trình trồng và chăm sóc cây chuối tiêu địa phương thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu để tuyên truyền, giới thiệu đến nông dân

trên địa bàn huyện áp dụng phát triển mô hình.

Số hồ sơ lưu: DNG-2019-CS116

78591. 10-2021. **Xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ tiên tiến chăn nuôi lợn theo phương thức công nghiệp trên vùng đất cát ven biển tỉnh Quảng Bình/ ThS.** Nguyễn Lê Văn, Cử nhân. Võ Đại Nghĩa; Cử nhân. Đỗ Khắc Điệp; KTV. Nguyễn Văn Tuấn; KTV. Nguyễn Văn Thi; ThS. Phạm Duy Phẩm; TS. Trịnh Quang Tuyên; TS. Trịnh Hồng Sơn; ThS. Nguyễn Long Gia; ThS. Nguyễn Ngọc Minh - Quảng Bình - Công ty Cổ phần Thanh Hương, 2020 - 09/2017 - 08/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Chuyển giao các quy trình kỹ thuật chăn nuôi lợn theo phương thức công nghiệp. Xây dựng mô hình chăn nuôi lợn theo phương thức công nghiệp. Đào tạo kỹ thuật viên và tập huấn cho người dân.

Số hồ sơ lưu: 18076

78592. 10-2021. **Nghiên cứu các peptides hoạt tính sinh học thần kinh của ốc nón sần nhuyễn thể ở vùng biển Khánh Hòa./ TS.** Nguyễn Bảo, PGS.TS. Ngô Đăng Nghĩa; TS. Phan Thị Khánh Vinh; ThS. Bùi Trần Nữ Thanh Việt - Khánh Hòa - Trường Đại học Nha Trang, 2020 - 05/2016 - 11/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Sàng lọc và phân loại học ốc nón “sần nhuyễn thể” tiềm năng lớn bằng hình thái và di truyền. Giải phẫu tuyến nọc độc, trích li và thu nhận độc tố thô ở dạng bột đông khô. Phân đoạn, phân lập peptide trong hỗn hợp

nọc độc thô trên hệ thống sắc ký lỏng hiệu năng cao-pha đảo (RP-HPLC) bằng cột C18 với chương trình gradient của dung môi acetonitrile. Sàng lọc sơ bộ hoạt tính sinh học tiềm năng của các phân đoạn thô trong nọc độc trên các động vật khác nhau (cá, nhuyễn thể, chuột). Xác định khối lượng phân tử, số lượng cysteine của các peptide tiềm năng bằng khối phổ MALDI TOF MS hoặc nanoESI-MS. Tinh sạch peptide tiềm năng bằng sắc ký lỏng hiệu năng cao-pha đảo (RPHPLC) bằng cột phân tích C18. Giải trình tự peptide tiềm năng bằng tổ hợp các phân tích MALDI TOF MS/MS, nanoESI MS/MS, Edman's degradation và cộng hưởng từ hạt nhân. Tìm ra các peptide hoạt tính sinh học thần kinh có tiềm năng lớn, được tách chiết từ độc tố của loài ốc nón sần nhuyễn thể.

Số hồ sơ lưu: 18072

#### 401. Trồng trọt

73580. 10-2021. **Xây dựng mô hình chuyển đổi kiểu sử dụng đất lúa theo hướng nông nghiệp đô thị tại quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ/ PGS.TS. Lê Tấn Lợi, 2. Ths. Nguyễn Hữu Kiệt; 3. Ths. Vương Tuấn Huy; 4. Ths. Lý Hằng Ni; 5. Ths. Đỗ Thanh Tân Em; 6. Ths. Huỳnh Thanh Hải; 7. KS. Lý Trung Nguyên. - Cần Thơ - Trường Đại học Cần Thơ., 2016 - 07/2014 - 07/2016. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Kết quả theo dõi mô hình cho thấy trong các mô hình canh tác chuyên màu thì mô hình Dưa lê mang lại lợi nhuận cao nhất là 30,86 triệu đồng/công/năm, các mô hình khác

như Nấm rơm là 22,77 triệu đồng/công/năm, Dưa hấu là 8,97 triệu đồng/công/năm, Bắp và Bí cho lợi nhuận thấp nhất lần lượt là 8,02 triệu đồng/công/năm và 4,16 triệu đồng/công/năm. Lợi nhuận cao nhất của các mô hình cây ăn trái là mô hình Mãng cụt đạt 22,65 triệu đồng/công/năm, kế đến là mô hình Cam sành đạt 18,48 triệu đồng/công/năm, Vú sữa đạt 14,23 triệu đồng/công/năm, Xoài đạt 12,63 triệu đồng/công/năm và Sầu riêng có lợi nhuận thấp nhất là 12,18 triệu đồng/công/năm. Mô hình Lúa 2 vụ và Lúa 3 vụ có lợi nhuận thấp nhất lần lượt là 3,06 triệu đồng/công/năm và 4,98 triệu đồng/công/năm; Kết quả đánh giá thích nghi đất đai về tự nhiên phân được 8 vùng. Kết quả đánh giá thích nghi tự nhiên kết hợp với định lượng kinh tế theo chỉ tiêu lợi nhuận phân ra được 6 vùng thích nghi và kết hợp với định lượng kinh tế theo chỉ tiêu hiệu quả đồng vốn phân ra 5 vùng thích nghi. Dựa vào đánh giá thích nghi và các căn cứ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội và vành đai thực phẩm của Quận. Đề xuất phương án bố trí chuyển đổi các kiểu sử dụng đất lúa, cây ăn trái và chuyên màu đến năm 2020.

Số hồ sơ lưu: CTO-KQNC2016-16/KQNC

75478. 10-2021. **Xây dựng mô hình trồng lan Mokara cắt cành phục vụ nhu cầu du lịch và phát triển kinh tế - xã hội/ CN. Phan Thị Ngọc Mai, CN. Phan Thị Ngọc Mai; CN. Dương Sáu; CN. Nguyễn Duy Tuấn; ThS. Nguyễn Minh Đông; CN.**

Phan Lộc Bảo Chiêu - Đức Linh - Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Đức Linh, 2019 - 07/2018 - 06/2019. (Đề tài cấp Cơ sở)

Xây dựng mô hình trồng lan Mokara lan cắt cành với quy mô 100m<sup>2</sup>, làm mô hình trình diễn cho người dân tại huyện Đức Linh. Nâng cao kiến thức cho người dân về ứng dụng kỹ thuật trồng hoa lan mokara cắt cành, giúp người dân tiếp cận với sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, phát triển nông nghiệp nông thôn. Góp phần đa dạng hóa cây trồng trên địa bàn huyện Đức Linh, đa dạng hóa các sản phẩm nông nghiệp và du lịch cho tỉnh.

Số hồ sơ lưu: BTN-2019-010

75495. 10-2021. **Xây dựng mô hình sản xuất hoa Tulip (Tulipa) chất lượng cao tại xã Đồng Thái, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng/ CN.** Nguyễn Văn Thùy, CN. Mai Thanh Tuấn; CN. Phạm Văn Mai; CN. Nguyễn Văn Hải; CN. Vũ Xuân Trường - Hải Phòng - UBND xã Đồng Thái, 2019 - 10/2018 - 03/2019. (Đề tài cấp Cơ sở)

Tiến hành chuẩn bị nhân lực, cơ sở vật chất, vật tư, trang thiết bị phục vụ dự án. Tiếp nhận công nghệ chuyển giao và đào tạo tập huấn hướng dẫn cán bộ kỹ thuật. Xây dựng và triển khai thực hiện mô hình. Đề xuất mô hình xử lý nhân hóa củ giống hoa Tulip; mô hình trồng và chăm sóc phòng trừ sâu bệnh, giải pháp quản lý và vận hành nhân rộng mô hình sản xuất hoa Tulip chất lượng cao phù hợp với điều kiện địa phương.

Số hồ sơ lưu: HPG.2019.008

75496. 10-2021. **Xây dựng mô hình sản xuất rau cải bắp an toàn theo hướng VietGAP tại xã An Hòa, huyện An Dương thành phố Hải Phòng/ CN.** Đỗ Văn Hùng, Nguyễn Thị Đan; Ngô Thị Huệ; Lưu Xuân Lược; Lưu Xuân Thôn - Hải Phòng - Hợp tác xã Nông nghiệp và Xây dựng An Hòa, 2019 - 10/2018 - 05/2019. (Đề tài cấp Cơ sở)

Xây dựng được mô hình sản xuất rau cải bắp an toàn theo hướng VietGAP tại xã An Hòa, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Đào tạo 05 cán bộ kỹ thuật và tập huấn 100 lượt người nắm vững các quy trình kỹ thuật về trồng và chăm sóc rau cải bắp an toàn theo hướng VietGAP.

Số hồ sơ lưu: HPG.2019.009

### **40103. Cây lương thực và cây thực phẩm**

73229. 10-2021. **Ứng dụng công nghệ sinh học để chọn tạo giống lúa năng suất cao, chất lượng tốt cho Hưng Yên và Đồng bằng Bắc Bộ/ GS. TS. Trần Trung, PGS. TS. Trần Trung; KS. Hoàng Thị Loan; ThS. Nguyễn Thị Thúy Anh; ThS. Nguyễn Thị Đông; ThS. Đỗ Trọng Hoàn; ThS. Hoàng Minh Đức; ThS. Nguyễn Mạnh Hà; CN. Nguyễn Thị Huệ; KS. Nguyễn Trường Khoa; CN. Nguyễn Thái Dương - Hưng Yên - Trường đại học sư phạm kỹ thuật Hưng yên, 2019 - 12/2012 - 12/2018. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Đánh giá các tập đoàn giống đặc sản/phổ biến hiện có ở vùng núi phía bắc và Đồng bằng sông Cửu Long để tạo vật liệu khởi đầu cho chọn tạo giống lúa năng suất cao, chất lượng

tốt. Nghiên cứu chọn tạo 1-2 dòng của giống Japonica - Nhật, trồng khảo nghiệm và nghiên cứu đánh giá đặc tính nông sinh học theo phả hệ để tạo thành dòng/giống có triển vọng cho Hưng Yên và đồng bằng Bắc Bộ. Sử dụng các kỹ thuật vật lý để gây đột biến đa dạng hóa nguồn gen từ tập đoàn công tác đã được chọn lọc, kết hợp kỹ thuật điện di proteins SDS-PAGE để nhận diện, tách các tiêng/dòng ưu tú. Nghiên cứu lai tạo, đột biến tạo dòng/giống mới theo hướng hàm lượng amylose trung bình, protein cao, năng suất cao thích ứng với Hưng Yên và Đồng bằng Bắc Bộ từ các dòng/giống ưu tú, bao gồm các dòng/giống trong nước, Japonica đã được chọn tạo. Khảo nghiệm cơ bản và sinh thái hẹp, kết hợp đánh giá các đặc tính nông sinh học các dòng/giống lúa ở một số vùng của Hưng Yên, Nam Định, Nghệ An, Hà Tĩnh để chọn lọc 1-2 giống cho khảo nghiệm quốc gia ở cấp độ sản xuất thử nghiệm; để chọn lọc 5-10 dòng có triển vọng cho Hưng Yên và đồng bằng Bắc Bộ.

Số hồ sơ lưu: 16033

75499. 10-2021. **Nghiên cứu hoàn thiện và xây dựng quy trình sản xuất lúa hữu cơ tại Hải Phòng/** ThS. Trần Minh Tiến, GS.TS. Phạm Tiến Dũng; ThS. Phạm Thị Mỹ; KS. Đào Mạnh Hùng; KS. Ngô Thị Nga; KS. Bùi Thị Họa; KS. Nguyễn Quang Trung; KS. Nguyễn Đức Lựu; ThS Vũ Thị Huyền Lan - Hải Phòng - Trung tâm khuyến nông Hải Phòng, 2019 - 06/2017 - 06/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu một số biện pháp kỹ thuật cho sản xuất lúa hữu cơ. Nghiên cứu và hoàn thiện quy trình sản xuất lúa hữu cơ, quy mô 0,5 ha/vụ (vụ mùa: tháng 7-10/2017; vụ xuân: tháng 2-5/2018), sử dụng giống lúa thuần J02. Xây dựng mô hình sản xuất lúa hữu cơ trên cơ sở quy trình đã thực nghiệm, quy mô 05 ha/vụ (vụ mùa: tháng 7- 10/2018; vụ xuân: tháng 2-5/2019), sử dụng giống lúa thuần J02.

Số hồ sơ lưu: HPG.2019.012

78632. 10-2021. **Phát hiện các QTLs liên quan đến độ mặn cảm với Jasmonic acid, ảnh hưởng đến sự sinh trưởng và khả năng chống chịu stress của cây lúa bằng phương pháp nghiên cứu liên kết toàn hệ gene/** TS. Tô Thị Mai Hương, TS. Vũ Thị Thu Hiền; PGS.TS. Trần Đăng Khánh; TS. Lê Thị Vân Anh; TS. Phùng Thị Phương Nhung; TS. Nguyễn Tràng Hiếu; Cử nhân. Kiều Thị Hạnh - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội, 2020 - 04/2017 - 04/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phát hiện sự đa dạng tự nhiên tồn tại trong các giống lúa bản địa Việt Nam về mức độ mặn cảm đối với JA nhằm phát hiện một số QTL quan trọng có liên quan đến sự nhạy cảm của cây lúa với hoocmon JA. Đánh giá sự tương quan giữa tính độ mặn cảm của các giống lúa này với JA và khả năng chống chịu stress của chúng. Đánh giá sự đáp ứng của cây lúa một cách cục bộ và hệ thống đối với stress mặn và khi bị tổn thương dùng các markers đặc hiệu liên quan đến độ mặn cảm với JA cũng như

phát triển cảm biến sinh học về tín hiệu JA trên cây lúa.

Số hồ sơ lưu: 18068

#### **40104. Cây rau, cây hoa và cây ăn quả**

75501. 10-2021. **Xây dựng mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong nhân giống hoa hồng, hoa lan Dendro và trồng hoa lan Dendro thương phẩm tại phường Minh Đức, quận Đồ Sơn/ CN. Bùi Đình Huy, Phạm Thị Như Út; Vũ Thị Vân Chi; Nguyễn Thị Lan; ThS. Bùi Đức Mạnh - Hải Phòng - UBND Phường Minh Đức, 2019 - 10/2018 - 07/2019. (Đề tài cấp Cơ sở)**

Xây dựng và triển khai thực nghiệm các mô hình: Mô hình nhân giống hoa hồng bằng phương pháp giâm cành trong nhà lưới; Mô hình nhân giống hoa lan Dendro bằng phương pháp giâm cành trong nhà lưới; Mô hình trồng và chăm sóc hoa lan Dendro thương phẩm trong nhà lưới. Tổng kết đánh giá kết quả của các mô hình.

Số hồ sơ lưu: HPG.2019.014

75508. 10-2021. **Xây dựng mô hình ứng dụng thiết bị cơ giới hóa trong sản xuất nuôi trồng nấm ăn trên địa bàn phường Đa Phúc, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng/ KS. Trần Văn Động, CN. Phạm Văn Quyết - Hải Phòng - UBND phường Đa Phúc, 2019 - 10/2018 - 06/2019. (Đề tài cấp Cơ sở)**

Xây dựng mô hình ứng dụng thiết bị cơ giới hóa trong sản xuất nuôi trồng nấm ăn trên địa bàn phường Đa Phúc, quận Dương Kinh,

thành phố Hải Phòng được thực trên quy trình sản xuất nấm thương phẩm đảm bảo tính khoa học, phù hợp với điều kiện thực tế.

Số hồ sơ lưu: HPG.2019.016

76968. 10-2021. **“Nghiên cứu tuyển chọn, phát triển cam sành không hạt và nâng cao năng suất, chất lượng cam Sành tại Hà Giang”/ PGS. TS. Nguyễn Quốc Hùng, - Hà Nội - Viện nghiên cứu rau quả, 2019 - - . (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Tuyển chọn và nhân nhanh được giống cam Sành không hạt hoặc ít hạt, tiềm năng năng suất cao, chất lượng tốt tại Hà Giang; Xây dựng mô hình khảo nghiệm các dòng/giống cam Sành ít hạt được nhân từ các giống cam Sành ít hạt đã tuyển chọn; Hoàn thiện quy trình kỹ thuật nhằm nâng cao năng suất, chất lượng cam sành tại Hà Giang.

Số hồ sơ lưu: HGG-002-2020

#### **40105. Cây công nghiệp và cây thuốc**

76841. 10-2021. **Nghiên cứu chọn tạo và đánh giá các dòng xoan ta chuyển gen sinh trưởng nhanh có triển vọng/ TS. Nguyễn Văn Phong, PGS. TS. Hà Văn Huân; ThS. Phạm Quang Chung; PGS. TS. Bùi Văn Thắng; PGS. TS. Hoàng Vũ Thơ; ThS. Nguyễn Thị Minh Hằng; ThS. Nguyễn Thị Thơ; ThS. Bùi Phương Thảo; PGS. TS. Chu Hoàng Hà; PGS. TS. Phạm Bích Ngọc - Hà Nội - Trường Đại học Lâm nghiệp, 2019 - 12/2014 - 12/2018. (Đề tài cấp Quốc gia)**



Nghiên cứu hoàn thiện được quy trình tạo giống xoan ta chuyển gen (gen GA20/ GS1) sinh trưởng nhanh, đạt hiệu quả chuyển gen cao; tạo được 2-3 giống (dòng) xoan ta chuyển gen (gen GA20/GS1) sinh trưởng nhanh hơn 25% so với dòng không chuyển gen; xây dựng được một mô hình trồng xoan ta chuyển gen sinh trưởng nhanh trong điều kiện hạn chế (cách ly vật lý); xây dựng bộ cơ sở dữ liệu sinh học phân tử về gen, cấu trúc gen phục vụ đánh giá an toàn sinh học cho các dòng xoan ta chuyển gen.

Số hồ sơ lưu: 17336

76954. 10-2021. **Xây dựng mô hình phát triển cây Xạ đen trên địa bàn tỉnh Hà Giang/** KS. Triệu Văn Vệ, Mai Tiến Bằng; Trần Thế Duy; Vũ Thị Anh Đào; Nguyễn Thị Hồng Hạnh - Hà Giang - Trung Tâm Thông Tin Và Chuyển Giao Công Nghệ Mới, 2019 - 10/2015 - 05/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng mô hình sản xuất, sơ chế, tiêu thụ sản phẩm cây xạ đen tại 2 huyện Quản Bạ và Vị Xuyên với quy mô 1ha. Hoàn thiện quy trình trồng, chăm sóc, thu hoạch và sơ chế cây xạ đen. Đánh giá chất lượng sản phẩm, hiệu quả dự án và đề xuất giải pháp để mở rộng phát triển cây xạ đen trên địa bàn tỉnh.

Số hồ sơ lưu: HGG-010-2020

78605. 10-2021. **Nghiên cứu khai thác sử dụng nguồn tài nguyên chè Shan ở Việt Nam/** TS. Đặng Văn Thư, TS. Trần Xuân Hoàng; ThS. Nguyễn Mạnh Hà; ThS. Đỗ Thị Việt Hà; ThS. Cao Hoàng; ThS. Phạm Thị

Như Trang; TS. Hoàng Thị Huệ; TS. Vũ Hồng Sơn - Phú Thọ - Viện Khoa học Kỹ thuật Nông lâm nghiệp miền núi phía Bắc, 2020 - 09/2017 - 03/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu khai thác sử dụng nguồn tài nguyên chè Shan ở Việt Nam, trong đó tập trung nghiên cứu xác định các chỉ tiêu hình thái, sinh hóa chè Shan núi cao; nghiên cứu, phân loại chè Shan núi cao ở Việt Nam bằng ứng dụng công nghệ sinh học; nghiên cứu tách chiết các hợp chất catechin thành phần và anthocyanin trong búp chè Shan núi cao. Nguồn tài nguyên chè Shan tập trung nghiên cứu chè Shan ở Tòa Chùa – Điện Biên, Suối Giàng – Yên Bái; Vị Xuyên – Hà Giang.

Số hồ sơ lưu: 18079

#### 402. Chăn nuôi

75340. 10-2021. **Xây dựng mô hình nuôi cá lóc (*Channa striata*) trong vèo kết hợp nuôi cá sặc rằn trong ao mương vườn tại phường Tân Phú, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ/** ThS. Nguyễn Thanh Hiệu, PGS.TS. Dương Nhật Long; PGS.TS. Lam Mỹ Lan; ThS. Nguyễn Tấn Phong; KS. Phạm Thị Cẩm Lài; KS. Lê Huỳnh Như; KS. Huỳnh Văn Út; KS. Nguyễn Thị Ánh Lê; KS. Lê Văn Chuộng; KS. Lê Văn Hảo - Trường Đại Học Cần Thơ, 2016 - - . (Đề tài cấp Cơ sở)

Tổ chức được một lớp kỹ thuật về nuôi thương phẩm cá lóc trong vèo và kỹ thuật nuôi cá sặc rằn trong mương vườn với hơn 30 học viên là nông dân, cán bộ trong phường, liên trạm Thủy sản, Phong Điền - Cái

Răng cùng tham gia. Ngoài ra, dự án còn tổ chức một buổi hội thảo đầu bờ nhằm trao đổi kỹ thuật, kinh nghiệm nuôi cá lóc trong vèo kết hợp nuôi cá sặc rằn trong ruộng vườn cho các hộ dân trong vùng. Xây dựng thành công mô hình nuôi cá lóc trong vèo kết hợp với nuôi cá sặc rằn tại phường Tân Phú, quận Cái Răng, Tp Cần Thơ với kết quả như sau: Một số yếu tố thủy lí hóa trong các ao thí nghiệm được theo dõi như nhiệt độ nước dao động từ 28,4 – 30 °C; pH từ 7 – 7,8; Độ trong từ 26,4 – 31,2 cm; DO dao động 3,5 – 4,4 mg/L; H<sub>2</sub>S từ 0,09 – 0,32 mg/L và N-NH<sub>4</sub><sup>+</sup> từ 0,04 - 0,16 mg/L. Kết quả về khối lượng của cá lóc lúc thu hoạch dao động 469 – 852 g/con và cá sặc rằn 65 – 92 g/con; tỉ lệ sống của cá lóc từ 61,8 – 81% và cá sặc rằn từ 38,5 – 66,3%; năng suất cá lóc đạt 42,2 - 68,3 kg/m<sup>2</sup> và cá sặc rằn từ 0,17 - 0,40 kg/m<sup>2</sup>. Hệ số chuyển hóa thức ăn của cá lóc nuôi trong vèo dao động 1,2 – 1,29. Mô hình nuôi cá lóc trong vèo kết hợp với nuôi cá sặc rằn trong ruộng vườn với tỉ lệ cá sặc rằn thả nuôi so với cá lóc là 1 : 1 con cho tăng trưởng về khối lượng của cá sặc tốt nhất. Hiệu quả lợi nhuận mang lại từ mô hình nuôi cá lóc trong vèo kết hợp với nuôi cá sặc rằn trong ruộng vườn dao động từ 5,9 – 13,5 triệu đồng/vụ/điểm. Tỉ suất lợi nhuận dao động 18,52 – 33,98%.

Số hồ sơ lưu: CTO-KQ2016-22/KQNC

75497. 10-2021. **Xây dựng mô hình ứng dụng chế phẩm vi sinh vật Probiotic bổ sung vào thức ăn chăn nuôi gà, ứng dụng chế phẩm sinh học Neo-Polymic xử lý môi trường**

**nước ao nuôi cá tại xã Đại Đồng, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng/ CN. Phạm Chiến Thắng, CN. Nguyễn Thị Luyện; CN. Lương Ngọc Khôi; Lương Đình Cửa; Phạm Văn Vượng - Hải Phòng - UBND xã Đại Đồng, 2019 - 10/2018 - 05/2019. (Đề tài cấp Cơ sở)**

Chuẩn bị cơ sở vật chất, trang thiết bị thực hiện dự án. Kết quả xây dựng và giải pháp hoàn thiện mô hình ứng dụng chế phẩm vi sinh vật Probiotic bổ sung vào thức ăn chăn nuôi gà. Kết quả xây dựng và giải pháp hoàn thiện mô hình ứng dụng chế phẩm sinh học Neo-polymic xử lý môi trường nuôi cá. Đánh giá hiệu quả xã hội của dự án và khả năng duy trì và nhân rộng của mô hình.

Số hồ sơ lưu: HPG.2019.010

**40202. Di truyền và nhân giống động vật nuôi**

78625. 10-2021. **Nghiên cứu nâng cao năng suất và sử dụng có hiệu quả nguồn gen lợn Cỏ và lợn Mẹo/ TS. Hoàng Thị Phi Phượng, TS. Phạm Sỹ Tiệp; TS. Hoàng Thị Phi Phượng; ThS. Phạm Duy Phẩm; ThS. Nguyễn Văn Trung; ThS. Phạm Hải Ninh; PGS.TS. Phùng Thăng Long; ThS. Ngô Mậu Dũng; ThS. Thái Khắc Thanh - Hà Nội - Viện Chăn nuôi, 2020 - 09/2017 - 08/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Để phát triển chăn nuôi có hiệu quả giống lợn Cỏ và lợn Mẹo, phát huy lợi thế so sánh của nguồn gen quý này, đòi hỏi phải có các nghiên cứu chọn lọc, nâng cao năng suất con giống, áp dụng các giải pháp công nghệ đồng bộ về dinh dưỡng, thức ăn,

chăm sóc, nuôi dưỡng, thú y phòng bệnh, xây dựng các mô hình liên kết chăn nuôi đàn nhân giống, đàn thương phẩm đến tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi. Từ yêu cầu của thực tế trên, nghiên cứu đã được tiến hành nhằm mục tiêu: Tạo được đàn hạt nhân lợn Cỏ và lợn Mẹo với quy mô mỗi giống 60 nái và 6 đực; Tạo được đàn nhân giống lợn Cỏ và lợn Mẹo với quy mô mỗi giống 150 nái và 20 đực, gồm 03-05 mô hình liên hộ (30-50 nái/mô hình); Xây dựng quy trình chọn đàn hạt nhân, quy trình chăn nuôi lợn Cỏ, lợn Mẹo sinh sản; Xây dựng đàn hạt nhân, đàn nhân giống lợn Cỏ và lợn Mẹo.

Số hồ sơ lưu: 18085

#### **40203. Thức ăn và dinh dưỡng cho động vật nuôi**

76787. 10-2021. **Sản xuất thử nghiệm premix khoáng, premix vitamin cho chăn nuôi/** TS. Vương Nam Trung, ThS. Phan Văn Sỹ; ThS. Phan Thị Tường Vi; ThS. Nguyễn Thị Yên; KS. Phạm Ngọc Thảo; KS. Đinh Quỳnh Liên; TS. Hoàng Tuấn Thành; TS. Nguyễn Hồng Nhiên; KS. Võ Văn Luận; KS. Trần Quốc Thắng; KS. Trần Thanh Tùng - Bình Dương - Viện Chăn nuôi, 2019 - 01/2016 - 06/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu hoàn thiện quy trình sản xuất premix: xác định mức bổ sung vitamin nhóm B thích hợp dựa trên nền khẩu phần có hàm lượng vitamin A; D; E, K theo khuyến cáo của đề tài đã nghiên cứu cho lợn, gà; xây dựng tiêu chuẩn cơ sở chất mang trong sản xuất premix khoáng, premix vitamin; ảnh hưởng của nhiệt

độ ép viên thức ăn tới tính ổn định của vitamin có trong premix; nghiên cứu bổ sung nhóm hoạt chất làm tăng tính ổn định các vitamin trong chế phẩm premix. Sản xuất thử sản phẩm premix: tiến hành sản xuất thử 5 tấn chế phẩm premix khoáng, premix vitamin để sử dụng vào trong các mô hình sản xuất trên lợn và gà. Sau đó sẽ rà soát và điều chỉnh quy trình sản xuất chế phẩm cho phù hợp với quy mô sản xuất công nghiệp. Xây dựng mô hình chăn nuôi lợn và gà sử dụng chế phẩm premix khoáng, premix vitamin của dự án.

Số hồ sơ lưu: 17329

#### **40204. Nuôi dưỡng động vật nuôi**

76955. 10-2021. **“Mở rộng dự án lai tạo và phát triển đàn ngựa huyện Quán Bạ, tỉnh Hà Giang”.**/ KS. Hoàng Thị Thom Hương, KS. Nguyễn Trung Thành; KS. Nguyễn Thị Thắm; CS. Hùng Văn Sinh; KT. Giàng Thìn Hầu - Hà Giang - Trạm Khuyến nông huyện Quán Bạ, 2019 - . (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Cải tạo nâng cao số lượng, chất lượng đàn ngựa trên địa bàn huyện Quán Bạ, góp phần phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Mô hình lai tạo ngựa đực giống 50% Cabardin với ngựa cái giống địa phương. Tạo ra 100 con ngựa lai 25% máu Cabardin thích nghi với điều kiện chăn nuôi trên địa bàn huyện. Nâng cao kỹ thuật chăn nuôi cho người dân.

Số hồ sơ lưu: HGG-009-2020

77969. 10-2021. **Nghiên cứu phát triển thức ăn chăn nuôi mùa đông cho đại gia súc trên địa bàn**

**tỉnh Hà Giang/** KS. Mai Thị Nhung,  
- Hà Giang - Trung tâm Giống cây  
trồng và Vật nuôi Phố Bảng Hà  
Giang, 2019 - 04/2018 - 08/2019. (Đề  
tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu phát triển thức ăn  
chăn nuôi mùa đông phục vụ chăn  
nuôi đại gia súc phục vụ chăn nuôi đại  
gia súc phục vụ Đề án phát triển nửa  
triệu con đại gia súc trên địa bàn tỉnh  
Hà Giang giai đoạn 2018-2020 tầm  
nhìn đến năm 2025. Chế biến dự trữ  
thức ăn tận dụng các phụ phẩm nông  
nghiệp gồm thân cây ngô, rơm rạ, lá  
mía và phụ phẩm khác bằng phương  
pháp kiềm hóa. Chế biến thức ăn từ  
rơm rạ khô bằng phương pháp xử lý  
u rê tại 4 huyện, mỗi huyện 4 tấn = 20  
tấn. Kết quả nghiên cứu chế biến thức  
ăn gia súc góp phần quan trọng cho  
các chương trình nghiên cứu bảo  
quản chế biến thức ăn có năng suất,  
chất lượng tốt phục vụ phát triển chăn  
nuôi hiệu quả, bền vững.

Số hồ sơ lưu: HGG-005-2020

#### **40299. Khoa học công nghệ chăn nuôi khác**

78578. 10-2021. **Đa dạng và  
phân bố của rết (Arthropoda,  
Chilopoda) ở Tây Bắc, Việt Nam/**  
PGS.TS. Trần Thị Thanh Bình,  
TS.Nguyễn Đức Anh; ThS.Nguyễn  
Đức Hùng; ThS.Lê Xuân Sơn;  
TS.Đặng Tất Thế - Hà Nội - Trường  
Đại học sư phạm Hà Nội, 2020 -  
04/2017 - 04/2020. (Đề tài cấp Quốc  
gia)

Nghiên cứu mức độ đa dạng loài  
rết ở khu vực Tây Bắc bao gồm: tìm  
hiểu đa dạng thành phần loài, đặc  
trưng phân loại học ở khu vực nghiên

cứu; phát hiện và công bố những  
đơn vị phân loại mới cho khoa học và  
cho khu hệ Việt Nam. Đánh giá đặc  
trưng về đa dạng và phân bố rết ở khu  
vực nghiên cứu, phân tích so sánh các  
chỉ số về đa dạng và phân bố. Từ đó  
làm rõ mức độ đa dạng loài và phân  
bố của rết ở khu vực Tây Bắc, Việt  
Nam.

Số hồ sơ lưu: 18067

#### **404. Lâm nghiệp**

77302. 10-2021. **Nghiên cứu  
chọn giống bạch đàn và keo phục  
vụ ngành công nghiệp giấy/** ThS.  
Hoàng Ngọc Hải, KS. Triệu Hoàng  
Sơn; ThS. Trần Hữu Chiến; ThS.Lê  
Thị Yến; ThS. Nguyễn Văn Chinh -  
Hà Nội - Viện nghiên cứu cây nguyên  
liệu giấy, 2019 - 01/2019 - 12/2019.  
(Đề tài cấp Bộ)

Theo dõi sinh trưởng và chất  
lượng rừng khảo nghiệm dòng vô tính  
bạch đàn và khảo nghiệm một số  
nguồn hạt giống keo tai tượng đã xây  
dựng Bắc Giang, Bình Dương và  
Quảng Trị. Xây dựng được 2,0 – 2,5  
ha rừng khảo nghiệm dòng vô tính  
bạch đàn và khảo nghiệm một số  
nguồn hạt keo tai tượng tại Quảng  
Trị. Theo dõi, đánh giá sinh trưởng,  
chất lượng rừng khảo nghiệm dòng  
vô tính Bạch đàn, rừng khảo nghiệm  
một số nguồn hạt giống Keo ở Bắc  
Giang (năm thứ 3); ở Bình Dương  
(năm thứ 2). Trồng mới 2,0 – 2,5 ha  
và đánh giá sinh trưởng, chất lượng  
khảo nghiệm 16 dòng vô tính Bạch  
đàn, rừng khảo nghiệm 5-6 nguồn hạt  
giống Keo tại Quảng Trị (năm thứ 1)

Số hồ sơ lưu: 17526

**40404. Sinh thái và môi trường rừng**

76953. 10-2021. Nghiên cứu phân tích bổ sung chỉ tiêu chất lượng sản phẩm chỉ dẫn địa lý cho mật ong bạc hà Cao nguyên đá Đông Văn, Hà Giang/ TS. Lê Quang Trung, Nguyễn Đức Tú; Trần Ngọc Hòa; Nguyễn Thọ Khiêm; Nguyễn Thị Thúy Hòa; Kim Bích Nguyệt; Cam Thị Hằng; Phan Ngọc Tiến; Phan Tiến Dũng; Trần Công Hà - Hà Giang - Viện An toàn Thực phẩm, 2019 - - . (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Qui trình đánh giá khả năng kháng khuẩn và chống ô xy hóa của MBH và qui trình ứng dụng chỉ thị chống ô xy hóa để truy xuất nguồn gốc MBH đạt trình độ công nghệ quốc tế vì những lý do sau: Qui trình từ thu mẫu đến thử nghiệm và phân tích áp dụng theo chuẩn quốc tế. Phương pháp và thiết bị hiện đại: phân tích chỉ tiêu chống ô xy hóa theo LC-MS/MS và chất kháng khuẩn bằng HPLC, các phương pháp và thiết bị phân tích các chất có hàm lượng thấp ở mức phần tỷ trong nền mẫu. Các phòng thử nghiệm thực hiện đề tài được công nhận ISO17025 do các tổ chức công nhận trong nước (VILAS) và quốc tế (A2LA). Phương pháp nghiên cứu của đề tài có thể áp dụng để đánh giá vai trò y học và truy xuất nguồn gốc các loại mật ong đặc sản khác ở nước ta. Các chỉ tiêu về khả năng kháng khuẩn và chống ô xy hóa của MBH không chỉ được đăng ký bổ sung vào Giấy chứng nhận Chỉ dẫn địa lý (CDDL) cho MBH mà còn là cơ sở dữ liệu để tham khảo trong nước và quốc tế.

Số hồ sơ lưu: HGG-007-2020

**40405. Giống cây rừng**

77305. 10-2021. Nghiên cứu, tuyển chọn và đề xuất giải pháp bảo tồn nguồn gen cây nguyên liệu giấy/ ThS. Phạm Văn Hải, KS. Phạm Văn Hưng; ThS. Phạm Đức Huy; ThS. Tạ Văn Thảo; KS. Nguyễn Văn Chinh - Hà Nội - Viện nghiên cứu cây nguyên liệu giấy, 2019 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Chọn 03 mẫu giống cây nguyên liệu giấy mới để bổ sung vào quỹ gen của Viện Nghiên cứu Cây nguyên liệu giấy. Xác định kỹ thuật lưu giữ an toàn cho 37 các nguồn gen xây dựng quy trình lưu giữ INVITRO cho 03 giống thu thập năm 2018. Đánh giá sơ bộ 03 mẫu giống mới, thu thập và đánh giá chi tiết 40 mẫu giống đã thu thập và bảo tồn. Bổ sung thông tin tư liệu của nguồn gen mới vào cơ sở dữ liệu nguồn gen cây nguyên liệu giấy. Bảo tồn an toàn, lâu dài nguồn gen có giá trị của cây nguyên liệu giấy hiện có và bổ sung nguồn gen mới phục vụ nhu cầu sản xuất giống mới có năng suất và chất lượng tốt đáp ứng yêu cầu nguyên liệu ngành giấy.

Số hồ sơ lưu: 17524

**405. Thủy sản****40503. Bệnh học thủy sản**

78512. 10-2021. Nghiên cứu tạo vật liệu ban đầu phục vụ chọn giống tôm thẻ chân trắng (*Litopenaeus vannamei*) kháng bệnh đốm trắng (WSSV)/ ThS. Nguyễn Hữu Hùng, PGS.TS. Nguyễn Huy Hoàng; ThS. Nguyễn Thị Hương; TS. Nguyễn Thị Kim Liên;

TS. Nguyễn Thị Thanh Ngân; PGS.TS. Võ Văn Nha; ThS. Võ Thị Ngọc Trâm; ThS. Nguyễn Ngọc Quỳnh; ThS. Đinh Công Trứ; ThS. Vũ Đình Tý - Khánh Hòa - Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản III, 2020 - 01/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu khả năng nhiễm bệnh đốm trắng (WSSV) ở tôm chân trắng nuôi trong điều kiện nhiệt độ và kích cỡ tôm khác nhau. Xác định mức độ cảm nhiễm bệnh đốm trắng trên tôm chân trắng trong điều kiện thí nghiệm và xác định các thông số di truyền (hệ số di truyền  $h^2$ , hiệu quả chọn lọc ước tính) liên quan đến tính trạng kháng bệnh đốm trắng. Xây dựng cơ sở dữ liệu các chỉ thị phân tử (SNP, SSR) liên quan đến tính trạng kháng bệnh đốm trắng.

Số hồ sơ lưu: 18034

78626. 10-2021. **Đánh giá tốc độ tăng trưởng, khả năng kháng bệnh hoại tử gan tụy cấp tính AHPND và chống chịu với nhiệt độ cao của tôm bạc thể *Penaeus merguensis* và tôm he Ấn Độ *Penaeus indicus***/ PGS.TS. Hoàng Tùng, TS. Bùi Thị Hồng Hạnh; ThS. Võ Thị Minh Thư; Cử nhân. Hồ Hải Cơ; ThS. Trịnh Thị Trúc Ly; ThS. Lê Nguyễn Thiên Phúc; ThS. Nguyễn Thị Ánh Tuyết; ThS. Nguyễn Thị Thủy - Hồ Chí Minh - Trường Đại học Quốc tế, 2020 - 08/2016 - 02/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá tốc độ tăng trưởng ở mật độ nuôi công nghiệp, khả năng kháng AHPND, khả năng chống chịu nhiệt độ cao, khả năng thành thực và

sinh sản trong điều kiện gia hóa của tôm thẻ Ấn Độ *Penaeus indicus*. Đánh giá tốc độ tăng trưởng ở mật độ nuôi công nghiệp, khả năng kháng AHPND, khả năng chống chịu nhiệt độ cao của tôm bạc thể *Penaeus merguensis*.

Số hồ sơ lưu: 18084

#### **40504. Nuôi trồng thủy sản**

73343. 10-2021. **Nghiên cứu giải mã sáng chế về cảm biến không dây để ứng dụng trong nuôi tôm nước lợ ở Việt Nam**/ TS. Phạm Ngọc Hiếu, ThS. Nguyễn Công Đức; ThS. Nguyễn Hồng Điệp; ThS. Trương Nguyệt Ánh; CN. Đỗ Phương Nhung; KS. Lê Duy Thọ; TS. Trần Quang Vinh; TS. Nguyễn Hữu Phát; TS. Trần Thanh Tùng; ThS. Đỗ Hoàng Anh Tuấn; ThS. Đỗ Thị Minh Thủy - Hà Nội - Viện Nghiên cứu sáng chế và khai thác công nghệ, 2019 - 01/2018 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu và thiết kế hệ thống cảm biến có khả năng hoạt động dưới nước thu thập dữ liệu về môi trường nước như nồng độ mặn, nồng độ oxy hòa tan, nhiệt độ, độ pH, nhờ đó hệ thống sẽ thông báo cho người nuôi để có hướng điều chỉnh tích cực môi trường thích hợp với đối tượng thủy sản cụ thể (tôm nước lợ). Xây dựng liên kết truyền thông giữa các cảm biến nhằm tăng phạm vi giám sát kiểm soát các thông số môi trường nước. Kết nối hệ thống với mạng Internet phục vụ cho việc giám sát khu vực theo dõi từ xa. Cảnh báo kịp thời khi có các dấu hiệu bất thường tại môi trường nước theo thời gian thực đến các số điện thoại đợc chỉ

định trước. Để đạt được các mục tiêu nêu trên, nhiều vấn đề có ý nghĩa khoa học cần được nghiên cứu như: vấn đề xử lý dữ liệu cảm biến, truyền thông ổn định trong các điều kiện thách thức; nghiên cứu về khả năng chịu đựng của cảm biến, linh kiện điện tử, các chip vi xử lý trong môi trường nuôi tôm. Nhóm nghiên cứu nhận thức được rằng việc thiết kế và triển khai hệ thống quản lý và giám sát nguồn nước trong nuôi tôm dựa trên cảm biến một cách hiệu quả đòi hỏi sự phối hợp của nhiều công nghệ và kỹ thuật tiên tiến.

Số hồ sơ lưu: 15833

74027. 10-2021. **Nghiên cứu metagenome của vi sinh vật trong các đầm nuôi tôm, góp phần tạo cơ sở khoa học để phát triển nghề nuôi tôm ở Việt Nam/ PGS. TS. Chu Hoàng Hà, TS. Nguyễn Trung Nam; PGS. TS. Phạm Bích Ngọc; PGS. TS. Lê Văn Sơn; TS. Lâm Đại Nhân; PGS. TS. Đặng Thị Hoàng Oanh; ThS. Trần Trung Thành; ThS. Lê Hoàng Đức; ThS. Lê Thu Ngọc; KS. Nguyễn Thị Thơm - Hà Nội - Viện Công nghệ Sinh học, 2019 - 11/2014 - 11/2018. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Xây dựng được cơ sở dữ liệu metagenome của vi sinh vật trong các đầm nuôi tôm. Xây dựng được mô hình liên quan giữa đa dạng vi sinh vật ở mức độ gen với năng suất, chất lượng tôm nuôi. Phát hiện được các tác nhân gây bệnh mới trên tôm nuôi đặc biệt là tác nhân không phân lập và nuôi cấy được.

Số hồ sơ lưu: 16307

78603. 10-2021. **Quan trắc, cảnh báo và giám sát môi trường vùng nuôi trồng thủy sản tại một số tỉnh trọng điểm khu vực Nam Trung Bộ năm 2019/ PGS.TS. Võ Văn Nha, ThS. Đặng Hoàng Giang San; ThS. Võ Thị Ngọc Trâm; ThS. Nguyễn Ngọc Anh; ThS. Nguyễn Thị Chi; ThS. Võ Văn Tân; Cử nhân. Tô Đông Tịnh - Khánh Hòa - Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản III, 2019 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)**

Đánh giá diễn biến chất lượng môi trường tại khu vực nguồn nước cấp vùng nuôi tôm nước lợ tập trung tại các tỉnh Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận; vùng nuôi tôm hùm tập trung tại Phú Yên, Khánh Hòa. Chủ động theo dõi, giám sát chất lượng nước trong ao nuôi và tình hình bệnh hoại tử gan tụy cấp (AHPND), bệnh đốm trắng (WSSD), bệnh còi (EHP) trên tôm nuôi nước lợ tại Bình Định. Đưa ra các cảnh báo, huyên cáo nhằm nâng cao chất lượng môi trường nước, biện pháp phòng trị bệnh kịp thời nhằm hạn chế sự lây lan dịch bệnh, hạn chế thấp nhất thiệt hại cho người nuôi; đồng thời phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo sản xuất bền vững của Tổng cục Thủy sản và cơ quan quản lý địa phương. Thiết lập cơ sở dữ liệu về môi trường từ trung ương đến địa phương phục vụ cho công tác chỉ đạo sản xuất bền vững cũng như công tác nghiên cứu.

Số hồ sơ lưu: 18082

78604. 10-2021. **Quan trắc, cảnh báo và giám sát môi trường vùng sản xuất giống, nuôi tôm nước lợ, nuôi tôm hùm và cá biển tại Phú**

**Yên/ PGS.TS. Võ Văn Nha, ThS. Đặng Hoàng Giang San; ThS. Võ Thị Ngọc Trâm; ThS. Nguyễn Ngọc Anh; ThS. Nguyễn Thị Chi; ThS. Võ Văn Tân; Cử nhân. Tô Đông Tịnh - Khánh Hòa - Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản III, 2019 - 06/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)**

Quan trắc, cảnh báo và giám sát môi trường nguồn nước cấp cho vùng sản xuất giống, nuôi tôm nước lợ thương phẩm ở xã Xuân Hải, Xuân Hòa thuộc thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên. Đánh giá hiện trạng chất lượng môi trường, xác định tình trạng ô nhiễm vùng nuôi và các mối nguy phát sinh dịch bệnh cho tôm, cá nuôi tại đầm Cù Mông, tỉnh Phú Yên

Số hồ sơ lưu: 18081

#### **406. Công nghệ sinh học trong nông nghiệp**

**75403. 10-2021. Ảnh hưởng của liều lượng phân lân (0, 40, 60 P2O5) và 3 liều lượng phân kali (0, 30, 60 K2O) trên nền phân đạm (90N) đến năng suất lúa trong vùng đê bao sản xuất lúa 3 vụ tại huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp./ ThS. Lê Văn Chân, KS. Đoàn Ngọc Tiềm; KS. Nguyễn Văn Hậu; KS. Lâm Chí Tâm; KS. Trang Duy Khánh - - Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Đồng Tháp, 2017 - 09/2016 - 12/2017. (Đề tài cấp Cơ sở)**

Tìm hiểu hiện trạng canh tác lúa trong vùng đê bao sản xuất 3 vụ mà chỉ sử dụng phân Urea; đồng thời xác định được khả năng cung cấp dinh dưỡng đa lượng từ đất, qua đó giúp cho ngành Nông nghiệp của tỉnh Đồng Tháp có được cơ sở khoa học

để khuyến cáo cho người trồng lúa áp dụng kỹ thuật bón phân một cách hiệu quả và bền vững.

Số hồ sơ lưu: DTP-2019-023

#### **40601. Công nghệ gen (cây trồng và động vật nuôi); nhân dòng vật nuôi;**

**78562. 10-2021. Bảo tồn nguồn gen cây rừng/ PGS.TS. Phí Hồng Hải, TS. Trần Văn Tiên; TS. Nguyễn Văn Thọ; ThS. Lê Phương Triều; ThS. Trịnh Văn Hiệu; PGS.TS. Trần Ngọc Hải; ThS. Phùng Văn Phê; TS. Trần Hữu Biền; TS. Nguyễn Đức Kiên; TS. Đỗ Hữu Sơn; KS. Ngô Văn Chính; ThS. Lưu Thế Trung; ThS. Bùi Văn Nam; ThS. Đỗ Văn Lập; ThS. Dương Minh Tường; KS. Dương Hồng Quân; KS. Lã Trường Giang; KS. Trần Thị Hạnh - Hà Nội - Viện Khoa học lâm nghiệp Việt nam, 2020 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)**

Điều tra khảo sát mở rộng và xác định khu phân bố cho thiết đình tại Hà Nội, Hải Phòng, Ninh Bình, Thanh Hóa, Nghệ An và gụ lau tại Quảng Ninh. Đánh giá đặc điểm lâm học cho thiết đình tại Hà Nội, Hải Phòng, Ninh Bình, Thanh Hóa, Nghệ An và gụ lau tại Quảng Ninh. Duy trì ngân hàng hạt giống và thu thập bổ sung 30-40 mẫu nguồn gen mới thiết đình và gụ lau. Nhân giống 3000-4000 cây con phục vụ cho xây dựng khu rừng trồng bảo tồn cho thiết đình và gụ lau. Nhân giống hữu tính cho thiết đình và bổ sung nhân giống vô tính cho đỗ quỳen lá nhọn. Đánh giá sinh trưởng 17,5ha rừng trồng bảo tồn nguồn gen đã xây dựng tại Lâm Đồng, Đồng Nai, Quảng trị, Phú Thọ cho các loài:



giáng hương quả to, gụ mật, chai lá cong, dầu song nạng, dầu đọt tím, bạch tùng, bách xanh, kiền kiền, giồi xanh, dầu đọt tím, thông 5 lá và uoi. Xây dựng mới 1,5ha rừng trồng bảo tồn sưa đỏ tại Đồng Nai, đồ quyên lá nhọn tại Lâm Đồng. Chăm sóc, bảo vệ và đánh giá sinh trưởng 2,5 ha rừng trồng bảo tồn các loài trúc vuông, trúc hóa long tại Cao Bằng, Cát sâm tại Vĩnh Phúc và trà hoa vàng tại Ninh Bình.

Số hồ sơ lưu: 18059

#### 499. Khoa học nông nghiệp khác

78606. 10-2021. **Nghiên cứu khám phá tính đa dạng khu hệ ếch nhái và bò sát ở hệ sinh thái núi đá vôi ít được biết đến của Quần thể danh thắng Tràng An, tỉnh Ninh Bình và Khu bảo tồn thiên nhiên Nam Động, tỉnh Thanh Hóa/ TS. Lưu Quang Vinh, PGS.TS. Đồng Thanh Hải; PGS.TS. Trần Hoàng Dũng; TS. Nguyễn Đắc Mạnh; ThS. Hoàng Thị Tươi; ThS. Phạm Thị Kim Dung - Hà Nội - Trường Đại học Lâm nghiệp, 2020 - 12/2017 - 11/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Ghi nhận phân bố mới các loài ếch nhái, bò sát ở 02 khu vực nghiên cứu. Trong nghiên cứu chúng tôi đã mô tả 03 loài mới cho khoa học bao gồm: 01 loài bò sát Rắn khuyết nam động (*Lycodon namdongensis*), 01 loài ếch Cóc mày nam động (*Leptobranchella namdongensis*) và 01 loài bò sát Rắn xe điều tràng an (*Achalinus tranganensis*). Xây dựng mối quan hệ di truyền nhóm Thần lằn chân ngón (*Cyrtodactylus*), nhóm Rắn khuyết (*Lycodon*), nhóm Cóc

mày (*Leptobranchella*), nhóm Rắn xe điều (*Achalinus*). Dựa trên phân tích giải trình tự của 127 mẫu cơ và gan.

Số hồ sơ lưu: 18080

#### 5. Khoa học xã hội

76927. 10-2021. **Xây dựng phương pháp và tiêu chí đánh giá viên chức trong các đơn vị sự nghiệp cung ứng dịch vụ công trên lĩnh vực kinh tế, kỹ thuật tại thành phố Đà Nẵng./ CN. Đặng Công Ngữ, ThS. Lê Hoàng Phúc; ThS. Võ Thị Thu Diễm; ThS. Trần Vũ Linh; ThS. Lê Phú Nguyễn - Hội Khoa học Hành chính, 2019 - 06/2018 - 07/2019. (Đề tài cấp Cơ sở)**

Đề tài nghiên cứu thực trạng đánh giá viên chức các đơn vị sự nghiệp thuộc lĩnh vực kinh tế, kỹ thuật tại thành phố Đà Nẵng. Đề xuất phương pháp và tiêu chí đánh giá viên chức các đơn vị sự nghiệp thuộc lĩnh vực khối kinh tế, kỹ thuật tại thành phố Đà Nẵng; mô hình ứng dụng công nghệ thông tin để triển khai phương pháp và tiêu chí đánh giá viên chức.

Số hồ sơ lưu: DNG-2019-CS110

#### 502. Kinh tế và kinh doanh

75172. 10-2021. **Hoàn thiện quy trình thanh tra tại chỗ đối với các tổ chức tín dụng trong nước tại Việt Nam/ ThS. Nguyễn Thị Phụng, Vũ Khánh Linh; Đỗ Thị Nhàn; Ngô Thị Hằng; Mai Khánh Dũng; Nguyễn Tuyết Nga; Hoàng Thị Hồng Yên; Nguyễn Huy Trang; Nguyễn Lan Hương; Lê Đức Khôi - Hà nội - Viện Chiến lược Ngân hàng, 2017 - 09/2016 - 12/2017. (Đề tài cấp Cơ sở)**

Cùng với sự phát triển ngày càng mạnh mẽ của hệ thống các TCTD trong nước, hoạt động thanh tra tại chỗ của NHNN ngày càng có nhiều đổi mới toàn diện cả về nội dung thanh tra, hình thức thanh tra và phương pháp thanh tra. Đến thời điểm hiện nay, NHNN đã ban hành Thông tư số 36/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 quy định về trình tự, thủ tục thanh tra chuyên ngành Ngân hàng (Thông tư số 36/2016/TT-NHNN) làm cơ sở giúp cho hoạt động thanh tra được tiến hành đồng nhất. Tuy nhiên các quy định của Thông tư này cũng như các quy định pháp luật hiện hành chỉ là các quy định chung nhất hướng dẫn các bước thực hiện trong việc tiến hành thanh tra. Trong khi đó thực tế triển khai công tác thanh tra còn một số vấn đề phát sinh chưa có cách thức xử lý thống nhất do đặc thù của lĩnh vực ngân hàng cũng như đặc thù của công tác thanh tra chuyên ngành ngân hàng. Do đó, Dự án khoa học cấp cơ sở Hoàn thiện quy trình thanh tra tại chỗ đối với các tổ chức tín dụng trong nước tại Việt Nam triển khai các nội dung nghiên cứu, gồm: Cơ sở lý luận về hoạt động thanh tra tại chỗ và kinh nghiệm quốc tế; Thực trạng quy trình thanh tra tại chỗ đối với các TCTD tại Việt Nam; Đề xuất giải pháp hoàn thiện quy trình thanh tra tại chỗ đối với các TCTD trong nước phù hợp với điều kiện hội nhập và phát triển kinh tế hiện nay.

Số hồ sơ lưu: NHN-2019-036

75839. 10-2021. **Marketing mối quan hệ (Relationship Marketing) và sự trung thành của**

**khách hàng đối với dịch vụ ngân hàng tại Việt Nam/** TS. Nguyễn Hoài Nam, PGS.TS. Phạm Thị Tuyết; TS. Nguyễn Văn Thủy; ThS. Trần Phương Thùy; ThS. Hoàng Phương Dung - Hà Nội - Học viện Ngân hàng, 2019 - 10/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu về các giải pháp ứng dụng Marketing mối quan hệ tại các ngân hàng thương mại. Nghiên cứu ảnh hưởng của hiệu quả Marketing mối quan hệ đến sự trung thành của các khách hàng tại các ngân hàng thương mại. Xây dựng thang đo đánh giá hiệu quả hoạt động Marketing mối quan hệ tại các ngân hàng thương mại. Xây dựng quy trình đánh giá hiệu quả hoạt động Marketing mối quan hệ tại các ngân hàng thương mại. Trên cơ sở đó, đề tài đề xuất giải pháp triển khai Marketing mối quan hệ nhằm duy trì sự trung thành của các khách hàng đối với dịch vụ ngân hàng tại các ngân hàng thương mại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: NHN-2020-002

75840. 10-2021. **Phản ứng tiền tệ của các nền kinh tế Đông Á đối với tác động tràn của CSTT Trung Quốc và hàm ý chính sách cho Việt Nam/** TS. Phạm Thị Tuyết Trinh, ThS. Lê Phan Ái Nhân; ThS. Võ Lê Linh Đan; ThS. Vũ Thị Hải Minh; ThS. Bùi Thị Thiện Mỹ; TS. Nguyễn Trần Phúc; PGS.; TS. Lê Phan Thị Diệu Thảo; TS. Nguyễn Thị Hồng Vinh - TP.HCM - Đại học Ngân hàng TP.HCM, 2019 - 08/2018 - 08/2019. (Đề tài cấp Bộ)

hân tích đặc điểm điều hành CSTT Trung Quốc, Đông Á và Việt Nam. Phân tích phản ứng tiền tệ của các nền kinh tế Đông Á với tác động tràn từ CSTT Trung Quốc. Phân tích kênh dẫn tác động tràn từ CSTT Trung Quốc đến các nước. Xác định nguyên nhân về đặc điểm kinh tế dẫn đến phản ứng tiền tệ khác nhau của các nền kinh tế với tác động tràn từ CSTT Trung Quốc. Khuyến nghị chính sách cho điều hành CSTT Đông Á nói chung và Việt Nam nói riêng nhằm tận dụng/ hạn chế tác động tràn từ CSTT Trung Quốc. Từ kết quả nghiên cứu, đề tài rút ra một số kết luận như: CSTT Trung Quốc còn ảnh hưởng đến các nền kinh tế Đông Á và Việt Nam nhưng ở mức độ khác nhau; kênh tỷ giá, tổng cầu và tài chính là ba kênh dẫn tác động tràn từ CSTT Trung Quốc sang Đông Á và Việt Nam, trong đó, tổng cầu là kênh có ảnh hưởng vượt trội... Đề xuất một số khuyến nghị về chính sách thận trọng vĩ mô, điều hành tỷ giá, chính sách trung và dài hạn.

Số hồ sơ lưu: NHN-2020-003

75841. 10-2021. **Định hướng hoàn thiện mô hình quản trị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam/** ThS. Lê Phương Lan, ThS. Đỗ Thị Bích Hồng; ThS. Nguyễn Thị Hương Thanh; ThS. Nguyễn Tuyết Dương; ThS. Dương Hải Chi; CN. Đặng Trần Hồng; CN. Vương Thị Thanh Hà; CN. Trần Cúc Phương; CN. Hà Thị Thu Hường - Hà nội - Viện Chiến lược Ngân hàng, 2020 - 10/2018 - 03/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở lý luận, kinh nghiệm quốc tế về NHTW và quản trị

NHTW.

Đánh giá thực trạng mô hình quản trị hoạt động của NHNN qua các khía cạnh như khuôn khổ thể chế; quản trị các chức năng chính của NHNN. Quản trị nội bộ NHNN; Các vấn đề trụ cột của quản trị NHTW như tính độc lập, trách nhiệm giải trình, tính minh bạch. từ đó rút ra các vấn đề về ưu nhược điểm, các mặt tồn tại và các vấn đề cần hoàn thiện. Phân tích bối cảnh và động lực cho việc đổi mới mô hình quản trị NHNN; đề xuất định hướng, giải pháp và lộ trình đổi mới mô hình quản trị NHNN đến năm 2025, định hướng 2030.

Số hồ sơ lưu: NHN-2020-004

75842. 10-2021. **Sử dụng dữ liệu thay thế (alternative data) trong việc chấm điểm tín dụng đối với khách hàng cá nhân tại các tổ chức tín dụng/** TS. Nguyễn Thị Hiền, CN. Nguyễn Thùy Linh; ThS. Nguyễn Thị Hương Mai; CN. Nguyễn Đình Đức; ThS. Phạm Hà Phương; ThS. Nguyễn Hà Phương; CN. Trần Cúc Phương; ThS. Nguyễn Thị Thanh Nhung; ThS. Nguyễn Nhật Tân - Hà nội - Viện Chiến lược Ngân hàng, 2019 - 10/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nhằm mục tiêu tổng kết cơ sở lý luận và thực tiễn về sử dụng dữ liệu thay thế (alternative data) trong chấm điểm tín dụng khách hàng cá nhân để đề xuất giải pháp áp dụng tại Việt Nam, đề tài đã tổng kết kinh nghiệm ở một số thị trường đặc trưng như Mỹ, Trung Quốc; Thực hiện khảo sát, đánh giá thực tiễn hoạt động sử dụng dữ liệu đầu vào cho chấm điểm tín dụng khách hàng cá nhân tại các

TCTD tại Việt Nam; Rà soát các khuôn khổ pháp luật hiện hành có liên quan và Đánh giá các cơ sở dữ liệu hiện có để xác định các nguồn dữ liệu có thể khai thác. Trên cơ sở đó, đề tài đề xuất một số giải pháp thúc đẩy việc sử dụng dữ liệu thay thế trong chấm điểm tín dụng cho khách hàng cá nhân tại các TCTD ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: NHN-2020-005

75843. 10-2021. **Tổng kết kinh nghiệm về kiểm toán nghiệp vụ thanh tra, giám sát tại NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố/** ThS. Lê Quốc Nghị, Trương Hồng Quang; ThS. Trần Phú Dũng; Phạm Mai Trang; ThS. Trần Thị Ngọc Tú; ThS. Lại Thị Hương; ThS. Nguyễn Hồng Phương - Hà nội - Viện Chiến lược Ngân hàng, 2019 - 07/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Cơ sở)

Nhằm mục tiêu đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động kiểm toán nội bộ (KTNB) các nghiệp vụ thanh tra, giám sát tại Ngân hàng Nhà nước (NHNN) chi nhánh tỉnh, thành phố, đề tài đã nghiên cứu thực trạng quy trình hoạt động kiểm toán nghiệp vụ thanh tra, giám sát tại NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố, tổng hợp tất cả các tồn tại liên quan đến công tác TTGSNH giai đoạn 2011-2019 và phân loại theo từng nội dung, minh họa thực tế trong từng bước thực hiện các hồ sơ, bằng chứng kiểm toán. Qua đó, đề tài đưa ra một số khuyến nghị về xây dựng chiến lược và chính sách trong quy trình thanh tra, xử lý vi phạm hành chính và giám sát hoạt động ngân hàng nhằm phù hợp với định hướng chung của NHNN trong từng giai đoạn cụ thể.

Số hồ sơ lưu: NHN-2020-006

**50201. Kinh tế học; Trắc lượng kinh tế học; Quan hệ sản xuất kinh doanh**

72758. 10-2021. **Phân tích định lượng sự thay đổi năng suất hiệu quả và đổi mới sáng tạo trong công nghiệp chế biến chế tạo Việt Nam giai đoạn 2005-2015 và kiến nghị chính sách/** Lương Văn Khôi, Trần Toàn Thắng; Đinh Thị Ninh Giang; Trần Thị Thu Hà; Phạm Thị Thu Trang; Lê Thị Ninh; Nguyễn Thị Hoàng Yên; Hạ Thị Thu Thủy; Đỗ An Giang - Hà Nội - Trung tâm Thông tin và Dự báo kinh tế - xã hội Quốc gia, 2018 - 03/2017 - 03/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Thực trạng năng suất trong các ngành công nghiệp chế biến chế tạo Việt Nam giai đoạn 2005-2-15. Tổng quan về cơ sở lý thuyết và ứng dụng mô hình IO để xác định các ngành công nghiệp chế biến chế tạo quan trọng có tác động lan tỏa kinh tế lớn của Việt Nam. Tổng quan về cơ sở lý thuyết. lựa chọn và ứng dụng mô hình định lượng để đo sự thay đổi năng suất nhân tố tổng hợp, hiệu quả và tiến bộ kỹ thuật trong các ngành công nghiệp chế biến chế tạo quan trọng của Việt Nam. Kiến nghị và chính sách

Số hồ sơ lưu: HNI 003/2018

73168. 10-2021. **Nghiên cứu đề xuất chính sách và giải pháp thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất kinh doanh lúa gạo ở đồng bằng sông Cửu Long/** TS. Nguyễn Trung Đông, TS. Nguyễn Thắng; TS. Nguyễn Thế Phong; PGS. TS. Lê Tấn

Bửu; ThS. Nguyễn Thị Huyền; ThS. Nguyễn Thị Đài Loan; ThS. Hà Thị Phương Thảo; ThS. Đinh Vũ Định; ThS. Khúc Hoàng Giang; ThS. Bùi Khánh Vân - TP. Hồ Chí Minh - Trường cán bộ quản lý nông nghiệp và phát triển nông thôn II, 2019 - 01/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng cơ sở lý luận và thực tiễn về chính sách và giải pháp thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất kinh doanh lúa gạo ở đồng bằng Sông Cửu Long. Phân tích thực trạng doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất kinh doanh lúa gạo ở đồng bằng Sông Cửu Long. Phân tích hiệu quả tác động của các chính sách và nhận thức của các doanh nghiệp đối với các chính sách thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất kinh doanh lúa gạo ở đồng bằng Sông Cửu Long. Đề xuất chính sách và giải pháp thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất kinh doanh lúa gạo ở đồng bằng Sông Cửu Long.

Số hồ sơ lưu: 16031

75156. 10-2021. **Đo lường rủi ro hệ thống khu vực tài chính của Việt Nam/** ThS. Nguyễn Huy Toàn, ThS. Nguyễn Thị Lan Chi; TS. Phạm Vũ Thăng Long; TS. Đào Thị Huyền Anh; Ths. Lê Hoài Việt. - Hà Nội - Viện Chiến lược Ngân hàng, 2019 - 11/2017 - 04/2019. (Đề tài cấp Cơ sở)

Nhằm mục tiêu nghiên cứu và lựa chọn áp dụng phương pháp đo lường rủi ro hệ thống khu vực tài chính, qua đó, thúc đẩy tiến trình xây dựng khuôn khổ an toàn vĩ mô tại Việt Nam, đề tài đã thực hiện các nội dung: Nghiên cứu, hệ thống hóa các

vấn đề liên quan đến rủi ro hệ thống và các phương pháp đo lường rủi ro hệ thống; Nghiên cứu thực tế môi trường hoạt động của khu vực tài chính Việt Nam, từ đó đề xuất phương thức đo lường rủi ro hệ thống làm cơ sở cho việc theo dõi, đánh giá một cách liên tục diễn biến tiềm ẩn khả năng gây bất ổn khu vực tài chính.

Số hồ sơ lưu: NHN-2019-054

75201. 10-2021. **Giải pháp phát triển bền vững các tổ chức tài chính vi mô tại Việt Nam/** PGS.TS Hạ Thị Thiệu Dao, PGS., TS. Nguyễn Thị Nhung; Ths. Trần Thị Bình An; TS. Nguyễn Phước Kinh Kha ; Ths. Nguyễn Nhi Quang; Ths. Nguyễn Trần Minh Hải ; Ths. Đặng Trí Dũng; Ths. Trần Thị Thanh Thụy; Ths. Huỳnh Thị Thanh Tuyền - TP.HCM - Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM, 2018 - 10/2016 - 01/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Tìm hiểu kinh nghiệm quốc tế trong việc phát triển bền vững các tổ chức tài chính vi mô (TCTCVM), nghiên cứu thực trạng hoạt động và nguồn vốn của các TCTCVM tại Việt Nam, nêu rõ những thành công, hạn chế và các nguyên nhân, làm rõ những vấn đề đặt ra đối với việc phát triển bền vững cho các TCTCVM trong giai đoạn 2016- 2020 để đề xuất giải pháp nhằm phát triển bền vững các TCTCVM phù hợp với điều kiện và đặc điểm của Việt Nam. Phân tích dữ liệu thông tin tài chính và khảo sát cho thấy nguồn vốn chiếm tỷ trọng lớn là nguồn ngoài nước. Tuy nhiên, nếu như thị trường trong nước khó tiếp cận do thông tin về TCVM còn

quá mới mẻ, nhiều người chưa quan tâm, thì nguồn vốn từ nước ngoài chủ yếu gặp khó khăn do vấn đề pháp lý, làm cho hoạt động của TCTCVM khó khăn trong việc mở rộng đối tượng tiếp cận do nguồn vốn hạn hẹp. Trên cơ sở phân tích kinh nghiệm quốc tế và thực trạng hoạt động của các TCTCVM tại Việt Nam, đề tài đưa ra hai nhóm nhằm phát triển bền vững các TCTCVM phù hợp với điều kiện và đặc điểm của Việt Nam, gồm: nhóm giải pháp đối với các bên có liên quan (bao gồm Chính phủ, chính quyền địa phương, NHNN và khách hàng của TCTCVM) và nhóm giải pháp đối với các TCTCVM.

Số hồ sơ lưu: NHN-2019-049

76769. 10-2021. **Nghiên cứu năng lực đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp tác động đến nâng cao năng suất, chất lượng - Áp dụng thí điểm cho doanh nghiệp nông nghiệp/** PGS. TS. Phan Tố Uyên, TS. Trần Thị Hồng Việt; TS. Nguyễn Hữu Xuyên; ThS. Nguyễn Hà Hưng; ThS. Phạm Thị Thu Thủy; TS. Nguyễn Quốc Duy; TS. Đào Thanh Tùng; ThS. Lê Thùy Dương; TS. Nguyễn Bích Ngọc; PGS. TS. Từ Quang Phương - Hà Nội - Trường Đại học kinh tế Quốc dân, 2020 - 01/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng được bộ tiêu chí và thang đo năng lực đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp và tác động của nó tới năng suất, chất lượng. Đào tạo và hướng dẫn 05 doanh nghiệp nông nghiệp áp dụng thí điểm bộ tiêu chí và thang đo năng lực đổi mới sáng tạo. Áp dụng bộ tiêu chí và thang đo năng lực đổi mới sáng tạo để đánh giá

tác động của năng lực đổi mới sáng tạo tới năng suất, chất lượng và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp nông nghiệp. Hỗ trợ, kết nối 03 doanh nghiệp nông nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng thông qua hoạt động đổi mới sáng tạo. Đề xuất được các giải pháp nâng cao năng suất, chất lượng của doanh nghiệp Việt Nam nói chung và doanh nghiệp nông nghiệp thông qua hoạt động đổi mới sáng tạo trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

Số hồ sơ lưu: 17317

77756. 10-2021. **Xây dựng khuôn khổ pháp lý cho việc triển khai Chuẩn mực an toàn vốn theo Basel II trong hệ thống ngân hàng tại Việt Nam/** Lê Trung Kiên, Lê Trung Kiên; Đoàn Thị Thương; Trần Thị Thu Hằng; Phan Hữu Việt; Bùi Văn Hải. - Hà Nội - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, 2019 - 04/2017 - 10/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nhằm đánh giá thực trạng hành lang pháp lý về các quy định an toàn vốn của Việt Nam, thách thức, khó khăn trong việc triển khai Basel II và định hướng về hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về an toàn phù hợp với các thông lệ quốc tế và Chuẩn mực an toàn vốn Basel II, đề tài ĐTNH.009/17 đã triển khai nghiên cứu các nội dung cụ thể, gồm: Các chuẩn mực an toàn vốn trong hoạt động ngân hàng của Basel và tổng quan các phân tích trong nước và quốc tế về kinh nghiệm triển khai áp dụng chuẩn mực an toàn vốn Basel II; Thực trạng quy định an toàn vốn và triển khai chuẩn mực an toàn vốn

Basel II tại Việt Nam và đề xuất giải pháp. Mô tả quá trình xây dựng và hoàn thiện các quy định về an toàn vốn từ năm 1990 đến nay; các nội dung công tác của NHNN nhằm triển khai Basel II trong ngành ngân hàng; quá trình triển khai Basel II của 10 ngân hàng thí điểm, thực hiện đánh giá chênh lệch giữa khả năng thực hiện của các ngân hàng với yêu cầu đặt ra tại Basel II và đề xuất các giải pháp thu hẹp các chênh lệch nêu trên. Đồng thời, đề tài cũng thực hiện đánh giá khuôn khổ pháp lý cho việc thực hiện quy định an toàn vốn theo phương pháp tiêu chuẩn và đánh giá các khó khăn, thách thức của các ngân hàng trong quá trình triển khai Basel

## II.

Trên cơ sở phân tích các cơ sở lý thuyết và thực tiễn, đề tài đưa ra 03 nhóm giải pháp hoàn thiện hành lang pháp lý về an toàn vốn phù hợp với Chuẩn mực an toàn vốn Basel II, gồm: hoàn thiện khuôn khổ pháp lý theo phương pháp tiêu chuẩn; hoàn thiện khuôn khổ pháp lý theo phương pháp nâng cao và nâng cao năng lực thanh tra, giám sát. Đồng thời, đề tài cũng đưa ra một số đề xuất giải pháp đối với các ngân hàng thương mại nhằm nâng cao năng lực quản trị, điều hành, năng lực tài chính, kiểm toán nội bộ, cơ sở dữ liệu và hạ tầng IT.

Số hồ sơ lưu: NHN-2020-009

78514. 10-2021. **Nhân rộng áp dụng hệ thống quản lý tích hợp và công cụ cải tiến năng suất chất lượng cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại khu vực miền bắc/** ThS. Phan Minh Hải, ThS. Trần Tuấn Anh; ThS. Lê Minh Tâm; KS. Đặng Kim

Lợi; CN. Nguyễn Hồng Vân; CN. Hoàng Đức Hiếu; ThS. Mai Thị Như Quỳnh; ThS. Đào Quốc Toàn; KS. Ngô Văn Long; KS. Đặng Đức Sơn; CN. Nguyễn Ngọc Duy - Hà Nội - Trung tâm Đào tạo Nghiệp vụ Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, 2020 - 01/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn cho 30 doanh nghiệp vừa và nhỏ tại miền Bắc cập nhật chuyển đổi hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015, đồng thời tích hợp với 01 hệ thống quản lý khác theo tiêu chuẩn (như là: ISO 14001:2015, ISO 22000:2005, HACCP, VietGap v.v...) và 01 công cụ cải tiến năng suất chất lượng (như là: 5S, TPM, công cụ thống kê cơ bản - 7 tools, cải tiến bố trí mặt bằng - work layout, MFCA, v.v...). Hướng dẫn nâng cao nhận thức, phát triển đội ngũ cán bộ năng suất chất lượng của doanh nghiệp.

Số hồ sơ lưu: 18038

### **50202. Kinh doanh và quản lý**

73173. 10-2021. **Nghiên cứu đề xuất giải pháp xây dựng tổ chức kiểm toán nội bộ trong đơn vị hành chính, sự nghiệp thuộc Bộ Công Thương/** ThS. Vũ Thị Minh Ngọc, CN. Đào Văn Anh; CN. Lê Thị Thanh Hương; ThS. Nguyễn Thị Kim Huyền; CN. Lê Thị Thu Thủy; ThS. Trần Thị Thanh Định; CN. Nguyễn Thị Phương Mai - Hà Nội - Vụ Tài chính và Đổi mới doanh nghiệp, 2018 - 01/2018 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Việc xây dựng tổ chức kiểm toán nội bộ bám sát chủ trương cải cách hành chính của Đảng, Nhà nước

và đặc biệt là của Bộ Công Thương trong giai đoạn hiện nay. Đảm bảo tiêu chí tiết kiệm, hiệu quả, bộ máy tinh gọn; Hướng tới tăng cường hiệu quả của kiểm soát nội bộ đã, đang và sẽ được thực hiện trong các đơn vị hành chính sự nghiệp thuộc Bộ Công Thương hiện nay. Từ việc thường xuyên kiểm tra, đánh giá các bộ phận trong các đơn vị thuộc Bộ đưa ra các kiến nghị nhằm hoàn thiện hệ thống kế toán, hệ thống kiểm soát trong các đơn vị. Song song với đó, tổ chức kiểm toán nội bộ được xây dựng còn nhằm mục tiêu đánh giá tính phù hợp, sự tuân thủ các chính sách, thủ tục, quy trình đã được thiết lập trong mỗi đơn vị một cách độc lập. Trên hết, tổ chức kiểm toán nội bộ được xây dựng còn nhằm xem xét các biện pháp, phương thức sử dụng, quản lý và bảo vệ tài sản công trong các đơn vị hành chính sự nghiệp thuộc Bộ Công Thương

Số hồ sơ lưu: 16027

75197. 10-2021. **Vai trò của tổ chức bảo hiểm tiền gửi trong quá trình tái cơ cấu tổ chức tín dụng yếu kém tại Việt Nam/** TS. Vũ Văn Long, Th.S Nguyễn Mai Thanh; TS. Nguyễn Thị Kim Oanh; Th.S Phan Thị Thanh Bình; Th.S Nguyễn Duy Hoàn; Th.S Hoàng Anh Tuấn; Th.S Đỗ Thị Hằng; Th.S Lê Hùng Cường; Th.S Nguyễn Đức Việt - Hà nội - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, 2018 - 10/2016 - 01/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu về vai trò của tổ chức bảo hiểm tiền gửi (BHTG) trong quá trình tái cơ cấu TCTD yếu kém, cụ thể: Xác định cơ sở lý luận về vai trò của

tổ chức BHTG trong quá trình tái cơ cấu TCTD yếu kém; Nghiên cứu kinh nghiệm và thông lệ quốc tế về vai trò của tổ chức BHTG trong quá trình tái cơ cấu TCTD yếu kém; Đánh giá thực tiễn hoạt động tái cơ cấu TCTD yếu kém tại Việt Nam giai đoạn 2005 – 2015; Đề xuất phương án tái cơ cấu đối với các TCTD yếu kém tại Việt Nam và vai trò cụ thể của BHTGVN nhằm giảm thiểu rủi ro hệ thống, nâng cao niềm tin công chúng vào hệ thống ngân hàng Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: NHN-2019-045

75198. 10-2021. **Đánh giá tác động của viện trợ phát triển đến tăng trưởng kinh tế: trường hợp Việt Nam/** TS. Đặng Văn Dân, ThS. Nguyễn Trung Hiếu; PGS.TS. Lê Thị Tuyết Hoa; PGS.TS. Nguyễn Khắc Quốc Bảo; TS. Phạm Anh Thủy; TS. Nguyễn Thế Bình; ThS. Lê Thị Chúc Ly : ThS. Vũ Đức Bình - TP.HCM - Đại học Ngân hàng TP.HCM, 2017 - 10/2016 - 06/2017. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu nhằm làm rõ tác động của viện trợ phát triển đến tăng trưởng kinh tế của Việt Nam giai đoạn 1993-2015, từ đó đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng viện trợ phát triển góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam. Hệ thống hóa cơ sở lý luận về mối quan hệ giữa viện trợ phát triển và tăng trưởng kinh tế. Phân tích thực trạng viện trợ phát triển tại Việt Nam, từ đó chỉ ra những tồn tại, hạn chế trong thu hút, quản lý và sử dụng viện trợ phát triển tại Việt Nam. Đánh giá thực trạng tác động của viện trợ phát triển đến tăng trưởng kinh tế của Việt Nam. Đề xuất



các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thu hút, quản lý và sử dụng viện trợ phát triển góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: NHN-2019-046

75199. 10-2021. **Mối quan hệ giữa chính sách tài khóa và chính sách an toàn vĩ mô trong việc ổn định tài chính tại Việt Nam/** PGS.TSKH Nguyễn Ngọc Thạch, Ths. Trần Thị Kim Oanh; PGS. TS. Lý Hoàng Ánh; Ths. Phạm Tiên Phong; Ths. Đoàn Võ Việt; Ths. Lâm Thị Kim Liên; Ths. Trần Thị Bình An; Ths. Đặng Trí Dũng; Ths. Nguyễn Trung Hậu; Ths. Huỳnh Ngọc Chương - TP.HCM - Đại học Ngân hàng thành phố Hồ Chí Minh, 2018 - 10/2016 - 02/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa cơ sở lý luận về CSTK (fiscal policy), CSATVM (macro-prudential policy), sự ổn định tài chính (financial stability); Làm rõ sự cần thiết, các kênh tác động và nguyên tắc phối hợp (mục tiêu, bộ máy cơ quan vận hành, công cụ,...) giữa CSATVM và CSTK hướng tới mục tiêu ổn định tài chính; Phân tích kinh nghiệm phối hợp hai chính sách này trong việc ổn định tài chính tại một số nước trên thế giới và tổng kết, rút ra bài học cho Việt Nam. Xây dựng các chỉ tiêu đo lường và phân tích, đánh giá thực trạng ổn định tài chính tại Việt Nam; Phân tích, đánh giá thực trạng điều hành CSATVM và CSTK tại Việt Nam; Nghiên cứu tác động của CSTK và CSATVM đến ổn định tài chính tại Việt Nam; mối quan hệ cũng như sự phối hợp CSTK và CSATVM trong việc thực hiện

mục tiêu ổn định tài chính tại Việt Nam; Phân tích, đánh giá những thành công, hạn chế và nguyên nhân của các hạn chế trong phối hợp CSTK và CSATVM trong việc ổn định tài chính tại Việt Nam. Phân tích các chiến lược, chính sách phát triển của Chính phủ, đặc biệt Chiến lược tài chính Việt Nam đến năm 2020, Chiến lược phát triển hệ thống ngân hàng Việt Nam đến năm 2030 là mục tiêu phát triển ổn định hệ thống tài chính để làm nền tảng cho các nhóm giải pháp; Căn cứ trên nguyên nhân của các hạn chế được phân tích ở mục tiêu thực tiễn, đề tài đưa ra các gợi ý chính sách và giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả phối hợp CSTK và CSATVM hướng đến đảm bảo sự ổn định tài chính tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: NHN-2019-047

75200. 10-2021. **Xây dựng và quản lý tập đoàn tài chính ở Việt Nam/** TS. Ngô Văn Tuấn, PGS., TS. Nguyễn Thị Nhung; TS. Bùi Quang Tín TS. Nguyễn Văn Phúc TS. Nguyễn Chí Đức Ths. Nguyễn Kiên Bích Tuyên Ths. Hà Tú Anh Ths. Nguyễn Xuân Hiệp Ths. Nguyễn Trung Hậu Ths. Ngô Tuấn Dũng - TP.HCM - Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM, 2018 - 10/2016 - 01/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ cơ sở lý luận về tập đoàn tài chính, đặc điểm, vai trò của tập đoàn tài chính; Nêu quan điểm và yếu tố tác động đến việc phát triển tập đoàn tài chính. Mô hình hoạt động và kinh nghiệm quốc tế trong việc phát triển tập đoàn tài chính. Phân tích đánh giá thực trạng hình thành và phát triển các tập đoàn tài chính ở

Việt Nam. Phân tích thực trạng khung pháp lý và các điều kiện ảnh hưởng đến việc phát triển các tập đoàn tài chính. Phân tích, đánh giá những hạn chế và nguyên nhân hạn chế trong việc phát triển tập đoàn tài chính Việt Nam. Dựa trên cơ sở lý luận và mô hình hoạt động của tập đoàn tài chính, qua phân tích thực trạng và kinh nghiệm từ các nước đề xuất mô hình, công cụ giám sát và giải pháp xây dựng, quản lý tập đoàn tài chính ở góc độ pháp lý.

Số hồ sơ lưu: NHN-2019-048

75202. 10-2021. **Xây dựng và ứng dụng Chỉ số căng thẳng tài chính cho Việt Nam/** TS. Nguyễn Chí Đức, Hồ Thúy Ái; Lê Công Hội; Diệp Gia Luật; Trần Dục Thức - TP.HCM - Đại học Ngân hàng TP.HCM, 2018 - 10/2016 - 01/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về FSI và ứng dụng FSI trên thế giới: mô tả chi tiết kinh nghiệm xây dựng và áp dụng FSI tại một số quốc gia trên thế giới; Phương pháp xây dựng FSI cho Việt Nam: lựa chọn các biến số phù hợp với điều kiện thực tế tại Việt Nam để tính toán chỉ số FSI; áp dụng các phương pháp tính chỉ số khác nhau để có được chỉ số tối ưu (đo lường và dự báo tốt nhất cho căng thẳng/khủng hoảng tài chính); Ứng dụng FSI tại Việt Nam: phân tích khả năng ứng dụng FSI trong việc đánh giá sức khỏe của hệ thống tài chính; đề xuất hướng sử dụng FSI trong quản lý hệ thống tài chính tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: NHN-2019-050

75204. 10-2021. **Phát triển thị trường mua bán nợ tại Việt Nam/** PGS.TS Nguyễn Thị Loan, Ths. MAI HỒNG CHI; Ths. Nguyễn Văn Dũng; PGS, TS. Lê Thị Tuyết Hoa; PGS, TS. Trịnh Quốc Trung; TS. Nguyễn Hùng Tiến; Ths. Nguyễn Hồ Hoàng Vũ; TS. Trần Quốc Thịnh; TS. Nguyễn Thị Mai Hương; Ths. Đinh Văn Thịnh - TP.HCM - Đại học Ngân hàng TP.HCM, 2018 - 10/2016 - 02/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Đề tài nghiên cứu nhằm xuất giải pháp về pháp lý và kỹ thuật để đẩy mạnh mua bán nợ tại TCTD Việt Nam (nợ bình thường và nợ xấu của các NHTM Việt Nam và nợ do VAMC quản lý). Các nội dung cụ thể, gồm: Kinh nghiệm phát triển thị trường mua bán nợ tại một số quốc gia, môi trường pháp lý và kỹ thuật để hình thành và phát triển thị trường mua bán nợ minh bạch, thông suốt; Nghiên cứu và đánh giá thực tiễn về kỹ thuật, các quy định pháp luật có liên quan đến hoạt động mua bán nợ tại TCTD Việt Nam; Khuyến nghị các giải pháp về pháp lý và kỹ thuật nhằm đẩy mạnh mua bán nợ tại TCTD Việt Nam trong thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: NHN-2019-051

75205. 10-2021. **Hoàn thiện chế độ đãi ngộ người lao động phù hợp với hoạt động nghiệp vụ đặc thù của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam/** TS. Phạm Quốc Khánh, TS. Phạm Thị Hồng Vân; Thạc sĩ Lê Thu Hạnh; Thạc sĩ Nguyễn Văn Thủy; Thạc sĩ Đặng Huy Cường; Thạc sĩ Bùi Thị Thu Hoài; Cử nhân Nguyễn Thị Hải - Hà Nội - Học viện Ngân

hàng, 2018 - 10/2016 - 02/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Đề xuất các giải pháp và lộ trình cụ thể, có hệ thống, phù hợp nhằm hoàn thiện chế độ đãi ngộ đối với cán bộ công chức thực hiện hoạt động nghiệp vụ đặc thù tại NHNNVN giai đoạn 2016-2020, từ đó góp phần nâng cao hiệu quả làm việc của đội ngũ cán bộ công chức, hỗ trợ thực hiện thành công nhiệm vụ quan trọng của NHNNVN. Đề xuất các hoạt động nghiệp vụ đặc thù tại NHNNVN theo quy định hiện hành và yêu cầu nhiệm vụ: Khái niệm, tiêu chuẩn và tiêu chí phân loại/ xác định các hoạt động nghiệp vụ đặc thù, danh sách các công việc thuộc hoạt động nghiệp vụ đặc thù tại NHNNVN. Đánh giá thực trạng các yếu tố quyết định (và mức độ ảnh hưởng của từng yếu tố) đến động lực lao động của cán bộ công chức thực hiện các hoạt động nghiệp vụ đặc thù tại NHNNVN (giai đoạn 2011-2015). Đề xuất hoàn thiện khung chế độ đãi ngộ phù hợp với cán bộ công chức thực hiện những hoạt động nghiệp vụ đặc thù tại NHNNVN giai đoạn 2016-2020 định hướng đến 2025. Đề xuất giải pháp, lộ trình cụ thể để thực hiện chế độ đãi ngộ đối với cán bộ công chức thực hiện hoạt động nghiệp vụ đặc thù tại NHNNVN giai đoạn 2016-2020.

Số hồ sơ lưu: NHN-2019-052

75207. 10-2021. **Xây dựng hệ thống thông tin quản trị chiến lược dựa trên phương pháp thể điểm cân bằng của ngân hàng thương mại – nghiên cứu áp dụng tại NHTMCP Công thương Việt Nam/** TS. Phan Thanh Đức, ThS. Chu Văn

Huy; ThS. Trần Thị Huế; ThS. An Phương Điệp; ThS. Mai Tấn Tài; ThS. Trần Hồng Thắng; ThS. Nguyễn Tuấn Cường; TS. Nguyễn Văn Thủy; CN. Nguyễn Thanh Tùng; ThS. Đỗ Việt Hà - Hà Nội - Học viện Ngân hàng, 2018 - 10/2016 - 02/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu nhằm đề xuất một kiến trúc tổng thể, mô phỏng một Hệ thống thông tin quản trị chiến lược nhằm hỗ trợ các NHTM đánh giá tính hợp lý, theo dõi và điều hành hoạt động kinh doanh dựa trên các chỉ tiêu KPI, mối quan hệ giữa các KPI được thiết lập thông qua phương pháp Dematel. Trong nhiệm vụ này, nhóm thực hiện hướng tới việc xây dựng một mô hình thực nghiệm HTTT quản trị chiến lược (*Strategic Management Information System - SMIS*) để mô phỏng quá trình theo dõi, đánh giá và điều chỉnh việc thực hiện chiến lược tại một NHTM. Các chức năng của hệ thống được xây dựng dựa trên những mô hình tính toán có độ tin cậy cao, và đưa ra những số liệu có căn cứ để thực hiện việc điều chỉnh chiến lược.

Số hồ sơ lưu: NHN-2019-053

75838. 10-2021. **Cơ chế hợp tác, chia sẻ thông tin giữa Cơ quan thanh tra, giám sát - NHNN Việt Nam với các đơn vị có liên quan trong giám sát hoạt động của các TCTD – Thực trạng và giải pháp/** ThS. Nguyễn Thị Hòa, ThS. Trần Ngọc Toàn; ThS. Đỗ Thị Bích Hồng; ThS. Nguyễn Thị Thanh Hằng; ThS. Đào Thanh Thủy Giang; ThS. Nguyễn Khánh Duyên; ThS. Nguyễn Thị Thanh Tâm; ThS. Nguyễn Trung

Kiên; ThS. Nguyễn Vũ Phương; ThS. Nguyễn Hồng Tân; CN. Nguyễn Đức Anh - Hà Nội - Viện Chiến lược Ngân hàng, 2019 - 10/2018 - 08/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Xuất phát từ tính cấp thiết phải có một nghiên cứu nhằm đánh giá toàn diện cơ chế phối hợp, chia sẻ thông tin giữa NHNN và các cơ quan trong hệ thống giám sát tài chính, Dự án DANH.003/18 đã nghiên cứu các vấn đề: Lý luận chung về cơ chế phối hợp, chia sẻ thông tin giữa các cơ quan trong hệ thống giám sát tài chính, bao gồm: khái niệm; vai trò; các nội dung phối hợp, chia sẻ thông tin; các mô hình giám sát tài chính trên thế giới; vai trò, vị trí của các cơ quan trong hệ thống giám sát tài chính. Từ đó rút ra một số bài học kinh nghiệm cho Việt Nam. Thực trạng cơ chế phối hợp, chia sẻ thông tin giữa các cơ quan trong hệ thống giám sát tài chính Việt Nam, bao gồm Cơ quan Thanh tra giám sát ngân hàng (thuộc NHNN); Ủy ban Chứng khoán nhà nước và Cục quản lý, giám sát bảo hiểm (thuộc Bộ Tài chính); Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia; Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam. Giải pháp hoàn thiện cơ chế phối hợp, chia sẻ thông tin giữa NHNN (Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng) và các cơ quan trong hệ thống giám sát tài chính

Số hồ sơ lưu: NHN-2020-001

76387. 10-2021. **Nghiên cứu đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác cổ phần hóa doanh nghiệp của Bộ Công Thương/** ThS. Trần Diệu Oanh, CN. Phạm Thị Bích Hương; ThS. Nguyễn

Tiến Giang; CN. Lê Thị Thu Thủy; CN. Vũ Thị Phương Nga; ThS. Phạm Hà Anh; ThS. Tăng Văn Quân; ThS. Hồ Khánh Duy; CN. Phạm Công Quý - Hà Nội - Vụ Tài chính và Đổi mới doanh nghiệp, 2018 - 01/2018 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu quy định về nâng cao chất lượng và trách nhiệm của tổ chức tư vấn trong việc xác định giá trị vốn, tài sản nhà nước tại doanh nghiệp để cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước, quy định cụ thể việc xử lý đất đai có lợi thế thương mại cao khi cổ phần hóa, bổ sung tiêu chí gắn với trách nhiệm và chế tài bảo đảm thực hiện cam kết đối với cổ đông chiến lược.

Số hồ sơ lưu: 17058

77673. 10-2021. **Phát triển hoạt động cho vay theo chuỗi giá trị đối với các sản phẩm nông nghiệp chủ yếu của Việt Nam/** ThS. Trần Văn Tàn, ThS. Phạm Thị Thanh Tùng; ThS. Trần Thị Lan Anh; ThS. Trần Lê Hoàng An; CN. Trần Thị Minh Nhật; ThS. Trần Anh Quý; ThS. Phạm Toàn Vượng; ThS. Nguyễn Văn Sơn; CN. Nguyễn Văn Bách; ThS. Đặng Hoài Linh; TS. Trần Gia Long. - Hà Nội - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, 2020 - 12/2017 - 03/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nhằm mục tiêu đề xuất các giải pháp và đưa ra một số khuyến nghị chính sách phát triển các sản phẩm tín dụng trong hoạt động cho vay theo chuỗi giá trị đối với các sản phẩm nông nghiệp tại các TCTD, đề tài đã triển khai các nội dung cụ thể sau: Nghiên cứu cơ sở lý luận về

chuỗi giá trị nông sản và hoạt động cho vay theo chuỗi giá trị đối với các sản phẩm nông nghiệp; Nghiên cứu các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng nhằm phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động cho chuỗi giá trị nông sản đã được áp dụng tại một số nước trên thế giới; Phân tích đặc điểm và thực tiễn triển khai hoạt động cho vay theo chuỗi giá trị nông sản của các tổ chức tín dụng tại Việt Nam; Đề xuất các giải pháp và đưa ra một số khuyến nghị nhằm phát triển hoạt động cho vay theo chuỗi giá trị đối với các sản phẩm nông nghiệp chủ yếu tại các TCTD Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: NHN-2020-008

### 503. Khoa học giáo dục

#### 50301. Khoa học giáo dục học nói chung, bao gồm cả đào tạo, sư phạm học, lý luận giáo dục,..

74146. 10-2021. **Công tác tài năng trẻ của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh - Thực trạng và Giải pháp/** TS. Kiều Văn Hưng, TS. Nguyễn Mạnh Cường; TS. Nguyễn Đắc Hưng; PGS. TS. Đỗ Minh Cường; Cử nhân. Nguyễn Đức Hồng; ThS. Cao Hồng Hưng; TS. Tống Mạnh Hùng; ThS. Lê Thị Hải Linh - Hà Nội - Trung tâm phát triển khoa học, công nghệ và tài năng trẻ, 2017 - 03/2017 - 12/2017. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá thực trạng công tác tài năng trẻ của Đoàn trong thời gian qua và đề xuất các giải pháp đẩy mạnh công tác tài năng trẻ của Đoàn trong thời gian tới là vấn đề thực sự cần thiết trên phương diện lý luận cũng như thực tiễn của tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;

đồng thời qua đó đề xuất, kiến nghị với Đảng, Nhà nước các vấn đề liên quan tới phát triển đội ngũ tài năng trẻ Việt Nam phục vụ sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước.

Số hồ sơ lưu: 16331

75142. 10-2021. **Cơ sở lý luận và thực tiễn đào tạo nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu nhân lực logistics/** TS. Nguyễn Thị Hằng, TS. Bùi Văn Hưng; TS. Nguyễn Quang Việt; ThS. Trần Việt Phú; ThS. Lê Thị Hồng Minh; ThS. Nguyễn Thị Hồng Sâm - TP. Hồ Chí Minh - Trường Cao đẳng kỹ nghệ II, 2018 - 01/2018 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Logistics có vai trò quan trọng trong việc phát triển kinh tế - xã hội của một quốc gia, nếu chúng ta làm tốt, phát triển lĩnh vực logistics đúng hướng thì sẽ giảm chi phí cho các doanh nghiệp, tạo được sự cạnh tranh hàng hóa của doanh nghiệp trên thị trường trong nước và quốc tế. Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và đánh giá thực trạng, đề tài đề xuất một số giải pháp đào tạo nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu nhân lực logistics ở Việt Nam đến năm 2025

Số hồ sơ lưu: 16687

78508. 10-2021. **Mô hình phát triển thể thao ngoại khóa cho học sinh phổ thông, sinh viên tại nơi cư trú/** TS. Cao Hoàng Anh, TS. Đinh Thị Mai Anh; TS. Nguyễn Tấn Dũng; ThS. Lê Cảnh Khôi; TS. Đàm Trung Kiên; TS. Trần Trung; ThS. Nguyễn Ngọc Điệp; TS. Đào Trọng Kiên; ThS. Phạm Ngọc Hải - Bắc Ninh - Trường Đại học Thể dục thể thao

Bắc Ninh, 2020 - 01/2018 - 12/2019.  
(Đề tài cấp Bộ)

Cơ sở khoa học xây dựng mô hình phát triển hoạt động thể dục thể thao ngoại khóa cho học sinh phổ thông, sinh viên tại nơi cư trú. Đánh giá thực trạng mô hình hoạt động thể dục thể thao ngoại khóa cho học sinh phổ thông, sinh viên tại nơi cư trú. Xây dựng và kiểm chứng mô hình phát triển thể dục thể thao ngoại khóa cho học sinh phổ thông, sinh viên tại nơi cư trú. Đề xuất giải pháp triển khai mô hình phát triển thể thao ngoại khóa cho học sinh phổ thông, sinh viên tại nơi cư trú theo hình thức câu lạc bộ thể dục thể thao liên kết.

Số hồ sơ lưu: 18037

## 504. Xã hội học

### 50401. Xã hội học nói chung

78536. 10-2021. **Tác động của cách mạng công nghiệp lần thứ tư tới lao động - việc làm trong ngành nông nghiệp/** ThS. Nguyễn Huyền Lê, ThS. Trần Thị Diệu; TS. Trương Thị Thu Trang; TS. Chử Thị Lân; ThS. Dương Thị Hương; ThS. Trần Thị Hoan - Hà Nội - Viện Khoa học Lao động và Xã hội, 2020 - 01/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan cơ sở lý luận và thực tiễn về tác động cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến lao động, việc làm trong ngành nông nghiệp có ứng dụng công nghệ cao. Đánh giá tác động của cách mạng công nghiệp lần thứ tư tới lao động, việc làm trong ngành nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao ở Việt Nam. Đề xuất giải pháp chính sách về thị trường lao

động hỗ trợ ngành nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thích ứng với cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Số hồ sơ lưu: 18049

78805. 10-2021. **Nghiên cứu lý luận và thực tiễn để phát triển bền vững thể dục thể thao quần chúng/** PGS.TS. Nguyễn Cẩm Ninh, TS. Lộc Đình Cương; PGS.TS. Đồng Văn Triệu; TS. Lê Anh Thơ; TS. Trần Kim Cương; ThS. Hoàng Thái Hoa; ThS. Nguyễn Phương Oanh; TS. Nguyễn Hữu Hùng; TS. Nguyễn Tiến Sơn; ThS. Lê Đức Long - Bắc Ninh - Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh, 2020 - 01/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Cơ sở lý luận về phát triển thể dục thể thao quần chúng. Đánh giá các yếu tố ảnh hưởng và điều kiện để phát triển thể dục thể thao quần chúng. Xây dựng tiêu chí đánh giá sự phát triển bền vững thể dục thể thao quần chúng. Đề xuất định hướng và giải pháp phát triển bền vững thể dục thể thao quần chúng.

Số hồ sơ lưu: 18053

### 50405. Xã hội học chuyên đề; Khoa học về giới và phụ nữ; Các vấn đề xã hội Nghiên cứu gia đình và xã hội; Công tác xã hội

76626. 10-2021. **Nghiên cứu đề xuất cơ chế chính sách đặc thù xây dựng nông thôn mới ở các xã đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, bãi ngang ven biển/** ThS. Ngô Huy Kiên, ThS. Nguyễn Việt Anh; TS. Hoàng Tuấn Hiệp; ThS. Huỳnh Liên Hoa; TS. Hà Văn Định; ThS. Nguyễn

Bảo Châm; KS. Vũ Quang Trung; PGS. TS. Lê Xuân Bá; TS. Trần Kim Hào; TS. Nguyễn Hữu Tài; TS. Đặng Minh Hải - Hà Nội - Viện quy hoạch và thiết kế nông nghiệp, 2019 - 12/2015 - 11/2018. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá thực trạng cơ chế chính sách hỗ trợ nông thôn mới: Đánh giá những nhân tố tác động đến xây dựng nông thôn mới của các xã đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, bãi ngang ven biển. Đánh giá tình hình thực hiện cơ chế chính sách xây dựng nông thôn mới ở các xã có điều kiện đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, bãi ngang ven biển. Xác định những cơ chế, chính sách đặc thù cần bổ sung hoàn thiện của các xã có điều kiện đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, bãi ngang ven biển trong xây dựng nông thôn mới. Đề xuất hoàn thiện cơ chế, chính sách đặc thù cho xây dựng nông thôn mới phù hợp từng vùng.

Số hồ sơ lưu: 17306

77046. 10-2021. **Nghiên cứu giải pháp mở rộng diện bao phủ bảo hiểm xã hội đối với lao động khu vực phi chính thức ở Việt Nam/** TS. Bùi Sỹ Lợi, TS. Bùi Sỹ Tuấn; ThS. Đỗ Thị Thanh Huyền; TS. Phạm Trường Giang; ThS. Lưu Quang Tuấn; ThS. Bùi Huy Nam; ThS. Phạm Trọng Cường; ThS. Nguyễn Đức Đông; CN. Ngô Văn Chung; CN. Lê Văn Hạnh - Hà Nội - Ủy ban về các vấn đề xã hội của Quốc Hội, 2019 - 07/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa những vấn đề chung về khu vực phi chính thức và

cơ sở khoa học của việc mở rộng diện bao phủ bảo hiểm xã hội đối với khu vực phi chính thức. Đánh giá thực trạng chính sách bảo hiểm xã hội và tổ chức thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội đối với lao động khu vực phi chính thức tham gia bảo hiểm xã hội giai đoạn 2009-2017. Đề xuất các giải pháp mở rộng diện bao phủ bảo hiểm xã hội đối với khu vực phi chính thức ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 17358

78453. 10-2021. **Mô hình Thể dục thể thao quần chúng gắn với phong trào xây dựng nông thôn mới/** PGS.TS. Bùi Ngọc, TS. Nguyễn Hồng Đăng; TS. Đặng Hoài An; PGS.TS. Hoàng Công Dân; TS. Trần Kim Tuyền; ThS. Đồng Thị Minh Tâm; ThS. Bùi Quang Ngọc; ThS. Lê Thị Thanh Thủy; ThS. Đậu Thị Lợi; ThS. Nguyễn Văn Hưng - Bắc Ninh - Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh, 2020 - 01/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Cơ sở lý luận về xây dựng mô hình thể dục thể thao quần chúng gắn với phong trào xây dựng nông thôn mới. Đánh giá thực trạng hoạt động thể dục thể thao quần chúng ở các địa phương xây dựng nông thôn mới. Nghiên cứu cơ sở khoa học lựa chọn mô hình phát triển tdtq quần chúng gắn với xây dựng nông thôn mới. xây dựng mô hình phát triển thể dục thể thao quần chúng ở khu vực nông thôn. Xác định mức độ phù hợp của nội dung và tính khả thi của mô hình thể dục thể thao quần chúng gắn với phong trào xây dựng nông thôn mới. Đề xuất giải pháp triển khai mô hình phát triển thể dục thể thao quần

chúng khu dân cư ở khu vực nông thôn.

Số hồ sơ lưu: 18031

78624. 10-2021. **Thực hiện quyền an sinh xã hội của người dân thông qua hoạt động công tác xã hội chuyên nghiệp ở Việt Nam hiện nay/** PGS.TS. Nguyễn Hồi Loan, PGS.TS. Nguyễn Thị Thái Lan; PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Hoa; TS. Mai Linh; TS. Nguyễn Hữu Dũng; PGS.TS. Trịnh Văn Tùng; PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Hà; PGS.TS. Hoàng Văn Nghĩa; TS. Bùi Tôn Hiến; TS. Nguyễn Văn Hồi - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, 2020 - 06/2018 - 05/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Làm rõ cơ sở lý luận về thực hiện quyền an sinh xã hội của người dân thông qua hoạt động công tác xã hội chuyên nghiệp. Đánh giá thực trạng thực hiện quyền an sinh xã hội của người dân thông qua hoạt động công tác xã hội chuyên nghiệp ở Việt Nam hiện nay. Đề xuất giải pháp phát triển hoạt động công tác xã hội chuyên nghiệp thực hiện quyền an sinh xã hội của người dân.

Số hồ sơ lưu: 18083

#### **50499. Xã hội học khác**

75513. 10-2021. **Nghiên cứu luận cứ khoa học phục vụ tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư tại thành phố Hải Phòng đến năm 2025/** TS. Nguyễn Văn Thuận, TS. Hoàng Ngọc Tuấn; ThS. Nguyễn Văn An; PGS.TS. Vũ Thị Loan - Hải Phòng - Hội Khoa học phát triển nguồn nhân lực, nhân tài thành phố

Hải Phòng, 2019 - 06/2018 - 10/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tổng quan về cơ sở lý luận và kinh nghiệm thực tiễn tiếp cận cách mạng công nghiệp 4.0 trên thế giới và Việt Nam. Thực trạng tiếp cận cách mạng công nghiệp 4.0 ở Hải Phòng. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu tiếp cận cách mạng công nghiệp 4.0 tại Hải Phòng đến năm 2025.

Số hồ sơ lưu: HPG.2019.019

### **505. Pháp luật**

#### **50501. Luật học**

78521. 10-2021. **Hoàn thiện cơ chế tổ chức theo dõi thi hành pháp luật ở Việt Nam hiện nay/** ThS. Đặng Thanh Sơn, ThS. Phạm Ngọc Thắng; TS. Đồng Ngọc Ba; TS. Nguyễn Quốc Hoàn; TS. Trần Văn Đạt; TS. Hồ Quang Huy; TS. Chu Thị Hoa; TS. Đoàn Thị Tố Uyên; TS. Nguyễn Văn Năm; ThS. Trần Thị Huyền Lê; ThS. Nguyễn Thị Thu Thủy; CN. Trần Phương Thảo - Hà Nội - Trường Đại học Luật Hà Nội, 2020 - 01/2017 - 10/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Một số vấn đề lý luận về hoàn thiện cơ chế tổ chức theo dõi thi hành pháp luật. Đánh giá thực trạng thể chế ở Việt Nam hiện nay, thực trạng thiết chế theo dõi thi hành pháp luật và các yếu tố ảnh hưởng đến việc thực hiện cơ chế tổ chức theo dõi thi hành pháp luật. Phân tích quan điểm hoàn thiện cơ chế tổ chức theo dõi thi hành pháp luật ở Việt Nam và đề xuất, kiến nghị những giải pháp hoàn thiện cơ chế tổ chức theo dõi thi hành pháp luật trong thời gian tới.



Số hồ sơ lưu: 18043

78522. 10-2021. **Bình luận khoa học Bộ luật hình sự năm 2015/** TS. Nguyễn Minh Khuê, GS.TS. Nguyễn Ngọc Anh; PGS.TS. Trần Văn Độ; PGS.TS. Phạm Văn Lợi; PGS.TS. Cao Thị Oanh; PGS.TS. Trịnh Tiến Việt; TS. Nguyễn Mai Bộ; TS. Trần Mạnh Đạt; TS. Đỗ Đức Hồng Hà; TS. Nguyễn Kim Thoa; TS. Trần Văn Dũng; TS. Hoàng Anh Tuyên; ThS. Nguyễn Văn Tùng; ThS. Nguyễn Văn Hoàn; ThS. Lê Thị Vân Anh; ThS. Lê Thị Hòa; ThS. Đinh Công Tuấn; ThS. Kiều Thị Hảo; ThS. Ngô Thanh Xuyên; CN. Phạm Anh Tuyết; CN. Nguyễn Huy Tài - Hà Nội - Viện Khoa học pháp lý, 2020 - 12/2016 - 06/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích nội dung, ý nghĩa chính trị, pháp lý của từng điều/chế định trong Bộ Luật hình sự năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung Bộ Luật hình sự năm 2015 bảo đảm phản ánh đúng tinh thần của nhà làm luật, chính sách hình sự của Đảng, Nhà nước ta nhằm góp phần thống nhất trong nhận thức và áp dụng Bộ Luật hình sự năm 2015. Phân tích những điểm mới của Bộ Luật hình sự năm 2015 so với Bộ Luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), trong đó làm nổi bật bối cảnh, lý do sửa đổi, bổ sung, những tư tưởng, tư duy pháp lý và kỹ thuật lập pháp mới liên quan đến điều/chế định trong Bộ Luật hình sự năm 2015. Phát hiện những vấn đề (điều, khoản, thuật ngữ... trong Bộ Luật hình sự năm 2015) cần có văn bản giải thích, hướng dẫn để đảm bảo áp dụng thống nhất Bộ Luật hình sự

năm 2015 và đề xuất cụ thể phương án giải thích đối với những vấn đề đó.

Số hồ sơ lưu: 18042

78537. 10-2021. **Kinh nghiệm xây dựng và thực thi pháp luật về quốc tịch của một số quốc gia trên thế giới và gợi ý chính sách cho Việt Nam/** ThS. Cao Xuân Phong, CN. Trần Thị Lan Phương; TS. Nguyễn Công Khanh; TS. Chu Mạnh Hùng; ThS. Ngô Sỹ Thiện; ThS. Vũ Thị Thanh Hương; TS. Vũ Đức Long; TS. Lê Mai Anh; ThS. Vũ Thị Thảo; ThS. Phạm Thị Thúy Hồng; ThS. Hà Tú Cầu; ThS. Nguyễn Thị Hằng Như - Hà Nội - Viện Khoa học pháp lý, 2020 - 01/2017 - 06/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá việc xây dựng và thực thi pháp luật quốc tịch một số nước trên thế giới như Pháp, Mỹ, Đài loan, Séc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Campuchia, Lào, Trung Quốc, Đông u (Đức, Nga, Ba Lan, Ailen) (tập trung vào nguyên tắc quốc tịch) từ đó đề xuất, khuyến nghị các giải pháp cụ thể nhằm giải quyết hệ quả vấn đề đa quốc tịch ở Việt Nam hiện nay. Gợi ý các chính sách pháp luật quốc tịch nhằm hoàn thiện pháp luật về quốc tịch ở Việt Nam (khi nào có quốc tịch, nhập quốc tịch, mất quốc tịch, xử lý xung đột quốc tịch...)

Số hồ sơ lưu: 18044

78538. 10-2021. **Nhận diện lý thuyết vật quyền và vấn đề áp dụng tại Việt Nam/** ThS. Lê Thị Hoàng Thanh, ThS. Trần Danh Tuấn; PGS.TS. Dương Đăng Huệ; ThS. Nguyễn Thị Thu Hằng; CN. Ngô Thu Trang; TS. Bùi Thị Thanh Hằng; CN.

Nguyễn Anh Thư; CN. Nguyễn Thành Luân; TS. Chu Thị Hoa; TS. Bùi Minh Hồng; ThS. Nguyễn Phúc Thiện; TS. Nguyễn Am Hiểu; ThS. Đỗ Thị Thúy Hằng; CN. Nguyễn Mai Trang; ThS. Lê Thị Thúy Nga; CN. Nguyễn Thị Phương Thúy; CN. Lưu Thị Phấn - Hà Nội - Viện Khoa học pháp lý, 2020 - 01/2017 - 06/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích nội dung lý thuyết vật quyền, việc vận dụng lý thuyết này trong pháp luật dân sự của một số quốc gia trên thế giới và những hữu ích của việc vận dụng. Làm rõ các yêu cầu đặt ra trong việc áp dụng lý thuyết vật quyền để hoàn thiện pháp luật dân sự Việt Nam. Đánh giá mức độ ứng dụng lý thuyết vật quyền trong pháp luật dân sự hiện hành ở Việt Nam và vận dụng mức độ sâu rộng hơn trong thời gian tới. Kiến nghị và định hướng tiếp tục vận dụng lý thuyết vật quyền trong việc hoàn thiện pháp luật dân sự ở Việt Nam trong giai đoạn tới.

Số hồ sơ lưu: 18045

78539. 10-2021. **Công ước La Hay năm 1980 về khía cạnh dân sự của hành vi bắt cóc trẻ em: Kinh nghiệm quốc tế về gia nhập, thực thi và các đề xuất đối với Việt Nam/** ThS. Bạch Quốc An, CN. Trần Thị Minh Hà; ThS. Phạm Hồ Hương; ThS. Lê Thị Kim Dung; TS. Trần Điệp Thành; TS. Nguyễn Văn Tuấn; ThS. Đinh Quỳnh Nga; ThS. Chu Tam Tuấn; ThS. Dương Thị Bích Đào; ThS. Hoàng Ngọc Bích; ThS. Hà Tú Cầu; ThS. Nguyễn Thị Thu Phương - Hà Nội - Viện Khoa học

pháp lý, 2020 - 03/2018 - 07/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Cung cấp thông tin thực tiễn giúp Bộ Tư pháp và các Bộ, ngành có liên quan chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho việc nghiên cứu khả năng gia nhập và thực thi Công ước nếu quyết định gia nhập. Hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ chủ trì công tác chuẩn bị gia nhập và thực thi Công ước mà Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Tư pháp thực hiện. Xác định rõ các vấn đề pháp lý của Công ước, các yêu cầu về tổ chức thực thi, kinh nghiệm của một số quốc gia thành viên Công ước. Đề xuất, kiến nghị đối với quá trình chuẩn bị gia nhập và thực thi Công ước của Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 18046

78540. 10-2021. **Nghiên cứu đổi mới, hoàn thiện quản lý nhà nước đối với hoạt động luật sư, công chứng và giám định tư pháp đến năm 2030/** ThS. Dương Bạch Long, ThS. Trần Thu Trang; TS. Nguyễn Văn Tuấn; TS. Nguyễn Văn Bôn; TS. Trương Hồng Quang; ThS. Nguyễn Văn Vê; ThS. Nguyễn Thị Thụy; ThS. Nguyễn Phước Thọ; ThS. Cao Xuân Phong; ThS. Dương Thu Hương; CN. Trịnh Khắc Triệu; CN. Lã Thanh Tân; CN. Nguyễn Nhật Quang; CN. Nguyễn Huy Thành; CN. Nguyễn Quốc Bình; CN. Vũ Xuân Thắng; CN. Đoàn Như Vui - Hà Nội - Viện Khoa học pháp lý, 2020 - 03/2018 - 09/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan một số vấn đề lý luận về quản lý nhà nước đối với các hoạt động luật sư, công chứng, giám định tư pháp. Đánh giá thực trạng quản lý

nhà nước trên các phương diện: thực trạng công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật và công tác quản lý nhà nước và tự quản. Đề xuất phương hướng, giải pháp cụ thể đổi mới quản lý nhà nước đối với các hoạt động luật sư, công chứng, giám định tư pháp đến năm 2030.

Số hồ sơ lưu: 18050

78541. 10-2021. **Những vấn đề pháp lý trong việc xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại do làm ô nhiễm môi trường trong sản xuất, kinh doanh ở Việt Nam/** GS.TS. Lê Hồng Hạnh, ThS. Lê Thị Lan Hương; PGS.TS. Vũ Thu Hạnh; ThS. Lê Văn Hợp; PGS.TS. Phạm Văn Lợi; PGS.TS. Dương Đức Chính; TS. Lê Kim Nguyệt; TS. Lê Đình Vinh; TS. Trần Quang Hồng; TS. Lê Thị Thu Hằng; TS. Nguyễn Thị Vân Anh; TS. Nguyễn Thị Thanh Mai; TS. Hồ Thị Duyên; ThS. Trần Đỗ Thành; ThS. Lê Thanh Sơn; ThS. Nguyễn Thu Trang; CN. Hoàng Thị Thanh Quyên - Hà Nội - Viện Nghiên cứu pháp luật và kinh tế ASEAN, 2020 - 03/2018 - 09/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu những vấn đề pháp lý của việc xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại do làm ô nhiễm môi trường trong sản xuất, kinh doanh gây ra. Xác định các yêu cầu của phát triển bền vững trong hoạt động kinh tế vi mô, vai trò của chế định bồi thường thiệt hại trong bảo vệ môi trường, đánh giá mức độ gây ô nhiễm trong hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua việc tổng hợp các số liệu hiện có và các khảo sát theo nhiều kênh khác nhau. Đánh giá thực trạng thể chế hiện hành về xác định trách

nhiệm bồi thường thiệt hại do ô nhiễm môi trường trong sản xuất, kinh doanh ở Việt Nam hiện nay, nhận diện và phân tích được những bất cập của của thể chế này cả về phương diện lý luận lẫn việc thực hiện trên thực tế. Đề xuất giải pháp về thể chế thiên về xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại do ô nhiễm môi trường trong sản xuất, kinh doanh, trong đó nhấn mạnh đến các giải pháp hoàn thiện pháp luật, các thành tố khác của thể chế.

Số hồ sơ lưu: 18047

78542. 10-2021. **Phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện quyền tư pháp theo tinh thần Hiến pháp năm 2013/** TS. Nguyễn Minh Khuê, ThS. Đinh Công Tuấn; TS. Nguyễn Văn Cương; PGS.TS. Trần Văn Độ; GS.TS. Trần Ngọc Đường; PGS.TS. Đinh Dũng Sỹ; TS. Nguyễn Quốc Hùng; ThS. Kiều Thị Hảo; ThS. Ngô Thanh Xuyên; ThS. Nguyễn Thị Lan - Hà Nội - Viện Khoa học pháp lý, 2020 - 03/2018 - 09/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích một số vấn đề lý luận về phân công, phối hợp và kiểm soát quyền tư pháp. Nghiên cứu phân công thực hiện quyền tư pháp và thực tiễn thi hành cơ chế phân công thực hiện quyền tư pháp ở Việt Nam. Đánh giá những hạn chế về pháp luật và thực tiễn thi hành cơ chế phân công thực hiện quyền tư pháp hiện nay. Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả cơ chế phân công, phối hợp và kiểm soát quyền tư pháp,

Số hồ sơ lưu: 18048

78556. 10-2021. **Lập pháp hình sự về trách nhiệm của pháp nhân dưới góc độ so sánh luật/** GS.TS. Nguyễn Ngọc Hòa, ThS. Lê Thị Diễm Hằng; GS.TS. Lê Thị Sơn; PGS.TS. Nguyễn Văn Hương; PGS.TS. Nguyễn Thị Thuận; TS. Trần Văn Dũng; TS. Hoàng Văn Hùng; TS. Nguyễn Tuyết Mai; TS. Hoàng Thị Tuệ Phương; TS. Đào Lệ Thu; ThS. Nguyễn Trường Thiệp; ThS. Trần Thanh Thủy; ThS. Lưu Hải Yến - Hà Nội - Trường Đại học Luật Hà Nội, 2020 - 03/2018 - 09/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ bản chất của việc qui định trách nhiệm hình sự của pháp nhân trên cơ sở phân tích lý luận và thực tiễn lập pháp của Việt Nam và của 9 quốc gia khác. Làm rõ nội dung qui định và kỹ thuật qui định trách nhiệm hình sự của pháp nhân. Đề xuất hướng giải thích và hoàn thiện các qui định về trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại trong Bộ luật hình sự năm 2015 nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các qui định này.

Số hồ sơ lưu: 18056

78557. 10-2021. **Tính ổn định của pháp luật Việt Nam: Lý luận, thực trạng và giải pháp/** TS. Nguyễn Văn Cương, CN. Trương Hồng Quang; GS.TS. Nguyễn Ngọc Hòa; PGS.TS. Phạm Duy Nghĩa; TS. Nguyễn Thị Kim Thoa; TS. Nguyễn Hữu Huyền; TS. Trần Thị Quang Hồng; CN. Luật sư Trương Thanh Đức; TS. Trần Kiên; ThS. Vũ Hồng Thúy; CN. Nguyễn Minh Đức; ThS. Hòa Thị Thủy; CN. Phạm Phương Linh; CN. Trần Hồng Hạnh; ThS. Phan Thị Thu Hằng - Hà Nội - Viện

Khoa học pháp lý, 2020 - 03/2018 - 09/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về pháp luật Việt Nam, các cơ sở pháp lý bảo đảm tính ổn định của pháp luật Việt Nam và các yếu tố ảnh hưởng đến tính ổn định của pháp luật Việt Nam. Đánh giá thực trạng tính ổn định của pháp luật Việt Nam. Nhận diện bối cảnh Việt Nam chi phối đến tính ổn định của pháp luật (chính trị, kinh tế, xã hội...). Quan điểm, định hướng cải thiện tính ổn định của pháp luật Việt Nam thời gian tới. Đề xuất giải pháp nhằm cải thiện tính ổn định của pháp luật Việt Nam thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: 18055

78563. 10-2021. **Các biện pháp nâng cao hiệu quả thu hồi tài sản cho nhà nước trong các vụ án tham nhũng/** TS. Nguyễn Thanh Thủy, ThS. Lê Tuấn Sơn; TS. Nguyễn Minh Khuê; TS. Lê Anh Tuấn; ThS. Phan Huy Hiếu; ThS. Đinh Công Tuấn; ThS. Nguyễn Đức Bằng; CN. Nguyễn Văn Tùng; TS. Đỗ Khắc Hưởng; ThS. Ngô Thanh Xuyên; CN. Đinh Nam Hải; CN. Nguyễn Hoàng Giang - Hà Nội - Viện Khoa học pháp lý, 2020 - 03/2018 - 03/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích một số vấn đề lý luận chung về thu hồi tài sản cho nhà nước trong các vụ án tham nhũng như: khái niệm, đối tượng, phạm vi thu hồi tài sản trong các vụ án tham nhũng; đặc điểm, vai trò của thu hồi tài sản, các yếu tố tác động đến kết quả thu hồi tài sản cho nhà nước trong các vụ án tham nhũng. Đánh giá thực trạng thực hiện các biện pháp thu hồi tài sản cho

nhà nước trong các vụ án tham nhũng ở Việt Nam. Đề xuất, kiến nghị một số biện pháp nâng cao hiệu quả thu hồi tài sản trong các vụ án tham nhũng ở Việt Nam trong thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: 18057

78564. 10-2021. **Phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện quyền hành pháp theo tinh thần Hiến pháp năm 2013/** TS. Nguyễn Thị Kim Thoa, ThS. Chu Thị Thái Hà; GS.TS. Nguyễn Đăng Dung; GS.TS. Trần Ngọc Đường; TS. Dương Thị Thanh Mai; TS. Hoàng Thị Ngân; TS. Nguyễn Thị Hạnh; TS. Nguyễn Văn Cương; TS. Nguyễn Thị Dung; ThS. Nguyễn Phước Thọ; ThS. Lê Thị Thiệu Hoa; ThS. Nguyễn Quỳnh Liên; ThS. Đỗ Thị Huệ; TS. Nguyễn Hoàng Anh; TS. Mai Thị Kim Huệ; ThS. Dương Thị Bình; ThS. Hoàng Thanh Thảo; ThS. Vũ Thị Hiền; ThS. Phạm Thị Hậu; ThS. Hoàng Việt Anh - Hà Nội - Viện Khoa học pháp lý, 2020 - 03/2018 - 09/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Vận dụng những thành quả đã có về phương diện lý luận ở trong và ngoài nước về quyền hành pháp, phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện quyền hành pháp để tiếp tục bổ sung cơ sở lý luận phù hợp với hệ thống chính trị của nước ta trong việc xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Đánh giá thực tiễn về quyền hành pháp, phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện quyền hành pháp qua các thời kỳ dựa trên các mốc lịch sử lập hiến

nước ta. Đề xuất phương hướng và giải pháp tiếp tục hoàn thiện pháp luật nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của nhánh hành pháp, góp phần bảo đảm tính dân chủ và pháp quyền của cơ quan hành pháp trong điều kiện xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Số hồ sơ lưu: 18058

## 506. Khoa học chính trị

### 50601. Khoa học chính trị

73225. 10-2021. **Cơ chế pháp lý thực hiện dân chủ đại diện ở Việt Nam hiện nay/** PGS. TS. Nguyễn Thị Việt Hương, PGS. TS. Vũ Thư; PGS. TS. Trương Thị Hồng Hà; TS. Vũ Thị Hồng Vân; TS. Phan Thanh Hà; ThS. Cao Việt Thăng; ThS. Mai Minh Ngọc; ThS. Chu Thị Thanh An; ThS. Nguyễn Đình Sơn; ThS. Lê Thương Huyền - Hà Nội - Viện Nhà nước và Pháp luật, 2018 - 01/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu xác lập cơ sở khoa học cho việc hoàn thiện cơ chế pháp lý thực hiện dân chủ đại diện ở Việt Nam theo hướng đảm bảo toàn bộ quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân, đáp ứng các yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và phát triển bền vững ở Việt Nam vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Số hồ sơ lưu: 16036

74375. 10-2021. **Điều chỉnh chính sách đối ngoại của Liên bang Nga từ sau khủng hoảng Ucraina và những tác động/** PGS. TS. Nguyễn An Hà, TS. Vũ Thụy Trang; PGS. TS. Đỗ Hương Lan; PGS. TS.

Đặng Minh Đức; TS. Hoa Hữu Cường; ThS. Nguyễn Thanh Lan; ThS. Phan Anh Dũng; ThS. Nguyễn Thị Phương Dung - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Châu Âu, 2019 - 01/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu những điều chỉnh trong chính sách đối ngoại của Liên bang Nga từ khi xảy ra khủng hoảng Ucraina đầu năm 2014 đến nay, đánh giá dự báo những tác động tới khu vực, thế giới và Việt Nam, đưa ra một số khuyến nghị cho Việt Nam có đối sách phù hợp. Phân tích bối cảnh và những yếu tố tác động tới nước Nga từ khi xảy ra khủng hoảng Ucraina; Những điều chỉnh chính sách đối ngoại của Nga cả về kinh tế, chính trị ngoại giao, an ninh quốc phòng cũng như trong quan hệ với các nước lớn và các tổ chức trong khu vực và trên toàn cầu; Dự báo triển vọng chính sách đối ngoại của Liên bang Nga cũng như tác động tới khu vực và thế giới trong giai đoạn trung hạn; Những tác động tới quan hệ hợp tác đối tác chiến lược Việt - Nga và một số khuyến nghị thúc đẩy quan hệ giữa hai nước trong thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: 16438

75514. 10-2021. **Nghiên cứu đề xuất một số giải pháp chủ yếu nâng cao hiệu quả giám sát của Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân đối với hoạt động tư pháp tại Hải Phòng/** ThS. Bùi Thành Cường, ThS. Đặng Bá Cường; ThS. Phan Đăng Hải; CN. Tô Quang Vĩnh; CN. Trần Thanh Minh; ThS. Lê Đức Trí; CN. Giang Diệp Hoa; CN. Mai Văn Thùy - Hải Phòng - Ban Nội chính Thành

ủy, 2019 - 12/2017 - 05/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Một số vấn đề lý luận về giám sát của Hội đồng nhân dân, Mặt trận tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân đối với hoạt động tư pháp. Đánh giá thực trạng giám sát của Hội đồng nhân dân, Mặt trận tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân đối với hoạt động tư pháp tại Hải Phòng và một số địa phương từ năm 2013 đến năm 2017. Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả giám sát của Hội đồng nhân dân, Mặt trận tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân đối với hoạt động tư pháp tại Hải Phòng.

Số hồ sơ lưu: HPG.2019.020

### **50602. Hành chính công và quản lý hành chính**

73230. 10-2021. **Biên soạn Từ điển bách khoa về cải cách hành chính ở Việt Nam/** TS. Đặng Thị Phương, PGS. TS. Đinh Ngọc Vương; TS. Bạch Hồng Việt; ThS. Lại Thị Tố Quyên; ThS. Nguyễn Thị Thanh Nga; TS. Trần Văn Duy; TS. Phan Thị Thanh Tâm; ThS. Vũ Thị Phương Thảo; ThS. Ngô Huy Biên; ThS. Hoàng Thị Hoa Mai; ThS. Ngô Hương Trang; ThS. Lê Thanh Hà; ThS. Đặng Thị Giang; CN. Phạm Thị Minh Trang; TS. Đoàn Thị Tố Uyên; ThS. Bùi Thanh Dũng; CN. Trương Minh Tuấn; ThS. Bùi Thị Nga; ThS. Trịnh Thị Ly; ThS. Nguyễn Gia Lượng - Hà Nội - Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam, 2018 - 01/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu những vấn đề lý luận, cơ sở lý thuyết và thực tiễn của

việc biên soạn Từ điển bách khoa về cải cách hành chính làm cơ sở cho việc biên soạn Từ điển bách khoa về cải cách hành chính ở Việt Nam. Biên soạn 300 mục từ Từ điển bách khoa về cải cách hành chính ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 16030

**50603. Lý thuyết tổ chức; Hệ thống chính trị; Đảng chính trị**

74408. 10-2021. Chia rẽ chính trị ở Mỹ hiện nay: Nguyên nhân và tác động/ TS. Lê Thị Thu, TS. Lê Thị Thu; ThS. Vũ Thị Hưng; TS. Lê Khương Thùy; TS. Nguyễn Lan Hương; ThS. Lê Thị Bích; ThS. Vũ Thị Thúy Nga - Hà Nội - Viện Nghiên Cứu Châu Mỹ, 2019 - 01/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ thực trạng, nguyên nhân chia rẽ chính trị ở Mỹ hiện nay và tác động đến nước Mỹ. Tìm hiểu tình hình chia rẽ chính trị ở Mỹ hiện nay; Làm rõ nguyên nhân chia rẽ chính trị ở Mỹ; Đánh giá những tác động của chia rẽ chính trị đến nước Mỹ; Dự báo xu hướng và hàm ý đối với Việt Nam. Chia rẽ chính trị có tác động đến sâu rộng tới mọi mặt đời sống kinh tế xã hội Mỹ, khiến nước Mỹ khó đạt được thỏa hiệp nhanh chóng và sâu rộng giữa các chính đảng trong những thời điểm quan trọng, ảnh hưởng đến số lượng và chất lượng của việc soạn thảo luật, khiến việc giải quyết các chính sách cấp thiết trở nên khó khăn hơn, thậm chí đôi khi dẫn đến bế tắc, minh chứng rõ ràng nhất là dẫn đến đóng cửa chính phủ Mỹ thường xuyên, liên tục hơn và lần đóng cửa gần đây nhất liên quan đến bất đồng về ngân sách

dành cho xây bức tường biên giới Mỹ-Mexico là lần đóng cửa lâu nhất trong lịch sử Mỹ.

Số hồ sơ lưu: 16448

**507. Địa lý kinh tế và xã hội**

**50702. Địa lý kinh tế và văn hoá**

76967. 10-2021. Nghiên cứu xây dựng đề cương Thành phố thông minh và thử nghiệm giải pháp nông nghiệp thông minh tại tỉnh Hà Giang/ ThS. Đinh Đức Hùng, - Hà Giang - Viettel Hà Giang, 2019 - 09/2017 - 04/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Ứng dụng công nghệ thông tin thông suốt trong quản lý và điều hành của các cấp từ UBND Tỉnh đến các đơn vị cơ sở; Xây dựng cơ sở dữ liệu nền tảng như CSDL công dân, CSDL công chức, CSDL thủ tục hành chính..., các phần mềm ứng dụng có khả năng phát triển, mở rộng nhằm phục vụ điều hành và thực hiện tốt các dịch vụ hành chính công đối với các tổ chức và công dân; Hoàn thiện cơ sở hạ tầng và trang thiết bị hiện đại đảm bảo phục vụ tốt cho hoạt động Chính quyền điện tử; Xây dựng các kênh giao tiếp giữa cơ quan nhà nước với các tổ chức, công dân; Trong giai đoạn đến năm 2025, phát triển một số dự án theo định hướng đô thị thông minh trong một số lĩnh vực như giáo dục, du lịch, nông nghiệp, y tế.

Số hồ sơ lưu: HGG-004-2020

**50703. Nghiên cứu quy hoạch, phát triển đô thị**

76786. 10-2021. Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn để hoàn

thiện quy định kỹ thuật về lập, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất và lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện phù hợp với luật đất đai 2013/ ThS. Nguyễn Tiến Thân, Ths. Nguyễn Thu Hằng; Ths. Nguyễn Thị Ý Nhi; KS. Trần Văn Tuấn; CN. Phạm Trần Thu Trang; CN. Nguyễn Huy Đức; CN. Phạm Thị Phương Nhung; Ths. Trịnh Quang Hân; Kỹ sư. Đoàn Duy Dũng; Ths. Lê Thị Khánh; ThS. Nguyễn Thị Ý Nhi; KS. Trần Văn Tuấn; CN. Phạm Trần Thu Trang; CN. Nguyễn Huy Đức; CN. Phạm Thị Phương Nhung; ThS. Trịnh Quang Hân; KS. Đoàn Duy Dũng; ThS. Lê Thị Khánh - Hà Nội - Viện nghiên cứu quản lý đất đai, 2020 - 07/2016 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tổng quan về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các cấp: làm rõ đặc điểm, vị trí, vai trò của quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các cấp và kinh nghiệm của một số nước trên thế giới về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; đánh giá mối quan hệ giữa quy hoạch các ngành, lĩnh vực đến quy hoạch sử dụng đất; mối quan hệ giữa các chỉ tiêu sử dụng đất trong thống kê, kiểm kê đất đai với các chỉ tiêu sử dụng đất trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các cấp. Đánh giá thực trạng về công tác lập, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất các cấp và lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện theo quy định của luật đất đai 2013; Đề xuất điều chỉnh, bổ sung quy định kỹ thuật về lập, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất các cấp và lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện theo quy định của Luật Đất đai 2013.

Số hồ sơ lưu: 17330

## **508. Thông tin đại chúng và truyền thông**

### **50802. Thông tin học**

73226. 10-2021. **Nâng cấp Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam theo tiêu chuẩn quốc tế giai đoạn 2017-2018/** ThS. Nguyễn Thị Hương Giang, KS. Đặng Ngọc Bảo; ThS. Nguyễn Thị Hải Hằng; CN. Vũ Văn Hưng; KS. Lê Tuấn Hải; CN. Phạm Thị Minh Nguyệt; CN. Lương Ngọc Quang Hưng; CN. Hoàng Hải Yên; CN. Ninh Văn Diên; ThS. Phí Công Thường - Hà Nội - Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam, 2018 - 01/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng hợp tiêu chí của một tạp chí khoa học đạt chuẩn quốc tế và kinh nghiệm của một số tạp chí được quốc tế công nhận (trong danh sách Scopus và ISI). Nghiên cứu và đánh giá thực trạng của Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam. Nghiên cứu các giải pháp nâng cấp của tạp chí theo tiêu chuẩn quốc tế với một lộ trình cụ thể, mục tiêu rõ ràng.

Số hồ sơ lưu: 16035

### **50804. Thông tin đại chúng và truyền thông văn hoá - xã hội**

73376. 10-2021. **Nghiên cứu đề xuất giải pháp liên thông giữa hệ thống CA công cộng và hệ thống CA chuyên dùng phục vụ các cơ quan Đảng, nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội ở Việt Nam./** TS. Lã Hoàng Trung, ThS. Đặng Đình Trường; ThS. Phạm Quang Hiếu; KS. Hoàng Minh Đạt; ThS. Nguyễn Thị



Phương Thu; KS. Lê Mạnh Tuấn - Hà Nội - Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia, 2019 - 05/2018 - 11/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá nhu cầu, sự cần thiết liên thông giữa các hệ thống CA; cơ sở mật mã học trong liên thông; các giải pháp liên thông phổ biến và kinh nghiệm liên thông của một số nước trên thế giới; phân tích hiện trạng phát triển của Việt Nam, đề xuất giải pháp liên thông phù hợp giữa hệ thống CA công cộng và hệ thống CA chuyên dùng chính phủ. Kết quả của đề tài cũng là căn cứ tốt để Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các bên liên quan để thực hiện liên thông giữa hai hệ thống trong thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: 15778

### **599. Khoa học xã hội khác**

75492. 10-2021. Nghiên cứu xây dựng CSDL Thông tin Khoa học và Công nghệ tổng hợp phục vụ công tác quản lý nhà nước về KH&CN tại thành phố Hải Phòng gắn với CSDL quốc gia về Khoa học và Công nghệ/ ThS. Lê Thị Thu Giang, CN. Trần Thị Phượng; KS. Vũ Đức Hùng; KS. Nguyễn Thùy Dương; KS. Bùi Quang Huy; CN. Đặng Trung Hiếu; CN. Đinh Thị Thủy; CN. Nguyễn Thị Lưu; CN. Nguyễn Trường Xuân - Hải Phòng - Trung tâm thông tin khoa học và công nghệ Thành phố Hải Phòng, 2018 - 08/2018 - 12/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tiến hành nghiên cứu một số vấn đề cơ sở lý luận. Thực trạng CSDL về KH&CN trên địa bàn thành

phố Hải Phòng. Tìm hiểu yêu cầu đặt ra đối với xây dựng CSDL thông tin KH&CN phục vụ quản lý và gắn với CSDL quốc gia về KH&CN. Nghiên cứu khung phương án triển khai xây dựng CSDL tổng hợp thông tin KH&CN phục vụ quản lý nhà nước về KH&CN gắn với CSDL quốc gia về KH&CN. Nghiên cứu Đối tượng thụ hưởng; Đối tượng thực hiện; Đối tượng thuộc diện phải cung cấp thông tin. Nghiên cứu nội dung các thông tin KH&CN cần thu thập của CSDL. Nghiên cứu cách thức thu thập thông tin. Nghiên cứu lựa chọn giải pháp công nghệ của CSDL. Xây dựng quy chế quản lý, khai thác CSDL phục vụ quản lý nhà nước tại Hải Phòng.

Số hồ sơ lưu: HPG.2019.007

## **6. Khoa học nhân văn**

### **602. Ngôn ngữ học và văn học**

#### **60207. Lý luận văn hoá; Nghiên cứu văn hoá nói chung**

73939. 10-2021. Hệ thống Tam Phủ - Tứ Phủ trong thực hành tín ngưỡng của người Việt (Kinh) và một số tộc người thiểu số miền núi phía Bắc/ TS. Chu Xuân Giao, PGS. TS. Nguyễn Thị Yên; TS. Phan Hoa Lý; ThS. Onishi Kazuhiko; GS. TS. Ngô Đức Thịnh; ThS. Phan Lan Hương; CN. Nguyễn Thu Hương - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Văn hóa, 2019 - 01/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Trên cơ sở là các luận cứ được xây dựng từ các nghiên cứu trường hợp, có sự kết hợp chặt chẽ trong sử dụng tư liệu điền dã dân tộc học với tư liệu văn bản, có sự kết hợp thỏa đáng giữa kết quả khảo sát thực tế với

tổng thuật có phê phán các nghiên cứu đi trước, nghiên cứu này hướng đến việc luận giải mang tính tổng quát về hệ thống Tam Phủ - Tứ Phủ như là một vũ trụ quan chung của người Kinh và các tộc người có quan hệ gần gũi (Tam Phủ là gồm Thiên Phủ - Địa Phủ - Thủy Phủ; Tứ Phủ là Tam Phủ cộng thêm Nhạc Phủ, hoặc Nhân Phủ/Dương Phủ/Dương Gian Phủ). Từ đó, nghiên cứu sẽ đưa đến những nhận thức mới về hệ thống Tam Phủ và Tứ Phủ, đề xuất thuật ngữ hệ thống Tam Tứ Phủ, góp phần cung cấp một cái nhìn mới về bức tranh tôn giáo tín ngưỡng ở Việt Nam ở trên cả hai bình diện là hiện trạng trong mỗi tộc người và quá trình giao lưu theo dòng lịch sử giữa các tộc người.

Số hồ sơ lưu: 16316

73965. 10-2021. **Nghiên cứu bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa ẩm thực Huế trong phát triển du lịch/** ThS. Vũ Hoài Phương, ThS. Nguyễn Thị Vinh Hương; TS. Trần Thị Mai; ThS. Phạm Bá Hùng; ThS. Hồ Thị Thúy Nga; TS. Trần Đình Hằng - Thừa Thiên - Huế - Trường Cao đẳng Du lịch Huế, 2018 - 01/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Nhận diện và đánh giá các giá trị của ẩm thực Huế, nhằm xác định các giá trị đặc trưng, nổi bật, cần được bảo tồn theo hướng gắn với phát triển du lịch; Đánh giá thực trạng về bảo tồn và khai thác giá trị văn hóa ẩm thực gắn với phát triển du lịch tại Thừa Thiên Huế, nhận diện những cơ hội, thách thức, thế mạnh và điểm yếu, làm cơ sở cho việc đưa ra các đề xuất, giải pháp, kiến nghị phát triển

du lịch dựa trên giá trị đặc trưng của ẩm thực Huế; Đề xuất một số giải pháp chủ yếu trước mắt và lâu dài nhằm khai thác các giá trị ẩm thực Huế trong du lịch một cách hiệu quả và bền vững; Đề xuất mô hình Trung tâm diễn giải ẩm thực phục vụ đào tạo kết hợp phục vụ khách du lịch.

Số hồ sơ lưu: 16300

### **603. Triết học, đạo đức học và tôn giáo**

#### **60301. Triết học**

74200. 10-2021. **Quan niệm của các nhà kinh điển mácxít về tự do và sự vận dụng quan niệm đó ở Việt Nam hiện nay/** TS. Vũ Thị Kiều Phương, ThS. Nguyễn Thị Hảo; PGS. TS. Đặng Hữu Toàn; TS. Nguyễn Ngọc Toàn; ThS. Trịnh Thị Hằng; PGS. TS. Vũ Văn Viên; TS. Nguyễn Đình Hòa; PGS. TS. Nguyễn Ngọc Hà; ThS. Nguyễn Thị Vân Anh; TS. Đào Thị Minh Thảo; ThS. Nguyễn Như Quỳnh; PGS. TS. Nguyễn Chí Hiếu; PGS. TS. Nguyễn Minh Hoàn; ThS. Lê Thanh Tùng - Hà Nội - Viện Triết học, 2019 - 01/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ nội dung quan niệm về tự do của các nhà kinh điển mácxít và giá trị lịch sử của nó. Trình bày một số quan niệm 14 tiêu biểu về tự do trong lịch sử triết học và sự ảnh hưởng của chúng đến nội dung quan niệm về tự do của các nhà kinh điển mácxít; Phân tích nội dung quan niệm về tự do của các nhà kinh điển mácxít, bản chất và đặc trưng của tự do, vai trò của tự do đối với sự phát triển con người và phát triển xã hội; Chỉ ra giá trị lịch sử trong quan niệm về tự do

của các nhà kinh điển mácxít. Trình bày và phân tích sự vận dụng quan niệm về tự do của các nhà kinh điển mácxít ở Việt Nam hiện nay, qua đó nêu một số vấn đề đặt ra trong quá trình vận dụng này. Với việc: trình bày và phân tích sự vận dụng quan niệm về tự do của các nhà kinh điển mácxít vào điều kiện Việt Nam của Hồ Chí Minh và những bài học kinh nghiệm từ sự vận dụng này đối với giai đoạn hiện nay; Trình bày và phân tích sự vận dụng quan niệm về tự do của các nhà kinh điển mácxít ở Việt Nam hiện nay của Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước Việt Nam; Nêu và phân tích một số vấn đề đặt ra trong quá trình vận dụng quan niệm về tự do của các nhà kinh điển mácxít vào điều kiện Việt Nam hiện nay. Đề xuất một số giải pháp và kiến nghị nhằm vận dụng sáng tạo và hiệu quả quan niệm về tự do của các nhà kinh điển mácxít trong điều kiện Việt Nam hiện nay.

Số hồ sơ lưu: 16308

**60302. Lịch sử và triết học của khoa học và công nghệ**

78535. 10-2021. **Dự báo và lựa chọn những lĩnh vực công nghệ ưu tiên phục vụ xây dựng Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Việt Nam giai đoạn 2021-2030/** ThS. Nguyễn Hoàng Hải, TS. Nguyễn Quang Tuấn; TS. Hoàng Xuân Long; ThS. Nguyễn Việt Hòa; TS. Bạch Tân Sinh; ThS. Nguyễn Quỳnh Anh; TS. Hoàng Văn Tuyên; ThS. Đặng Thu Giang; ThS. Nguyễn Thị Minh Hạnh; ThS. Trần Thu Hoa Hồng; ThS. Lương Thị Bình; CN. Đoàn Thị Hoài Anh; ThS.

Đặng Thị Thu Trang; Lã Thị Kim Thanh - Hà Nội - Viện Chiến lược và Chính sách khoa học và công nghệ, 2020 - 01/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Bối cảnh phát triển của Việt Nam giai đoạn 2021-2030, những vấn đề đặt ra cho lựa chọn các lĩnh vực công nghệ và công nghệ ưu tiên giai đoạn 2021-2030. Phân tích và thiết kế các phương pháp dự báo công nghệ phù hợp cho Việt Nam. Phân tích kết quả dự báo xu hướng phát triển công nghệ trên thế giới giai đoạn 2021-2030 và thực hiện chiến lược phát triển KH&CN của Việt Nam giai đoạn 2011-2020 theo các lĩnh vực công nghệ ưu tiên. Tổ chức dự báo và lựa chọn các lĩnh vực công nghệ ưu tiên phục vụ Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Việt Nam. . Đề xuất những lĩnh vực công nghệ ưu tiên, hướng công nghệ ưu tiên phục vụ xây dựng chiến lược khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Việt Nam giai đoạn 2021-2030.

Số hồ sơ lưu: 18040

**Phu lục: THỦ TỤC ĐĂNG KÝ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KH&CN**

**1. Tên thủ tục hành chính:** Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, cấp bộ, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cấp Trung ương, cấp bộ tài trợ.

**2. Trình tự thực hiện:**

- Bước 1:

+ *Đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không có nhu cầu đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp hoặc đã đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp trước khi nghiệm thu chính thức*

Trong thời hạn 30 ngày kể từ khi nhiệm vụ khoa học và công nghệ được nghiệm thu chính thức, tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, cấp quốc gia, cấp bộ, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cấp Trung ương, cấp bộ tài trợ phải thực hiện đăng ký và giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.

+ *Đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp sau khi nghiệm thu chính thức*

Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi nộp đơn đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, nhưng không muộn hơn 60 ngày kể từ ngày được nghiệm thu chính thức, tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, cấp quốc gia, cấp bộ, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước, nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cấp Trung ương, cấp bộ tài trợ phải thực hiện đăng ký và giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Bước 2:

Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ và ghi vào giấy biên nhận hồ sơ đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia có trách nhiệm thông báo bằng văn bản tới tổ chức, cá

nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ yêu cầu bổ sung. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia có trách nhiệm cấp 01 Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

### **3. Cách thức thực hiện:**

- Đăng ký trực tuyến tại trang thông tin điện tử: <http://dangkykqnv.vista.gov.vn/>;
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa, Phòng Quản lý Thông tin, Thống kê KH&CN, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia;
- Gửi bảo đảm theo đường bưu chính về Bộ phận Một cửa, Phòng Quản lý Thông tin, Thống kê KH&CN, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

### **4. Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ**

- 01 Phiếu đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước (Phiếu đăng ký để rời, đóng dấu giáp lai nếu 2 tờ, không đóng vào báo cáo tổng hợp).
- 01 bản giấy Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ (đã hoàn thiện sau khi nghiệm thu chính thức), báo cáo đóng bìa cứng, gáy vuông (in tên chủ nhiệm vụ, và mã số nhiệm vụ), trên trang bìa lót bên trong có xác nhận của tổ chức chủ trì nhiệm vụ về việc đã hoàn thiện kết quả thực hiện nhiệm vụ sau khi nghiệm thu chính thức.
- 01 bản điện tử Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ (file hoàn chỉnh, không tách riêng các file chương, mục,...); 01 bản điện tử Báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ; 01 bản điện tử phụ lục tổng hợp số liệu điều tra, khảo sát, bản đồ, bản vẽ, ảnh, sách chuyên khảo, bài tạp chí... tài liệu đa phương tiện, phần mềm (nếu có). Bản điện tử phải sử dụng định dạng Portable Document (.pdf) và phải sử dụng phông chữ tiếng Việt Unicode (Time New Roman) theo tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN 6909:2001), bản điện tử phải thể hiện đúng với bản giấy, được ghi trên đĩa quang và không được đặt mật khẩu.
- 01 bản sao Biên bản họp Hội đồng nghiệm thu chính thức kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (biên bản không đóng kèm vào báo cáo tổng hợp); văn bản xác nhận về sự thỏa thuận của các tác giả về việc xếp thứ tự tên trong danh sách tác giả thực hiện nhiệm vụ (nếu có).
- 01 Bản sao đơn đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp (nếu có) kèm theo bản chính để đối chiếu khi giao nộp.

- 01 Phiếu mô tả công nghệ (theo mẫu) đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ mà sản phẩm bao gồm quy trình công nghệ.

**5. Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

**7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

**8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

**9. Lệ phí:** Không.

**10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Phiếu đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

- Phiếu mô tả công nghệ.

- Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

**11. Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không

**12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật khoa học và công nghệ ngày 18/6/2013.

- Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/2/2014 của Chính phủ về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ.

- Thông tư số 14/2014/TT-BKHHCN ngày 11/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

**13. Thời gian và địa chỉ tiếp nhận hồ sơ:**

Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày Lễ, Tết)

Sáng: từ 8h30 đến 11h30

Chiều: từ 13h30 đến 16h30

Địa chỉ: Bộ phận Một cửa - Phòng Quản lý Thông tin, Thống kê khoa học và công nghệ, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

Phòng 308 (tầng 3), 24 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 024.39349116; Fax: 024.39349127.

Email: dangky@vista.gov.vn

*\* Mọi ý kiến phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân liên quan đến thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ gửi về địa chỉ: Bộ phận Kiểm soát thủ tục hành chính, Phòng 207b, tầng 2, 24 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội, điện thoại: 04.39349119*